

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG NAM  
KHOA TIỂU HỌC – MÀM NON



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

*Tên đề tài:*

### **BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY VĂN MIÊU TẢ CHO HỌC SINH LỚP 4**

Sinh viên thực hiện

**PHẠM THỊ NGÀNH**

**MSSV: 1108050120**

**CHUYÊN NGÀNH: GD TIỂU HỌC**

**KHÓA: 2008 – 2012**

Cán bộ hướng dẫn

**ThS. VÕ THỊ HOA**



*Tam Kỳ, tháng 5 năm 2012*

## LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thành đề tài tốt nghiệp này chúng tôi đã nhận được sự động viên, khuyến khích và tạo điều kiện, giúp đỡ nhiệt tình của nhiều thành viên và tập thể khác nhau:

Và lời đầu tiên tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Thạc sĩ Võ Thị Hoa, người đã tận tình hướng dẫn, động viên chúng tôi hoàn thành tốt đề tài khóa luận này.

Xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành trước sự đóng góp ý kiến quý báu của các thầy cô trong khoa Tiểu học – Mầm non.

Và cũng xin chân thành cảm ơn Ban giám hiệu, giáo viên và học sinh khối lớp 4 của trường TH Trần Quốc Toàn, trường TH Kim Đồng, thành phố Tam Kỳ, Quảng Nam, đã tạo điều kiện cho chúng tôi điều tra, tìm hiểu và thực nghiệm sư phạm.

Đề tài này đã được chúng tôi nghiên cứu và hoàn thành với sự nỗ lực cao nhất, mong chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong nhận được sự đóng góp của Hội đồng khoa học, của các thầy cô, bạn bè để đề tài được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng cảm ơn!

Tam Kỳ, tháng 5 năm 2012

Người thực hiện

Phạm Thị Ngân

## MỤC LỤC

Phần 1: MỞ ĐẦU.....	1
1.1. Lý do chọn đề tài.....	1
1.2. Mục đích nghiên cứu.....	2
1.3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu.....	2
1.3.1. Đối tượng nghiên cứu.....	2
1.3.2. Khách thể nghiên cứu.....	2
1.4. Giả thuyết khoa học.....	2
1.5. Nhiệm vụ nghiên cứu.....	2
1.6. Phương pháp nghiên cứu.....	2
Phần 2: NỘI DUNG.....	4
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI.....	4
1.1. Văn miêu tả và việc dạy văn miêu tả ở lớp 4.....	4
1.1.1. Tìm hiểu về văn miêu tả.....	4
1.1.1.1. Thế nào là văn miêu tả.....	4
1.1.1.2. Đặc điểm của văn miêu tả.....	5
1.1.2. Dạy học văn miêu tả ở lớp 4.....	6
1.1.2.1. Vai trò của văn miêu tả đối với HSTH.....	6
1.1.2.2. Các kiểu bài văn miêu tả trong phân môn TLV lớp 4.....	7
1.1.2.3. Khái quát về nội dung và ngôn ngữ của từng kiểu bài miêu tả trong phân môn TLV lớp 4.....	8
1.1.2.4. Mục tiêu của việc dạy văn miêu tả ở lớp 4.....	9
1.1.2.5. Hệ thống nội dung các bài học văn miêu tả trong phân môn TLV lớp 4.....	9
1.2. Một số vấn đề chung về dạy - học văn TLV lớp 4.....	11
1.3. Các PP thường sử dụng trong dạy học TLV lớp 4.....	12
1.3.1. PP Thực hành giao tiếp.....	12
1.3.2. PP gợi mở vấn đáp.....	12
1.3.3. PP rèn luyện theo mẫu.....	13
1.3.4. PP phân tích ngôn ngữ.....	13
1.3.5. PP trực quan.....	13
1.4. Xu hướng đổi mới PP dạy học trong phân môn TLV hiện nay.....	14
1.5. Một số vấn đề về tâm lý và quá trình nhận thức của HS.....	14
1.5.1. Đặc điểm quá trình nhận thức của HS.....	14

1.5.2. Đặc điểm nhân cách của HS.....	15
1.6. Thực trạng của việc dạy và học văn miêu tả trong phân môn TLV lớp 4 ở trường ..... Trần Quốc Toàn .....	16
1.6.1. Thực trạng nhận thức và chất lượng dạy văn miêu tả của GV TH .....	16
1.6.1.1. Điều tra .....	16
1.6.1.2. Kết quả điều tra .....	16
1.6.2. Thực trạng về tình hình học tập văn miêu tả của HS lớp 4.....	20
1.6.2.1. Điều tra.....	20
1.6.2.2. Kết quả điều tra .....	20
1.7. Tiểu kết chương 1.....	25
<b>Chương 2: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY VĂN MIÊU</b> <b>TẢ CHO HS LỚP 4 .....</b>	<b>27</b>
2.1. Biện pháp rèn các kỹ năng viết văn miêu tả cho HS.....	27
2.1.1. Rèn kỹ năng quan sát đối tượng miêu tả cho HS .....	27
2.1.2. Rèn kỹ năng lập dàn bài chi tiết cho bài văn miêu tả.....	31
2.1.3. Rèn kỹ năng viết mở bài trong bài văn miêu tả .....	33
2.1.4. Rèn kỹ năng viết kết bài trong văn miêu tả.....	36
2.1.5. Rèn kỹ năng xây dựng đoạn văn và viết bài văn miêu tả.....	39
2.1.6. Rèn kỹ năng viết văn có hình ảnh, giàu cảm xúc.....	41
2.2. Tích hợp dạy văn miêu tả trong các phân môn khác.....	44
2.2.1. Trong phân môn Tập đọc .....	44
2.2.2. Trong phân môn Luyện từ và câu .....	45
2.2.3. Trong phân môn Chính tả.....	48
2.3. Rèn các kỹ năng viết văn miêu tả thông qua hệ thống bài tập.....	49
2.3.1. Bài tập rèn kỹ năng viết đoạn.....	49
2.3.1.1. Bài tập viết đoạn văn theo đề bài .....	50
2.3.1.2. Bài tập viết đoạn văn theo gợi ý.....	50
2.3.1.3. Bài tập viết đoạn văn dựa trên ý của một đoạn thơ, văn .....	51
2.3.1.4. Sắp xếp trật tự các câu cho sẵn thành một đoạn văn.....	55
2.3.2. Bài tập rèn kỹ năng dùng từ, đặt câu, viết câu văn có hình ảnh.....	56
2.3.3. Bài tập mở rộng vốn từ .....	59
2.3.4. Bài tập rèn kỹ năng viết đúng chính tả.....	60
2.4. Tiểu kết chương 2.....	62

Chương 3: THỰC NGHIỆM VÀ KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM .....	63
3.1. Giới thiệu khái quát về quá trình thực nghiệm.....	63
3.1.1. Mục đích thực nghiệm.....	63
3.1.2. Nội dung thực nghiệm.....	63
3.1.3. PP thực nghiệm .....	63
3.1.4. Tổ chức thực nghiệm.....	63
3.1.5. Tiến hành thực nghiệm.....	64
3.2. Kết quả thực nghiệm .....	65
3.2.1. Kết quả lĩnh hội tri thức .....	65
3.2.2. Đánh giá về mức độ hứng thú học tập của HS.....	67
3.2.3. Đánh giá về sự chú ý của HS trong tiến trình bài dạy.....	68
3.3. Tiểu kết chương 3.....	68
Phần 3: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....	69
1.1. Kết luận .....	69
1.2. Kiến nghị.....	69

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CNH – HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
TH	Tiểu học
HS	Học sinh
GV	Giáo viên
SGK	Sách giáo khoa
TLV	Tập làm văn
TV	Tiếng Việt
TT	Thứ tự
TB	Trung bình
TN	Thực nghiệm
ĐC	Đối chứng
NXB	Nhà xuất bản

## DANH MỤC BẢNG BẢNG BIỂU

<i>TT</i>	<i>TÊN BẢNG BIỂU</i>	<i>TRANG</i>
1	Bảng 1: Hệ thống các bài văn miêu tả trong chương trình TLV lớp 4	Phụ lục 1
2	Bảng 2: Bảng thống kê chương trình văn miêu tả ở lớp 4	10
3	Bảng 3: Bảng thống kê điều tra về nhận thức và chất lượng dạy văn miêu tả của GV Tiểu học	16
4	Bảng 4: Bảng thống kê điều tra về tình hình học tập văn miêu tả của HS lớp 4	20
5	Bảng 5: Kết quả kiểm tra thực nghiệm 1	65
6	Bảng 6: Kết quả kiểm tra thực nghiệm 2	66
7	Bảng 7: Kết quả kiểm tra thực nghiệm 3	66
8	Bảng 8: Kết quả kiểm tra thực nghiệm 4	66
9	Bảng 9: Mức độ hứng thú học tập của HS đối với các bài học	67

## Phần 1: MỞ ĐẦU

### 1.1. Lý do chọn đề tài

Thế kỷ XXI mở ra nhiều thách thức và vận hội đối với đất nước. Đại hội Đảng lần thứ VIII đã quyết định đẩy mạnh CNH - HĐH đất nước nhằm mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh, đất nước vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội và “Giáo dục phải thực sự trở thành quốc sách hàng đầu...Cải tiến chất lượng dạy và học để hoàn thành tốt việc đào tạo bồi dưỡng nguồn lực con người cho CNH – HĐH đất nước”. (Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VIII).

Theo định hướng đó thì TH là cấp học nền tảng, mục tiêu giáo dục TH là nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Mỗi môn học đều góp phần hình thành và phát triển nhân cách của trẻ và cung cấp cho trẻ những tri thức cần thiết.

Trong đó, mục tiêu quan trọng nhất của môn TV ở TH là hình thành và phát triển ở HS các kĩ năng sử dụng tiếng Việt (nghe, nói, đọc, viết). Bộ SGK TV TH tổ chức rèn luyện kĩ năng sử dụng tiếng Việt cho HS qua các phân môn. Trong đó phân môn TLV có nhiệm vụ chủ yếu là rèn luyện kĩ năng tạo lập (sản sinh) văn bản (dạng nói hoặc dạng viết) cho HS. Nhờ kĩ năng đó mà HS biết cách sử dụng tiếng Việt văn hóa, làm công cụ tư duy, giao tiếp và học tập.

Trong đời sống, muốn người khác công nhận ra những điều mình đã nhìn thấy, đã sống, đã trải qua... chúng ta cần phải miêu tả. Trong văn học, các câu chuyện, các cuốn tiểu thuyết, thậm chí ngay cả trong văn nghị luận hay văn viết thư, nhiều lúc ta cũng chen vào các đoạn văn miêu tả. Vì thế, có thể nói văn miêu tả có một vị trí quan trọng trong sáng tác văn chương cũng như trong chương trình TLV ở TH. Hiện nay, trong chương trình TV mới, văn miêu tả được đưa vào giảng dạy ngay từ lớp 2 – 3 nhằm rèn luyện một số kĩ năng ban đầu (như tập quan sát và trả lời câu hỏi...) nhằm giúp HS bước đầu làm quen với văn miêu tả. Lên lớp 4 thì HS mới thực sự được rèn luyện những kĩ năng viết văn miêu tả gắn với quá trình tạo lập văn bản như: tìm hiểu đề; tìm ý và lập dàn ý; diễn đạt thành bài văn miêu tả... Qua việc rèn luyện những kĩ năng này, các em có thể tạo lập những bài văn miêu tả tương đối hoàn chỉnh, mang đậm dấu ấn cá nhân.

Tuy nhiên đây là lần đầu được học về thể loại văn này nên HS vẫn còn lúng túng không biết nói gì? Viết gì? Bên cạnh đó do đặc điểm tâm lí, ở lứa tuổi TH các em vẫn còn ham chơi, khả năng tập trung chú ý quan sát chưa tinh tế, năng lực sử dụng ngôn ngữ chưa phát triển tốt, dẫn đến khi viết văn miêu tả, HS còn thiếu vốn hiểu biết



về đối tượng miêu tả hoặc không biết cách diễn đạt điều muốn tả...Nên để hoàn thành bài văn miêu tả đối với HS lớp 4 thường rất khó khăn.

Còn về phía GV, theo nhiều ý kiến cho rằng đây là kiểu bài khó dạy trong phân môn TLV. GV còn thiếu linh hoạt trong vận dụng PP và chưa sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động học tập của HS. Vì vậy, không phải giờ dạy văn miêu tả nào cũng đạt hiệu quả mong muốn và không phải GV nào cũng dạy tốt văn miêu tả. Việc tìm tòi PP để hướng dẫn HS quan sát, tìm ý, lập dàn ý, tưởng tượng,...,cũng còn nhiều hạn chế.

Xuất phát từ những lý do trên nên chúng tôi quyết định chọn đề tài nghiên cứu ***“Biện pháp nâng cao chất lượng dạy văn miêu tả cho HS lớp 4”*** nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc dạy học văn miêu tả hiện nay.

## **1.2. Mục đích nghiên cứu**

- Đề xuất phương hướng ứng dụng một số biện pháp dạy học vào việc hình thành và rèn kỹ năng làm văn miêu tả cho HS lớp 4.

- Góp phần giải quyết những khó khăn của GV TH và nâng cao hứng thú, kết quả học tập về văn miêu tả cho HS lớp 4.

## **1.3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu**

### **1.3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Biện pháp nâng cao chất lượng dạy học văn miêu tả trong phân môn TLV lớp 4.

### **1.3.2. Khách thể nghiên cứu**

Quá trình dạy văn miêu tả ở lớp 4.

## **1.4. Giả thiết khoa học**

Giả định rằng nếu áp dụng những biện pháp mà chúng tôi đưa ra vào việc dạy văn miêu tả trong phân môn TLV lớp 4 thì hiệu quả của việc dạy học sẽ được nâng cao hơn rất nhiều.

## **1.5. Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Tìm hiểu các vấn đề lý thuyết về văn miêu tả.
- Tìm hiểu nội dung và thực trạng của việc dạy văn miêu tả ở lớp 4.
- Đề xuất một số biện pháp nâng cao chất lượng dạy học văn miêu tả ở lớp 4.
- Tổ chức dạy học thực nghiệm để kiểm tra tính hiệu quả và tính khả thi của những đề xuất đề tài đưa ra.

## **1.6. Phương pháp nghiên cứu**

Để giải quyết tốt mục đích cũng như những nhiệm vụ của đề tài, chúng tôi đã sử

dụng các PP nghiên cứu sau:

- PP nghiên cứu lý luận: Nghiên cứu các tài liệu lý luận về văn miêu tả.

- PP điều tra: đối với GV và HS để tìm hiểu về thực trạng dạy và học văn miêu tả ở lớp 4.

- PP đàm thoại, phỏng vấn: Trong quá trình điều tra để làm rõ thêm những nội dung cần điều tra chúng tôi đã sử dụng thêm phương pháp đàm thoại.

- PP quan sát: sử dụng PP này nhằm tìm hiểu cách tổ chức hoạt động dạy học kiểu bài văn miêu tả và biểu hiện về hứng thú của HS trong các tiết học.

- PP thống kê, xử lý thông tin: chúng tôi sử dụng PP này nhằm xử lý số liệu điều tra một cách chính xác và tin cậy.

- PP thực nghiệm sư phạm: PP này được tiến hành sau khi đã đưa ra lý thuyết và một số biện pháp cụ thể. Đây là khâu hiện thực hóa nội dung lý thuyết và biện pháp. Đồng thời, đây cũng là khâu kiểm tra, đánh giá kết quả, từ đó có thể rút ra những nhận xét, kết luận về quá trình nghiên cứu của mình.

## Phần 2: NỘI DUNG

### Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI

#### 1.1. Văn miêu tả và việc dạy văn miêu tả ở lớp 4

##### 1.1.1. Tìm hiểu về văn miêu tả

###### 1.1.1.1. Thế nào là văn miêu tả?

Có nhiều quan niệm về miêu tả, để đi đến thống nhất một quan điểm chung là điều không phải dễ dàng. Sau đây chúng tôi xin trích dẫn một số định nghĩa về miêu tả như sau:

Từ điển TV do Hoàng Phê chủ biên định nghĩa: “*Miêu tả là dùng ngôn ngữ hoặc một phương tiện nghệ thuật nào đó làm cho người khác có thể hình dung được cụ thể sự vật, sự việc hoặc thế giới nội tâm của con người*” [7,628]

Nhà văn Phạm Hồ cho rằng:

“*Miêu tả là khi đọc những gì chúng ta biết, người đọc như thấy cái đó hiện ra trước mắt mình: một con người, một con vật, một dòng sông, người đọc còn có thể nghe được cả tiếng nói, tiếng kêu, tiếng nước chảy, thậm chí còn ngửi thấy mùi hôi, mùi sữa, mùi hương hoa hay mùi rêu, mùi ẩm mốc... nhưng đó mới chỉ là miêu tả bên ngoài. Còn sự miêu tả bên trong nữa nghĩa là miêu tả tâm trạng vui, buồn, yêu, ghét của con người, con vật và cả cây cỏ*” [3,9]

Theo Đào Duy Anh lại cho rằng miêu tả là “*lấy nét vẽ hoặc câu văn để biểu hiện cái chân tướng của sự vật. Trong văn miêu tả, người ta không đưa ra những lời nhận xét chung chung, những lời đánh giá trừu tượng về sự vật, sự việc, hiện tượng, con người... bằng ngôn ngữ một cách sinh động, cụ thể. Văn miêu tả giúp người đọc nhìn rõ chúng, tưởng như mình đang xem tận mắt, bắt tận tay. Tuy nhiên hình ảnh một cánh đồng, một dòng sông, một con vật, một con người... do văn miêu tả tạo nên không phải là bức ảnh chụp lại, sao chép một cách vụng về. Nó là sự kết tinh của những nhận xét tinh tế, những rung động sâu sắc mà người viết đã thu lượm được qua quan sát cuộc sống*” [12,102]

Từ sự tổng hợp các ý kiến của các nhà nghiên cứu, các nhà văn chúng tôi hiểu miêu tả như sau:

Miêu tả là nêu lên các đặc điểm của sự vật, hiện tượng bằng cách làm cho các sự vật, hiện tượng đó hiện lên trực tiếp (tái hiện) trước mắt người đọc (người nghe) một cách cụ thể, sống động như thật khiến cho người ta có thể nhìn, nghe, ngửi, sờ mó được.

### 1.1.1.2. Đặc điểm của văn miêu tả:

Trong cuốn “*Văn miêu tả và phương pháp dạy văn miêu tả*”, tác giả Nguyễn Trí đã nêu rõ ba đặc điểm của văn miêu tả. Đó là: Văn miêu tả mang tính thông báo thẩm mỹ, chứa đựng tình cảm của người viết; văn miêu tả mang tính sinh động, tạo hình; ngôn ngữ miêu tả giàu cảm xúc, hình ảnh.

- *Đặc điểm trước tiên là văn miêu tả mang tính thông báo, thẩm mỹ, chứa đựng tình cảm của người viết.*

Dù là tả một con mèo, một con gà, một cây bàng thay lá mùa thu đến... bao giờ người viết cũng đánh giá chúng theo một quan điểm thẩm mỹ, cũng gửi vào bài viết ít nhiều tình cảm hay ý kiến đánh giá, bình luận của mình. Do vậy từng chi tiết của bài miêu tả đều mang ấn tượng cảm xúc chủ quan.

Đặc điểm này làm cho miêu tả trong văn học khác hẳn miêu tả trong khoa học (như trong sinh học, địa lí học, khảo cổ học...). Miêu tả trong phân môn TLV cũng khác hẳn miêu tả trong môn khoa học thường thức hoặc tìm hiểu tự nhiên và xã hội.

*Ví dụ:* Hãy so sánh hai đoạn miêu tả cùng một con vật “*Con bướm*” trong các đoạn trích sau:

Đoạn thứ nhất trích từ sách Khoa học thường thức:

*“Thân bướm có 3 phần: đầu, ngực, bụng. Phần ngực có bốn cánh, sáu chân. Bướm bay được nhờ hai đôi cánh là hai màng rộng bản. Chúng có vảy phần bao phủ nên không trong như cánh chuồn chuồn”.* [12,105]

Đoạn miêu tả này gạt bỏ hẳn cảm xúc riêng của người viết. Các chi tiết hiện ra chính xác nhưng thật lạnh lùng. Hơn nữa ở đây người ta chỉ nêu ra những chi tiết chi đặc điểm chung của loài bướm (cấu tạo, thân, cánh...) và bỏ qua đặc điểm riêng của từng con bướm.

Đoạn thứ hai trích từ một tác phẩm văn học của Vũ Tố Nam được dùng làm bài Tập đọc có tựa đề “*Những cánh bướm bên bờ sông*” (Sách TV 4, tập một)

*“Ngoài giờ học, chúng tôi tha thẩn ở bờ sông bắt bướm. Chao ôi, những con bướm đủ hình dáng, đủ sắc màu. Con xanh biếc pha đen như nhung bay nhanh loang loáng. Con vàng sẫm, nhiều hình mặt nguyệt, ven cánh có răng cưa, lượn lờ dờ như trôi trong nắng. Con bướm quạ to bằng hai bàn tay người lớn, màu nâu xin có hai đôi mắt tròn, vẻ dữ tợn. Bướm trắng bay theo đàn líu riu như hoa nắng...”.*

Trong đoạn văn này ngay từ đầu tình cảm của tác giả đối với những cánh bướm đã được xác định. Đó là sự yêu thích say mê bộc lộ qua hành động tha thẩn bên bờ

sông để bắt bướm. Từng chi tiết tả các loại bướm đều gắn liền với niềm say mê đó, đều chứng tỏ sự gắn bó, hòa quyện tâm hồn của tác giả với thiên nhiên.

- *Đặc điểm thứ hai là văn miêu tả có tính sinh động và tạo hình.*

Một bài văn miêu tả được coi là sinh động, tạo hình khi các sự vật, đồ vật, phong cách, con người... được miêu tả hiện lên qua từng câu, từng dòng như trong cuộc sống thực, tưởng như có thể cầm nắm được, có thể nhìn, ngửi hoặc “sờ mó” được.

Làm nên sự sinh động tạo hình của văn miêu tả là những chi tiết sống, gây ấn tượng...Tước bỏ chúng đi, bài miêu tả sẽ trở nên mờ nhạt, vô vị. Bài tả “*Những cánh bướm bên bờ sông*” sẽ thế nào nếu bị xóa đi các chi tiết “*tha thần ở bờ sông, bay như nhung, bay loang loáng....*”

Vậy những chi tiết sống động được lấy từ đâu? Chính là lấy từ sự quan sát cuộc sống quanh ta, từ kinh nghiệm sống của bản thân. Có bắt nguồn từ trong thực tế, có thai nghén trong kinh nghiệm, văn của ta mới cụ thể và linh hoạt.

- *Đặc điểm thứ ba là ngôn ngữ miêu tả giàu cảm xúc và hình ảnh.*

Chi có như vậy ngôn ngữ miêu tả mới có khả năng diễn tả cảm xúc của người viết được sinh động, tạo hình đối tượng miêu tả. Quan sát nhiều văn bản miêu tả, người ta thấy ngôn ngữ miêu tả giàu các tính từ, động từ, thường hay sử dụng phép nhân hóa, so sánh, ẩn dụ. Do sự phối hợp các tính từ (màu sắc, phẩm chất...) của các động từ với các biện pháp tu từ, ngôn ngữ miêu tả luôn tỏa sáng lung linh trong lòng người đọc, gợi lên trong lòng họ những cảm xúc, tình cảm, ấn tượng, hình ảnh về sự vật được miêu tả.

Chúng ta có thể tìm hiểu rõ hơn đặc điểm này qua đoạn văn tả cảnh sau:

*“Đó là một buổi chiều mùa hạ có mây trắng xô đuổi nhau trên cao. Nền trời xanh vời vợi. Con chim sơn ca cất tiếng hát tự do, tha thiết đến nỗi khiến người ta phải ao ước giá mình có một đôi cánh. Trải khắp cánh đồng nắng chiều vàng lịm và thơm hơi đất, là gió đưa thoang thoang lúa ngậm đòng và hương sen” (Đỗ Chu)[5,109]*

### **1.1.2. Dạy học văn miêu tả ở lớp 4**

#### **1.1.2.1. Vai trò của văn miêu tả đối với HS TH**

- Hiện nay văn miêu tả được đưa vào chương trình phổ thông ngay từ các lớp đầu cấp TH. Từ lớp 2, khi tập quan sát để trả lời câu hỏi, các em đã bắt đầu làm quen với văn miêu tả. Tại sao cần cho các em HS TH học văn miêu tả? Có thể nêu nhiều lý do: văn miêu tả phù hợp với đặc điểm tâm lí tuổi thơ (ưa quan sát, thích nhận xét, sự

nhận xét thiên về cảm tính...); góp phần nuôi dưỡng mối quan hệ và tạo nên sự quan tâm của các em với thế giới xung quanh, trong đó quan trọng nhất là với thiên nhiên, góp phần giáo dục tình cảm thẩm mỹ, lòng yêu cái đẹp, góp phần phát triển ngôn ngữ ở trẻ... Học văn miêu tả, HS có thêm điều kiện để tạo nên sự thống nhất giữa tư duy và tình cảm, ngôn ngữ và cuộc sống, con người với thiên nhiên, với xã hội, để kêu gọi ra những tình cảm, cảm xúc, ý nghĩ cao thượng đẹp đẽ... Xu - khôm - lin - xki, nhà giáo dục Xô viết cho rằng việc HS tiếp xúc với thiên nhiên, việc dạy các em miêu tả cảnh vật nhìn thấy, nghe thấy... là con đường có hiệu quả nhất để giáo dục các em và phát triển ngôn ngữ của trẻ.

Ở TH, việc học văn miêu tả góp phần rèn luyện tư duy hình tượng, từ óc quan sát đến trí tưởng tượng, từ khả năng tái hiện các chi tiết đã quan sát được. Khả năng tư duy logic của HS cũng được phát triển trong quá trình phân tích đề, lập dàn ý, viết đoạn. Trong quá trình sản sinh văn bản cũng giúp HS có kỹ năng phân tích, tổng hợp, phân loại, lựa chọn. Thông qua viết văn miêu tả HS có sự hiểu biết và tình cảm yêu mến, gắn bó với đồ vật, cây cỏ, thiên nhiên với con người và vạn vật xung quanh: Từ một quyển sách, đến một cây hoa, một chú gà trống... Từ đây tâm hồn, nhân cách của các em sẽ được hình thành và phát triển. Như vậy ta thấy rằng việc đưa văn miêu tả vào ngay từ cấp TH là một việc nên làm và đúng đắn. Bởi nó có vai trò rất quan trọng và thật sự cần thiết cho sự phát triển toàn diện của HS.

#### *1.1.2.2. Các kiểu bài miêu tả trong phân môn TLV lớp 4*

##### *\* Tả đồ vật*

Tả đồ vật là dùng lời văn có hình ảnh gợi cho người đọc như thấy cụ thể trước mắt đồ vật đó hình dạng, kích thước thế nào, màu sắc ra sao, gắn với con người làm ra hoặc đang sử dụng nó như thế nào. Các đồ vật HS tả thường là những đồ dùng quen thuộc với các em đó có thể là cái trống, cái bút, quyển vở, cặp sách, cái đồng hồ báo thức,... Chúng là những đồ vật vô tri, vô giác nhưng gần gũi và có ích đối với HS.

##### *\* Miêu tả cây cối*

Đối tượng của kiểu bài này là cây cối xung quanh ta. Tả cây cối là nêu ra những đặc điểm cụ thể, riêng biệt về hình dáng, hoa, quả, hương thơm... của cây ở một thời kì phát triển nào đó, làm cho người đọc như đang nhìn, đang ngắm cây. Có thể tả cây mới mọc, lúc mới vươn cành, trổ lá, đơm hoa quả, lúc cây đã già cỗi... có thể tả cây cối qua nhiều chặng biến đổi của thời gian hay sự thay đổi của thời tiết (cây bàng, cây hồng... qua các mùa trong năm), qua nhiều chặng phát triển (tả bãi ngô lúc mới nảy

mầm tới khi thu hoạch...)

*\* Miêu tả con vật*

Đối tượng miêu tả của thể văn này là những con vật. Ở lớp 4 HS tả những con vật các em đã có dịp tiếp xúc: lợn, mèo, gà... bài miêu tả con vật làm cho người đọc như đang sống cùng với chúng, nhìn ngắm hình dáng bên ngoài, chứng kiến các hoạt động của chúng.

*1.1.2.3. Khái quát về nội dung và ngôn ngữ của từng kiểu bài miêu tả trong phân môn TLV lớp 4*

*\* Tả đồ vật*

- Nội dung miêu tả: Ta biết rằng, mỗi một đồ vật có nhiều bộ phận, đơn giản như cái bàn, quyển lịch cũng không phải chỉ có một, hai bộ phận. Đến các đồ vật phức tạp có thể chuyển động được như cái xe, ô tô... thì các bộ phận của nó lại càng phong phú. Tuy nhiên văn miêu tả không nhằm miêu tả lại cho đủ các bộ phận đó như có người làm tường. Tả đồ vật phải tránh lối kể liệt kê cho hết các bộ phận như cán bộ kỹ thuật nghiên cứu cấu tạo hoặc lắp ráp, sửa chữa. Bài miêu tả đồ vật chỉ nhằm vào những chi tiết, bộ phận có thể khắc họa hình ảnh đồ vật ấy rõ nét hoặc có liên quan đến cảm xúc người viết.

- Ngôn ngữ miêu tả: Đồ vật là vô tri vô giác, để tả cho sinh động người ta thường sử dụng phép nhân hóa. Người ta có thể dùng các đại từ hay từ xưng hô: anh, chị, chú, bác... khi đứng ở ngôi thứ ba để tả hoặc dùng các đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất (tớ là chiếc đồng hồ) kèm theo động từ xưng hô là hàng loạt các động từ, tính từ miêu tả hoạt động hoặc tâm trạng, ý nghĩ của con người được dùng để tả đồ vật. Nhờ vậy đồ vật trở nên sinh động hơn, hấp dẫn dù đó là vật vốn quen thuộc hằng ngày.

*\* Tả cây cối*

- Nội dung miêu tả: Miêu tả cây cối trước tiên là miêu tả bản thân cái cây đó: tả bao quát toàn cây, tả các bộ phận của cây. Tả bao quát toàn cây là tả cây nhìn từ xa để nhận ra đặc điểm của tầm cao, dáng đứng, ngọn cây, tán lá... là tả khi đến gần: những đặc điểm nổi trội nhất chỉ rõ giai đoạn phát triển của cây: cây đang ra lá, vươn cành, trổ hoa, kết quả...

- Ngôn ngữ miêu tả: Bài tả cây cối thường dùng ngôn ngữ xác thực nhưng lại giàu hình ảnh và cảm xúc. Chính các danh từ cụ thể và các tính từ chỉ màu sắc, phẩm chất, khối lượng... được lựa chọn phù hợp với đặc điểm cần tả tạo nên chất lượng tốt cho bài. Miêu tả cây cối người ta hay dùng các biện pháp so sánh, ẩn dụ, nhân hóa...

#### *\* Tả con vật*

- Nội dung miêu tả: Tả con vật cần chú ý cả hai mặt: tả hình dáng bên ngoài và tả hoạt động, tính nết của con vật. Dù miêu tả ngoại hình hay hoạt động tính nết của con vật, bài miêu tả đòi hỏi những chi tiết độc đáo, tinh tế trong việc phát hiện đặc điểm riêng, mới lạ của con vật so với đồng loại của chúng. Hình ảnh con vật do vậy mang tính đơn nhất, chủ quan, không lặp lại khiến nó không giống với các con vật khác cùng trong tác phẩm hay trong thực tế. Bên cạnh nội dung miêu tả này còn có một nội dung khác cần chú ý trong miêu tả đó là thể hiện tình cảm của người đối với con vật được tả.

- Ngôn ngữ miêu tả: Bài miêu tả con vật phải đảm bảo yêu cầu chung về ngôn ngữ miêu tả: sinh động, có hình ảnh và cảm xúc. Tuy nhiên xem xét kĩ chúng ta thấy bài miêu tả con vật thường chú ý sử dụng có hiệu quả các tính từ chỉ màu sắc, khối lượng và các phép nhân hóa, so sánh...

#### *1.1.2.4. Mục tiêu của việc dạy văn miêu tả lớp 4*

##### *\* Yêu cầu về kiến thức*

- Học sinh phải hiểu thế nào là miêu tả

- Miêu tả đồ vật: Biết cách quan sát, tìm ý, lập dàn ý bài văn miêu tả đồ vật

- Miêu tả cây cối: Biết cách quan sát, tìm ý, lập dàn ý bài văn miêu tả cây cối

- Miêu tả con vật: Biết cách quan sát, tìm ý, lập dàn ý bài văn miêu tả con vật

*\* Yêu cầu về kĩ năng:* Chương trình TLV miêu tả (nhằm trang bị cho HS những kĩ năng sản sinh ngôn bản), cụ thể:

- Kĩ năng định hướng hoạt động giao tiếp: Nhận diện đặc điểm văn bản; phân tích đề tài, xác định yêu cầu.

- Kĩ năng lập chương trình hoạt động giao tiếp: xác định dàn ý của bài văn đã cho; quan sát đối tượng tìm ý và sắp xếp ý thành dàn ý trong bài văn miêu tả.

- Kĩ năng thực hiện hóa hoạt động giao tiếp: Đối chiếu văn bản nói, viết của bản thân với mục đích giao tiếp và yêu cầu diễn đạt; sửa lỗi về nội dung và hình thức diễn đạt.

#### *1.1.2.5. Hệ thống nội dung các bài học văn miêu tả trong phân môn TLV lớp 4*

##### *Các loại bài học*

- Dạy lí thuyết: Cũng như ở phân môn Luyện từ và câu, các bài học lí thuyết TLV miêu tả đều có cấu tạo gồm 3 phần: Nhận xét, Ghi nhớ, Luyện tập.

- Hướng dẫn thực hành: Các bài hướng dẫn thực hành nhằm mục đích rèn luyện



kĩ năng làm văn, thường gồm 2, 3 bài tập nhỏ hoặc một đề bài TLV kèm theo gợi ý luyện tập theo hai hình thức nói và viết.

- Thống kê các bài học văn miêu tả trong phân môn TLV 4 (*Phụ lục 1*)

- Đánh giá về phần nội dung kiểu bài văn miêu tả lớp 4

Ở lớp 4, HS chính thức được học thể loại văn miêu tả, cụ thể là 3 kiểu bài: tả đồ vật, tả cây cối, tả con vật. Như vậy, mỗi kiểu bài đều được dành khá nhiều số tiết nhằm giúp HS luyện tập và làm bài tốt hơn. Nghĩa là, HS có đầy đủ kiến thức và kĩ năng làm được một bài văn miêu tả hay, sinh động, sáng tạo, giàu hình ảnh và cảm xúc. Cụ thể số tiết như sau:

**Bảng 2: Bảng thống kê chương trình văn miêu tả ở lớp 4**

Số tiết	Học kì I	Học kì II	Cả năm
Văn miêu tả			
- Khái niệm miêu tả	1		1
- Miêu tả đồ vật	6	4	10
- Miêu tả cây cối		11	11
- Miêu tả con vật		8	8

Mỗi kiểu bài văn miêu tả trong chương trình chủ yếu gồm các tiết:

- Giới thiệu kiểu bài miêu tả và cấu tạo của nó
- Tập quan sát
- Tả các bộ phận của đối tượng miêu tả
- Xây dựng đoạn văn trong bài văn miêu tả
- Dựng đoạn mở bài
- Dựng đoạn kết bài
- Kiểm tra viết
- Trả bài

So với chương trình trước đây, chương trình hiện hành có số tiết dành cho TLV miêu tả nhiều hơn mà kiểu bài thì ít hơn (trước đây, văn miêu tả lớp 4, HS được học 4 kiểu bài: Tả đồ vật, tả cây cối, tả con vật, tả cảnh). Chính vì vậy, hiện nay HS có điều kiện để làm quen và thực hành nhiều hơn.

Rèn luyện kĩ năng sản sinh văn bản là nội dung chủ yếu của các tiết học văn miêu tả (có các loại kĩ năng: kĩ năng tìm ý, lập dàn ý, lựa chọn từ ngữ, kĩ năng dựng

đoạn và bài, kĩ năng đánh giá và chữa văn bản.)

Chương trình SGK TLV 4 đã tạo ra cơ chế và PP dạy học văn miêu tả, chống lối dạy “sáo”, coi việc rèn luyện bộ óc, PP suy nghĩ, PP tìm tòi, vận dụng kiến thức cho HS là điều cơ bản nhất. Với cơ chế này, nội dung dạy học văn miêu tả đã đề cao tính chân thực khi miêu tả cũng như diễn tả tình cảm, cảm xúc... Về PP làm bài thì không có tiết dạy lí thuyết kiểu bài riêng, các kiến thức về lí thuyết được rút ra qua các tiết thực hành và là nội dung phải ghi nhớ ở cuối mỗi bài học. Mỗi tiết học trong chương trình đều có nhiệm vụ và nội dung xác định.

## **1.2. Một số vấn đề chung về dạy – học TLV lớp 4**

*\* Học sinh phải chủ động, tích cực hoạt động trong quá trình dạy – học TLV*

- HS là trung tâm của quá trình học tập, là tư tưởng cơ bản của giáo dục hiện đại. Trong việc dạy – học TLV cũng vậy, HS phải thực sự làm chủ quá trình hình thành kĩ năng sản sinh văn bản...GV chỉ đóng vai trò người tổ chức, dẫn dắt để HS làm việc. Muốn thực hiện yêu cầu này khó nhất là tạo được hứng thú học TLV cho HS.

- Mặt khác, GV cần tôn trọng sự độc lập suy nghĩ, sự sáng tạo của HS qua bài TLV. Mỗi bài TLV là sản phẩm của từng cá nhân HS trước một đề tài. Sản phẩm này ít nhiều in dấu ấn riêng của từng em trong cách suy nghĩ, cách kể, cách tả, cách diễn đạt... Thái độ đúng đắn của GV là tôn trọng sự độc lập suy nghĩ, sáng tạo đó nếu nó không biểu lộ những lệch lạc.

*\* Phải coi trọng yêu cầu thực hành trong suốt quá trình dạy TLV*

Ở đây là thực hành kĩ năng viết văn bản. Mỗi tiết TLV phải là một tiết thực hành, cần giảm sự giảng giải của GV để tăng thời gian cho sự luyện tập của HS. Tuy nhiên các lý thuyết về từng kiểu bài cần được truyền đạt chính xác, đầy đủ để soi sáng cho HS trong quá trình thực hành.

*\* Phải giúp cho HS viết văn có cảm xúc và chân thực.*

- Ở TH, hiện tại HS học chủ yếu về các bài thuộc ngôn ngữ nghệ thuật (Các kiểu mô tả, kể chuyện, tường thuật). Loại văn thuộc ngôn ngữ nghệ thuật đòi hỏi bài viết phải giàu cảm xúc, tạo nên cái “hồn”, chất văn của bài làm. Muốn vậy phải luôn nuôi dưỡng ở các em tâm hồn trong sáng, cái nhìn hồn nhiên, một tấm lòng dễ xúc động và luôn hướng tới cái thiện.

- Mặt khác các bài làm của HS cần phải chân thực: chân thực khi miêu tả, lúc tường thuật, chân thực khi viết thư, lúc phát biểu cảm xúc... GV cần uốn nắn để HS

tránh thái độ giả tạo, giả dối chống bệnh công thức, sáo rỗng, thói giả trước tuổi. Một biểu hiện cụ thể của căn bệnh này là thói làm bài theo cách sao chép nguyên văn bài mẫu.

### **1.3. Các PP thường sử dụng trong dạy học TLV lớp 4**

Trong quá trình dạy học phân môn TLV lớp 4, người GV có nhiều cách thức, nhiều con đường và nhiều PP để hình thành kiến thức, kỹ năng cho HS. Theo chúng tôi những PP thường dùng để dạy TLV lớp 4 là nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo của HS gồm có:

#### **1.3.1. PP thực hành giao tiếp**

Khái niệm: PP thực hành giao tiếp là PP dạy học bằng sắp xếp tài liệu ngôn ngữ sao cho vừa bảo đảm tính chính xác, chặt chẽ trong hệ thống ngôn ngữ phản ánh được đặc điểm, chức năng của chúng trong hoạt động giao tiếp.

Mục đích: Tận dụng vốn hiểu biết về ngôn ngữ nói của HS, để HS cảm thấy nhẹ nhàng hơn trong việc tiếp nhận kiến thức và rèn luyện kỹ năng học tập mới. Rèn cho HS tính tự tin với chính kiến của mình.

Yêu cầu: Khi sử dụng PP thực hành giao tiếp, GV phải tạo điều kiện tối đa để HS được giao tiếp (giao tiếp giữa GV với HS, giao tiếp giữa HS với HS). Thông qua giao tiếp, GV cho HS nhận thấy được cái đúng, cái sai để bổ sung hoặc sửa chữa nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giao tiếp. Ngoài ra, GV cần tạo không khí lớp học vui, thoải mái để HS có kỹ năng giao tiếp, tự nhiên, tự tin.

#### **1.3.2. PP gợi mở vấn đáp**

- Khái niệm: PP gợi mở vấn đáp là PP dạy học không trực tiếp đưa ra những kiến thức đã hoàn chỉnh mà hướng dẫn HS tư duy từng bước một để các em tự tìm ra kiến thức mới phải học.

- Mục đích: PP gợi mở vấn đáp nhằm tăng cường khả năng suy nghĩ, sáng tạo trong quá trình lĩnh hội tri thức và xác định mức độ hiểu bài cũng như kinh nghiệm đã có của HS. Giúp HS hình thành khả năng tự lực tìm tòi kiến thức. Qua đó HS ghi nhớ tốt hơn, sâu sắc hơn và còn biết chia sẻ hiểu biết kinh nghiệm.

- Yêu cầu khi sử dụng: GV phải lựa chọn những câu hỏi theo đúng nội dung bài học. Những câu hỏi đưa ra phải rõ ràng, dễ hiểu và phù hợp với mọi đối tượng HS trong cùng một lớp. GV dành thời gian hợp lý cho HS suy nghĩ. Sau đó cho HS trả lời (tự nguyện hoặc GV gọi). HS nhận xét bổ sung và rút ra kết luận, GV chốt lại kiến thức. Kiến thức phân môn TLV lớp 4 cung cấp cho HS đều được hình thành dưới dạng

bài tập. Do đó PP gợi mở vấn đáp phù hợp với cả hai kiểu bài dạy (dạy lý thuyết và dạy thực hành).

### **1.3.3. PP rèn luyện theo mẫu**

- Khái niệm: PP rèn luyện theo mẫu là PP dạy học mà GV đưa ra các mẫu cụ thể về lời nói hoặc mô hình lời nói (cũng có thể cùng HS xây dựng mẫu lời nói). Từ mẫu đó, HS biết cách tạo ra các đơn vị lời nói theo định hướng của mẫu.

- Mục đích: Giúp HS làm bài đặc biệt là HS TB và học sinh yếu.

- Yêu cầu sử dụng: Để giúp HS làm những bài tập, dưới sự hướng dẫn của GV, HS phân tích các ngữ liệu mẫu để hình thành kiến thức (GV có thể làm mẫu một phần). Sau khi làm mẫu, GV tổ chức cho HS quan sát mẫu và suy ra cách làm các phần tương tự còn lại.

### **1.3.4. PP phân tích ngôn ngữ.**

- Khái niệm: Đây là PP dạy học trong đó HS dưới sự tổ chức hướng dẫn của GV tiến hành tìm hiểu các hiện tượng ngôn ngữ, quan sát và phân tích hiện tượng đó theo định hướng của bài học, trên cơ sở đó rút ra những nội dung lý thuyết cần ghi nhớ.

- Mục đích: Giúp HS tìm tòi, huy động vốn hiểu biết của mình về từ ngữ tiếng Việt và cách sử dụng tiếng Việt trong những hoàn cảnh cụ thể, làm cho bài nói, bài làm của các em chân thực, giàu hình ảnh và sinh động hơn.

- Yêu cầu sử dụng: GV phải tạo điều kiện HS tự phát hiện và chữa lỗi diễn đạt. Hướng dẫn HS cách sử dụng tiếng Việt khi nói (đúng ngữ điệu) viết (đúng ngữ pháp) cho phù hợp với nội dung bài tập.

### **1.3.5. PP trực quan.**

- Khái niệm: PP trực quan là PP dạy học trong đó GV sử dụng các phương tiện trực quan nhằm giúp HS có biểu tượng đúng về sự vật và thu nhận kiến thức, rèn kỹ năng theo mục tiêu bài học một cách thuận lợi.

- Mục đích: Thu hút sự chú ý và giúp HS hiểu bài, ghi nhớ bài tốt hơn. HS có thể khái quát nội dung bài và phát hiện những mối liên hệ của các đơn vị kiến thức dễ dàng hơn.

- Yêu cầu sử dụng: GV phải hướng dẫn HS quan sát (bằng nhiều giác quan) để HS hiểu và cảm nhận về đối tượng cần quan sát. Hướng dẫn cách quan sát từ bao quát đến chi tiết, từ tổng thể đến bộ phận, giúp HS hình thành PP làm việc khoa học. Hơn nữa, trong quá trình giảng dạy, GV phải đưa đồ dùng trực quan đúng lúc, đúng chỗ cho

tất cả HS có thể quan sát, tránh lạm dụng.

#### **1.4. Xu hướng đổi mới PP dạy học trong phân môn TLV hiện nay**

Hiện nay giáo dục nước ta vấn đề đổi mới PP dạy học ở TH đang diễn ra một cách sôi động, được nghiên cứu ứng dụng rộng rãi trên bình diện cả về mặt lý luận cũng như về mặt thực tiễn. Việc dạy học theo hướng “tích cực hóa người học” hay “hướng tập trung vào HS” tăng cường dạy PP tổ chức cho HS hoạt động để các em có thể tự chiếm lĩnh kiến thức bằng chính hoạt động học của mình là định hướng cơ bản trong đổi mới PP dạy học ở TH.

Trong môn TV nói chung và phân môn TLV nói riêng xu hướng đổi mới PP dạy học hiện nay là vận dụng các PP dạy học theo quan điểm giao tiếp nhằm hình thành cho HS các kỹ năng diễn đạt thông qua các bài học, hình thành thói quen ứng xử giao tiếp hằng ngày với thầy cô, cha mẹ, bạn bè và mọi người xung quanh. Và phải tạo cho HS nhiều cơ hội về thực hành, luyện tập, không quá nặng về lý thuyết như cách dạy truyền thống.

Bên cạnh đó ta cần sử dụng linh hoạt các hình thức hoạt động trong một tiết TLV. Nhằm cuốn hút HS vào các hoạt động học tập một cách chủ động và tích cực. GV sử dụng các hình thức tổ chức dạy học như: thảo luận nhóm, cá nhân... Các hình thức tổ chức hoạt động học có thể là: đóng các hoạt cảnh, vận dụng các trò chơi trong tiết học, các cuộc thi tiếp sức... Qua đó HS lĩnh hội kiến thức tích cực, tự giác “học mà chơi, chơi mà học”. Không khí học tập thoải mái khiến HS mạnh dạn, tự tin khi nói. Các em có khả năng diễn đạt, phát biểu ý kiến, đánh giá trước đám đông một cách lưu loát, rành mạch, dễ hiểu.

Và một điều mà các nhà giáo dục cũng rất quan tâm trong dạy học TLV hiện nay đó là chú trọng đến việc “tích hợp - lồng ghép khi dạy phân môn này”. Nhằm giúp HS có những kiến thức cũng như là kỹ năng cần thiết để học tốt hơn trong các giờ TLV.

Đó là những việc làm hết sức cần thiết, tạo ra một bước phát triển mới trong dạy học TLV, phát triển được một cách toàn diện khả năng của HS. Tuy nhiên bên cạnh những thành công đáng khích lệ ở nhà trường TH hiện nay thì một số GV vẫn còn chịu ảnh hưởng bởi những PP dạy học truyền thống nên đem lại hiệu quả giáo dục chưa cao.

#### **1.5. Một số vấn đề về tâm lý và quá trình nhận thức của HS lớp 4**

##### **1.5.1. Đặc điểm quá trình nhận thức của HS lớp 4**

- Tri giác: Tri giác của HS TH mang tính đại thể, ít đi vào chi tiết và mang tính không ổn định: ở đầu tuổi TH tri giác thường gắn với hành động trực quan, đến cuối tuổi TH (đối với HS lớp 4) tri giác bắt đầu mang tính xúc cảm, trẻ thích quan sát các sự vật hiện tượng có màu sắc sặc sỡ, hấp dẫn, tri giác của trẻ đã mang tính mục đích, có phương hướng rõ ràng, tri giác có chủ định (trẻ biết lập kế hoạch học tập, biết sắp xếp công việc nhà, biết làm các bài tập từ dễ đến khó,...).

- Tư duy mang đậm màu sắc xúc cảm và chiếm ưu thế ở tư duy trực quan hành động. Các phẩm chất tư duy chuyển dần từ tính cụ thể sang tư duy trừu tượng khái quát. Khả năng khái quát hóa phát triển dần theo lứa tuổi, lớp 4 bắt đầu biết khái quát hóa lý luận. Tuy nhiên, hoạt động phân tích, tổng hợp kiến thức còn sơ đẳng ở phần đông HS TH.

- Chú ý: Ở HS lớp 4 trẻ đã dần hình thành kỹ năng tổ chức, điều chỉnh chú ý của mình. Chú ý có chủ định phát triển dần và chiếm ưu thế, ở trẻ đã có sự nỗ lực về ý chí trong hoạt động học tập như học thuộc một bài thơ, một công thức toán hay một bài hát dài,... Trong sự chú ý của trẻ đã bắt đầu xuất hiện giới hạn của yếu tố thời gian, trẻ đã định lượng được khoảng thời gian cho phép để làm một việc nào đó và cố gắng hoàn thành công việc trong khoảng thời gian quy định.

- Về ghi nhớ: Giai đoạn lớp 4 ghi nhớ có ý nghĩa và ghi nhớ từ ngữ được tăng cường. Ghi nhớ có chủ định đã phát triển. Tuy nhiên, hiệu quả của việc ghi nhớ có chủ định còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố như mức độ tích cực tập trung trí tuệ của các em, sức hấp dẫn của nội dung tài liệu, yếu tố tâm lý tình cảm hay hứng thú của các em.

- Về ý chí: Ở lớp 4 các em đã có khả năng biến yêu cầu của người lớn thành mục đích hành động của mình, tuy vậy năng lực ý chí còn thiếu bền vững, chưa thể trở thành nét tính cách của các em. Việc thực hiện hành vi vẫn chủ yếu phụ thuộc vào hứng thú nhất thời.

### ***1.5.2. Đặc điểm nhân cách của HS***

- Sự phát triển nhân cách của HS TH. Nét tính cách của trẻ đang dần được hình thành, đặc biệt trong môi trường nhà trường còn mới lạ, trẻ có thể nhút nhát, rụt rè, cũng có thể sôi nổi, mạnh dạn... Sau 5 năm học, "tính cách học đường" mới dần ổn định và bền vững ở trẻ.

- Tình cảm của HS TH mang tính cụ thể trực tiếp và luôn gắn liền với các sự vật hiện tượng sinh động, rục rờ,... Lúc này khả năng kiềm chế cảm xúc của trẻ còn non nớt, trẻ dễ xúc động và cũng dễ nổi giận, biểu hiện cụ thể là trẻ dễ khóc mà cũng

nhánh cười, rất hồn nhiên vô tư... Vì thế có thể nói tình cảm của trẻ chưa bền vững, dễ thay đổi (tuy vậy so với tuổi mầm non thì tình cảm của trẻ TH đã "người lớn" hơn rất nhiều).

## 1.6. Thực trạng của việc dạy và học văn miêu tả trong phân môn TLV lớp 4

### 1.6.1. Thực trạng nhận thức và chất lượng dạy văn miêu tả của GV TH

#### 1.6.1.1. Điều tra

- Mục đích điều tra

Nhằm tìm hiểu về nhận thức của GV về kiểu bài văn miêu tả trong phân môn TLV lớp 4 và các PP giảng dạy về kiểu bài này như thế nào.

- Nội dung điều tra

Phiếu điều tra của chúng tôi gồm 10 câu hỏi xoay quanh các vấn đề về dạy văn miêu tả hiện nay ở lớp 4. (Phụ lục 2)

#### 1.6.1.2. Kết quả điều tra

\* Thống kê, xử lý số liệu

Số GV điều tra: 11

Địa điểm điều tra: Trường TH Trần Quốc Toàn, trường TH Kim Đồng, thành phố Tam Kỳ, Quảng Nam.

Dưới đây là kết quả trả lời đạt yêu cầu:

**Bảng 3: Bảng thống kê điều tra về nhận thức và chất lượng dạy văn miêu tả của GV**

TT	Nội dung điều tra	Số người trả lời	Tỉ lệ %
1	Kiểu bài TLV khó dạy ở lớp 4		
	a. Kể chuyện	3	27,3
	b. Miêu tả	6	54,5
	c. Kiểu bài khác	2	9,2
2	Tầm quan trọng của việc dạy văn miêu tả ở lớp 4		
	a. Rất quan trọng	8	72,7
	b. Bình thường	3	27,3
	c. Không cần thiết	0	0
3	Những khó khăn trong dạy văn miêu tả		
	a. Thiếu tài liệu tham khảo	2	18,1
	b. Học sinh không hứng thú	0	0

	c. Thiếu thời gian	5	45,5
	d. HS nghèo vốn từ	4	36,4
4	Yếu tố quan trọng để HS có một bài văn miêu tả hay		
	a. Năng lực truyền thụ của GV	0	0
	b. Khả năng tiếp thu bài của HS	0	0
	c. Cả 2 yếu tố trên	11	100
5	Vận dụng phương pháp dạy học mới vào dạy học văn miêu tả		
	a. Vận dụng tốt	3	27,3
	b. Vận dụng chưa linh hoạt	6	54,5
	c. Đôi lúc còn ảnh hưởng bởi phương pháp dạy học cũ	2	18,2
6	Sử dụng hệ thống bài tập rèn kỹ năng miêu tả cho học sinh		
	- Chưa bao giờ	4	36,4
	- Thỉnh thoảng	7	63,6
	- Thường xuyên	0	0
7	Học sinh thường yếu nhất trong những kỹ năng nào khi học văn miêu tả		
	a. Quan sát	3	27,3
	b. Tìm ý	2	18,2
	c. Lập dàn ý	4	36,4
	d. Viết đoạn	2	18,1
8	Việc tích hợp việc dạy văn miêu tả trong các phân môn khác		
	a. Cần thiết	9	81,8
	b. Không cần thiết	2	18,2
9	Có cần thiết phải tra cứu cho học sinh cách viết văn có hình ảnh và giàu cảm xúc		
	a. Cần thiết	11	100
	b. Không cần thiết	0	0



*Bảng 3 cho thấy:*

- Có 27,3% GV được hỏi cho rằng kiểu bài kể chuyện là khó dạy nhất trong chương trình TLV lớp 4, nhưng có đến 54,5% lại cho rằng đó là kiểu bài văn miêu tả, còn chỉ có 9,2% lại nghĩ là các kiểu bài văn khác như viết thư, trao đổi ý kiến... là khó dạy nhất.

- Có đến 72,7% GV nhận thức được việc dạy văn miêu tả cho HS lớp 4 là rất quan trọng, còn lại 27,3% GV nghĩ rằng đây cũng là kiểu bài như bao kiểu bài khác không quan trọng lắm đối với HS.

- 18,1% GV cho rằng điều khó khăn nhất trong việc dạy văn miêu tả đó là do thiếu tài liệu tham khảo, nhưng có đến 45,5% GV thì cho biết khó khăn nhất vẫn là việc HS không có hứng thú với kiểu bài này. Bên cạnh đó 36,4% thì lại nghĩ đó là do HS vẫn còn nghèo vốn từ nên rất khó khăn trong việc giảng dạy.

- Khi được hỏi về các yếu tố để giúp HS có được bài văn miêu tả hay thì 100% GV cho rằng phải xuất phát từ hai yếu tố là năng lực của GV và cả khả năng tiếp thu bài của HS.

- Có 27,3% GV được hỏi thì cho rằng mình đã vận dụng rất tốt các PP dạy học mới vào việc dạy văn miêu tả tuy nhiên có tới 54,5% GV mắc phải tình trạng vận dụng chưa linh hoạt các PP mới trong dạy văn miêu tả, còn lại số ít (18,2%) thì vẫn còn chịu ảnh hưởng bởi PP dạy học cũ.

- Có 36,4% GV chưa bao giờ sử dụng hệ thống bài tập để rèn kỹ năng viết văn miêu tả cho HS, bên cạnh đó có đến 63,6% chỉ sử dụng thỉnh thoảng biện pháp này trong giảng dạy văn miêu tả.

- 27,3% GV cho rằng HS lớp mình yếu nhất ở kỹ năng quan sát, còn 18,2% GV lại cho rằng HS mình yếu nhất ở kỹ năng tìm ý, 36,4% GV nghĩ cần rèn luyện nhiều cho HS ở kỹ năng lập dàn ý, còn lại 18,1% GV lại cho rằng HS vẫn còn yếu nhiều ở kỹ năng viết đoạn.

- Bên cạnh đó khi được hỏi về việc tích hợp dạy văn miêu tả trong các phân môn khác thì phần lớn GV (100%) đều cho rằng việc này là rất cần thiết để nâng cao chất lượng dạy văn miêu tả. Tuy nhiên do nhiều điều kiện khách quan nên GV vẫn chưa vận dụng thường xuyên trong các tiết học.

- Khi được hỏi về vấn đề thầy (cô) có cần thiết phải tích hợp việc dạy văn miêu tả trong các phân môn khác hay không? Thì 100% GV cho là cần thiết và GV thường cho HS thực hiện những bài tập liên quan đến văn miêu tả tuy nhiên rất ít khi thực

hiện. Còn đa phần GV nhắc nhở HS đọc thêm sách báo. Còn lại vẫn chưa tìm được PP nào tối ưu.

- Và khi được hỏi về những biện pháp để nâng cao việc dạy văn miêu tả thì đa số GV đưa ra ý kiến là nên cho HS đọc nhiều sách tham khảo, một số thì khuyến khích việc GV nên ứng dụng công nghệ thông tin vào các tiết học văn miêu tả còn đa phần chưa đưa ra được PP nào cụ thể.

*\* Nhận xét:*

Như vậy từ kết quả điều tra chúng tôi rút ra một số nhận xét sau:

- Đa phần GV đều nhận thấy rằng trong phân môn TLV lớp 4 thì kiểu bài văn miêu tả là kiểu bài khó dạy nhất và có tầm quan trọng rất lớn đối với HS TH. Và trong quá trình giảng dạy cũng gặp không ít khó khăn như thiếu tài liệu tham khảo, HS không hứng thú nhiều với kiểu bài này hay điều quan trọng là do HS vẫn còn thiếu vốn từ... Và chủ yếu GV đã nhận thức được rằng để HS có những bài văn miêu tả hay thì đòi hỏi ở năng lực của GV và cả khả năng của HS nên GV đã chú ý đến việc đầu tư trong từng tiết dạy của mình và đang cố gắng tìm những biện pháp hiệu quả để rèn kỹ năng viết văn cho HS.

Tuy nhiên, đa phần GV vẫn chưa ứng dụng tốt các PP dạy học mới vào dạy văn miêu tả lại có một bộ phận GV còn chịu ảnh hưởng nhiều bởi PP dạy học truyền thống. Và điều quan trọng GV vẫn chưa chú ý nhiều đến việc rèn các kỹ năng viết văn miêu tả cần thiết cho HS, chưa có ý thức xây dựng hệ thống viết văn miêu tả để vận dụng trong các tiết học mà chỉ dạy bám sát chương trình SGK. Và GV chưa chú ý nhiều đến biện pháp tích hợp kiến thức, kỹ năng trong các phân môn khác của TV. Như chúng ta biết rằng chương trình TV TH được xây dựng theo quan điểm tích hợp giữa các phân môn. Do đó việc dạy văn miêu tả không chỉ là nhiệm vụ riêng của phân môn TLV mà là nhiệm vụ của các phân môn khác như Tập đọc, Luyện từ và câu, Chính tả. Phần lớn GV vẫn chưa tìm ra được biện pháp nào cụ thể để nâng cao chất lượng dạy văn miêu tả cho lớp mình mà chỉ giảng dạy rập khuôn theo SGK, SGV.

Nhìn chung việc dạy văn miêu tả ở lớp 4 hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế. Điều đó ảnh hưởng đến chất lượng học tập của HS. Qua việc tìm hiểu về GV TH chúng tôi nhận thấy chất lượng dạy văn miêu tả chưa đạt yêu cầu là do những nguyên nhân sau:

- Một số GV chưa mạnh dạn từ bỏ PP dạy học truyền thống nghĩa là cho HS học nhiều, yêu cầu HS nhớ nhiều để bắt chước rồi làm văn.

- Do GV lựa chọn PP dạy học chưa thích hợp, vận dụng chưa thành công PP dạy

học tích cực, HS còn bị đặt ở thế thụ động lĩnh hội tri thức. GV hướng dẫn học HS khai thác hiệu quả chưa cao phần kiến thức văn bản thuộc yêu cầu của bài học. GV còn làm thay cho HS.

- Chưa nhiệt tình trong công tác giảng dạy, chưa chịu khó học hỏi kinh nghiệm cũng như tìm tòi những biện pháp để nâng cao hiệu quả giờ học.

### **1.6.2. Thực trạng về tình hình học tập văn miêu tả của HS lớp 4**

#### **1.6.2.1. Điều tra**

- Mục đích điều tra

Nhằm tìm hiểu về tình hình học tập thể loại văn miêu tả hiện nay của HS lớp 4

- Nội dung điều tra

Phiếu điều tra của chúng tôi gồm 10 câu hỏi điều tra về tình hình học học văn miêu tả của HS (Phụ lục 3). Bên cạnh đó còn khảo sát vở bài tập của HS.

#### **1.6.2.2. Kết quả điều tra**

\* Thống kê, xử lý số liệu

Số HS điều tra: 82 (HS lớp 4.1 và lớp 4.3)

Địa điểm điều tra: Trường TH Trần Quốc Toàn, thành phố Tam Kỳ, Quảng Nam.

Dưới đây là kết quả trả lời đạt yêu cầu:

**Bảng 4: Bảng thống kê điều tra về tình hình học tập văn miêu tả của HS lớp 4**

<i>TT</i>	<i>Nội dung điều tra</i>	<i>Số người trả lời</i>	<i>Tỉ lệ %</i>
1	Nhận xét về phân môn TLV đang học a. Bỏ ích b. Rất hay c. Quá khó đối với em	25 23 34	30,5 28 41,5
2	Việc học văn miêu tả a. Rất thú vị b. Bình thường c. Nhàm chán	13 25 44	15,9 30,4 53,7
3	Thời gian học TLV a. 1 giờ trở lên b. Gần 1 giờ	11 37	13,4 45,1

	c. Chỉ từ 15 đến 30 phút	18	22
	d. Không dành thời gian nào	16	19,5
4	Trong 3 kiểu bài văn miêu tả em thích kiểu bài nào nhất		
	a. Miêu tả đồ vật	21	25,6
	b. Miêu tả cây cối	33	40,2
	c. Miêu tả con vật	28	34,2
5	Mức độ hiểu bài sau mỗi tiết học về văn miêu tả		
	a. Không hiểu	8	9,7
	b. Hiểu sơ sơ	40	48,8
	c. Hiểu	30	36,6
	d. Rất hiểu	4	4,9
6	Tìm những câu văn miêu tả hay, độc đáo để miêu tả sự vật trong bài văn miêu tả		
	a. Chưa bao giờ	30	36,6
	b. Thỉnh thoảng	34	41,5
	c. Thường xuyên	18	21,9
7	Sử dụng các biện pháp nghệ thuật trong bài văn miêu tả		
	a. Chưa bao giờ	11	13,4
	b. Thỉnh thoảng	56	68,3
	c. Thường xuyên	15	18,3
8	Các nguồn tài liệu tham khảo		
	- Văn mẫu		
	a. Chưa bao giờ	4	4,9
	b. Thỉnh thoảng	12	14,6
	c. Thường xuyên	66	80,5
	- Internet		
	a. Chưa bao giờ	25	30,5
	b. Thỉnh thoảng	46	56,1
	c. Thường xuyên	11	13,4

	- Các tài liệu khác		
	a. Chưa bao giờ	42	51,2
	b. Thành thạo	26	31,7
	c. Thường xuyên	14	10,1
9	Sử dụng cách viết mở bài, kết bài nào		
	- Mở bài		
	a. Trực tiếp	57	69,5
	b. Gián tiếp	25	30,5
	- Kết bài		
	a. Không mở rộng	53	64,6
	b. Mở rộng	29	35,4

*Bảng 4 cho thấy:*

- Phần lớn (41,5%) HS cho rằng phân môn TLV quá khó đối với các em, còn lại 30,5% HS cho rằng phân môn này bổ ích và 28% thì nghĩ rằng học văn miêu tả rất là hay.

- Có đến 53,7% HS cảm thấy việc học văn miêu tả rất nhàm chán, còn 30,4% HS thì cho là bình thường, và có số ít 15,9% thì nghĩ rằng học văn miêu tả thực sự thú vị.

- Có 45,1% HS dành thời gian từ gần một giờ cho việc học văn miêu tả, 22% dành từ 15 đến 30 phút, có 19,5% HS không dành thời gian nào cho việc học văn miêu tả và chỉ có 13,4% HS dành từ một giờ trở lên cho việc học văn miêu tả.

- Có đến 40,2% HS thích học kiểu bài miêu tả cây cối, còn 34,2% thích học văn miêu tả con vật và chỉ có 25,6% thích kiểu bài miêu tả đồ vật

- Khi được hỏi về mức độ hiểu bài sau các tiết về văn miêu tả thì có đến 48,8% HS cho rằng mình chỉ hiểu sơ sơ, 36,6% thì hiểu còn lại 9,7% HS là không hiểu và chỉ có 4,9% HS là rất hiểu.

- Có 41,5% HS là thành thạo chịu khó tìm tòi các câu văn miêu tả hay độc đáo để vận dụng trong bài làm của mình còn 36,6% thì chưa bao giờ làm điều này và chỉ có 21,9% HS là thường xuyên sử dụng.

- Trong bài làm văn miêu tả thì có 68,3% HS có thành thạo sử dụng các biện

pháp nghệ thuật trong bài và chỉ có 18,3% HS là sử dụng thường xuyên còn 13,4% chưa bao giờ sử dụng các biện pháp nghệ thuật trong bài làm của mình.

- Khi được hỏi về các nguồn tài liệu tham khảo khi học văn miêu tả thì có đến 80,5% HS thường xuyên sử dụng sách văn mẫu, và có 14,6% sử dụng ở mức thỉnh thoảng và 4,9% chưa bao giờ sử dụng. Còn về nguồn Internet thì phần lớn 56,1% các em chỉ thỉnh thoảng sử dụng còn 30,5% HS chưa bao giờ tham khảo tài liệu trên Internet và chỉ có 13,4% HS là thường xuyên làm việc này. Về các nguồn tài liệu tham khảo khác thì chỉ có đến 51,2% HS chưa bao giờ tìm đến, 31,7% là thỉnh thoảng cũng có sử dụng và chỉ có bộ phận rất ít là 19,1% là sử dụng thường xuyên.

- Khi được hỏi các em thường sử dụng cách viết mở bài, kết bài nào trong bài văn miêu tả của mình thì có đến 69,5% HS lựa chọn cách viết mở bài trực tiếp và chỉ có 30,5% là chọn cách viết gián tiếp. Còn về kết bài cũng tương tự có 64,6% HS chọn cách viết kết bài không mở rộng và 35,4% thì chọn viết bài theo hướng mở rộng. Vì phần lớn các em nghĩ rằng viết mở bài trực tiếp hoặc kết bài không mở rộng dễ viết hơn và không cần phải suy nghĩ nhiều lại vẫn đảm bảo.

- Bên cạnh đó khi được hỏi về em có biện pháp nào để học tốt văn miêu tả thì đa phần HS cho rằng nên đọc văn mẫu nhiều còn một số chưa tìm ra được biện pháp nào hiệu quả.

#### *\* Nhận xét*

Như vậy qua việc điều tra chúng tôi có một số nhận xét sau:

- Phần lớn HS cho rằng việc học phân môn TLV thực sự rất khó khăn và cảm thấy không có hứng thú nhiều trong các tiết học như thế này. Chính vì vậy nên các em ở nhà dành rất ít thời gian cho việc học văn miêu tả thường thì chỉ từ 15 đến 30 phút, có một số em lại không hề đa động tới việc học phân môn này. Và phần lớn các em là thích miêu tả về cây cối vì cho rằng nó rất gần gũi và dễ quan sát nhất đối với bản thân mình. Tuy nhiên mức độ hiểu bài và nắm bài của HS trong các tiết học về văn miêu tả là không cao đa phần các em chỉ mới hiểu sơ sơ và chưa nắm chắc kiến thức trong từng tiết học. Và phần lớn HS tìm đến văn mẫu làm nguồn tài liệu tham khảo hằng ngày mà ít chú ý đến các nguồn tài liệu khác cũng rất bổ ích như sách báo, Internet. Chính vì vậy mà các em rất ít khi vận dụng các câu văn hay, giàu hình ảnh cũng như các biện pháp nghệ thuật trong bài văn của mình. Và thường chọn cách viết an toàn trong các bài văn miêu tả của mình đó là mở bài trực tiếp và kết bài không mở rộng. Và đa phần các em vẫn chưa tìm ra được những biện pháp thích hợp để cải thiện tình

hình học văn miêu tả của mình mà còn phụ thuộc rất nhiều vào sách văn mẫu.

Bên cạnh việc điều tra bằng bảng hỏi thì chúng tôi còn khảo sát vở TLV của HS lớp 4/1, 4/3 và xin ý kiến của GV chủ nhiệm 2 lớp từ đầu năm tới nay chúng tôi thấy HS cả hai lớp trình độ học thì ngang nhau và cả hai lớp về chất lượng học văn miêu tả vẫn chưa cao các em còn mắc một số lỗi trong khi viết văn chẳng hạn như:

- Bài văn ngắn, câu cụt, kể lể, ít hình ảnh,...

*Ví dụ:*

- *Cái cặp của em nhiều màu. Mặt trước có siêu nhân rất đẹp. Nó có ba ngăn. Một ngăn em để bút, một ngăn em để vở, một ngăn để sách.*

Đoạn văn như vậy được coi là tạm được vì đúng ý, câu văn rõ nghĩa. Nhưng miêu tả như vậy chỉ cần vài câu là tả xong một đồ vật và nó cũng rất chung chung, không làm nổi bật được nét riêng của đồ vật đó.

- Đọc bài văn miêu tả của các em, ta còn thấy sự khô khan, nghèo cảm xúc, sự liệt kê lan man, dài dòng, lủng củng, lộn xộn, không lột tả được đối tượng miêu tả.

- Bài văn miêu tả của HS lớp 4 hầu hết mắc những lỗi: Lỗi chính tả, lỗi dấu câu, lỗi diễn đạt, lỗi chủ đề. Cụ thể như sau:

Lỗi chính tả: HS chủ yếu vẫn thường sai phụ âm đầu l/n, s/x, d/r/gi.

*Ví dụ:* Cặp có quai sách vừa tay em.

Nước mưa không làm ước cặp.

Em xấp xếp tập vở gọn gàng vào cặp.

- Lỗi dấu câu:

+ Không dùng dấu câu: Xây ra nhiều với HS yếu kém. Các em không sử dụng hoặc ít sử dụng dấu chấm, dấu phẩy trong một câu hoặc trong một bài văn.

+ Sử dụng dấu câu sai.

- Lỗi diễn đạt:

+ Lỗi dùng từ không phù hợp.

*Ví dụ:* Chiếc cặp đẹp tuyệt trần

+ Câu thừa thành phần (lặp lại thành phần một cách không cần thiết).

*Ví dụ:* Em rất quý chiếc đồng hồ của em.

+ Câu không phân định được thành phần.

*Ví dụ:* Em phải giữ gìn chiếc đồng hồ để trên mặt tủ.

+ Câu không có sự tương hợp về nghĩa giữa các thành phần câu, giữa các vế câu.

*Ví dụ:* Chiếc cặp của em màu đỏ giúp em học giỏi.

- Lỗi lạc chủ đề.

*Ví dụ:* Tả chiếc cặp: Ngăn ngoài của cặp em đựng bút. *Chiếc bút màu đỏ rất đẹp.*

Như vậy, ta thấy bài văn miêu tả của HS lớp 4 mắc rất nhiều lỗi. Tùy theo mức độ, HS khá, giỏi có khả năng hạn chế hơn một số lỗi cơ bản. Ở đây đặt ra một vấn đề cấp thiết là dạy HS viết văn sao cho mạch lạc, giàu hình ảnh, tái hiện được cụ thể, sinh động đối tượng miêu tả.

Nhìn chung kết quả học tập về văn miêu tả của HS lớp 4 vẫn chưa cao là do xuất phát từ một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- GV chưa khơi gợi được sự ham học, yêu thích miêu tả đồ vật, con vật, cây cối,...xung quanh, chưa tạo được động cơ học văn miêu tả ở các em.

- Khả năng quan sát và lựa chọn hình ảnh để quan sát và miêu tả chưa tinh tế.

- Vốn từ miêu tả còn nghèo nàn. Chưa có thói quen tích lũy các từ ngữ gợi tả.

- Kỹ năng lựa chọn từ ngữ, dùng từ, đặt câu, viết đoạn văn, kỹ năng diễn đạt,...còn hạn chế. Các em chưa biết cách sắp xếp ý khi viết bài, bố cục thiếu rõ ràng, chưa khoa học.

- Không có thói quen sử dụng các biện pháp so sánh, nhân hoá khi viết văn.

- Khả năng giao cảm với đối tượng miêu tả còn hạn chế; cảm xúc, tình cảm không tự nhiên, có sự gượng ép.

- Các em chưa thực sự cảm thấy yêu môn học.

### **1.7. Tiểu kết chương 1**

Tóm lại, những nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến việc dạy văn miêu tả ở lớp 4 ta có thể rút ra những kết luận sau:

- Về lý thuyết văn miêu tả: GV cần phải nắm kỹ lý thuyết này để giúp cho việc truyền đạt kiến thức cho HS được chính xác, khoa học hơn.

- Nội dung dạy học văn miêu tả trong chương trình TLV lớp 4 là một nội dung phong phú và khá phức tạp. Vì vậy muốn dạy tốt GV cần phải nắm vững nội dung này.

- Có rất nhiều PP có thể áp dụng trong việc dạy văn miêu tả. Tuy nhiên, mỗi PP lại có một đặc trưng riêng nên đòi hỏi ở người GV TH phải có sự vận dụng linh hoạt và sáng tạo.

- Bên cạnh đó nắm vững đặc điểm về tâm sinh lý của HS cũng là một trong những thuận lợi để GV có thể tác động một cách hiệu quả trong quá trình dạy học.



Vì thế trong quá trình giảng dạy văn miêu tả chúng ta cần phải nắm vững những vấn đề về lý luận trên để đem lại hiệu quả tốt nhất trong quá trình giáo dục.

- Hiện nay, thực trạng dạy học văn miêu tả ở lớp 4 đang có nhiều vấn đề cần quan tâm và giải quyết:

+ Một số GV vẫn chưa từ bỏ PP dạy học cũ, chưa chú ý nhiều đến việc rèn các kĩ năng cần thiết trong việc học văn miêu tả cho HS.

+ HS chưa ham thích học văn và chất lượng bài văn chưa cao, các em vẫn còn phụ thuộc nhiều vào văn mẫu.

## Chương 2: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY VĂN MIÊU TẢ CHO HS LỚP 4.

### 2.1. Biện pháp rèn các kỹ năng viết văn miêu tả cho HS

#### 2.1.1. Rèn kỹ năng quan sát đối tượng miêu tả cho HS

Đây là biện pháp được coi là cơ bản nhất bởi kết quả của quan sát được thể hiện rõ trong từng bài làm của HS. Em nào quan sát tinh vi, thấu đáo thì em đó sẽ nhận ra được những nét riêng biệt, đặc sắc của từng sự vật định tả thể hiện trong bài viết. Còn em nào quan sát hời hợt, phiến diện thì bài viết của các em sẽ khô khan, nông cạn.

Như nhà văn Tô Hoài đã nói: *“Một bài văn miêu tả tốt nhất không phải là một bài văn miêu tả với nhiều sự vật nhất mà phải biết miêu tả dẫn đến cảm xúc mãnh liệt, không phải là vấn đề đưa vào nhiều chi tiết mà là diễn đạt các chi tiết có góc cạnh, sinh động. Cường độ cảm xúc (gây được cho người đọc) nắm được chất lượng và trong sự chọn lọc điều mình muốn nói ra. Vì vậy ta phải chọn các nét tính chất tạo hình ảnh và khung cảnh. Các chi tiết này thu được qua sự quan sát nhạy bén, độc đáo. Chúng làm lộ ra những gì chân thực nhưng ít được chú ý, những gì người đọc nhìn rất rõ và rất có ấn tượng”* [9,5]

Để giúp các em tìm ra được những nét riêng biệt, tiêu biểu cho từng sự vật GV cần tiến hành hướng dẫn HS theo các bước sau:

#### *\* Lựa chọn trình tự quan sát:*

GV có thể hướng dẫn HS quan sát tỉ mỉ các bộ phận theo một trình tự hợp lí (từ ngoài vào trong, từ bao quát đến các bộ phận, từ bộ phận chủ yếu đến các bộ phận thứ yếu). Cụ thể theo các trình tự sau:

- Trình tự không gian: Thường quan sát bao quát toàn bộ phận đến quan sát từng bộ phận, quan sát từ trái sang phải hay từ trên xuống dưới, hay từ ngoài vào trong.

- Trình tự thời gian: Quan sát cây cối, theo mùa, trong năm... Quan sát con vật như quan sát sinh hoạt của con gà, con lợn theo thời gian trong ngày.

Tuy nhiên, tùy từng kiểu bài ta có những cách quan sát khác nhau. Đối với kiểu bài tả đồ vật ta có thể quan sát theo trình tự: mắt nhìn, tay sờ, tai nghe, mũi ngửi,... nhưng đối với bài văn tả cây cối cần phải quan sát theo một trình tự từ xa đến gần, từ bao quát đến bộ phận, nét khác biệt của cây đó với cây khác. Đối với bài văn tả loài vật, ta quan sát ngoại hình rồi mới đến những thói quen sinh hoạt và những hoạt động của con vật.

*Ví dụ:* Để quan sát cái cặp ta có thể quan sát:

- Quan sát bao quát mặt ngoài: Chiếc cặp làm bằng gì? Kích cỡ như thế nào?

Cặp màu gì? Trang trí như thế nào?

- Quan sát chi tiết quai xách hoặc dây đeo: Quai xách (dây đeo) làm bằng gì?

Trông như thế nào? Đường khâu xung quanh mép ra sao?

- Quan sát chi tiết khóa cặp: Khóa cặp làm bằng gì? Trông như thế nào? Đóng mở khóa ra sao?

*Ví dụ:* Quan sát con bê con

- Quan sát về ngoại hình: Bao quát, chi tiết: Mắt, mũi...

- Quan sát về hoạt động: Ăn cỏ, chạy nhảy, bú mẹ, chơi đùa...

*Ví dụ:* Quan sát cây bàng GV hướng dẫn các em quan sát theo trình tự:

- Quan sát từ xa: Hình dáng của cây khi nhìn từ xa.

- Quan sát khi đến gần: Gốc, rễ, thân, cành, lá, hoa, quả. Cảnh vật xung quanh tác động đến cây (nắng, gió, khí hậu, chim chóc, ong bướm, con người...)

Đó chính là quan sát bao quát rồi quan sát từng bộ phận của cây bàng

*\* Hướng dẫn HS sử dụng các giác quan để quan sát.*

Thường HS chỉ dùng mắt để quan sát. Các nhận xét thu được thường là nhận xét và cảm xúc gắn liền với thị giác. GV cần hướng dẫn HS tập sử dụng thêm các giác quan để quan sát.

- Quan sát bằng mắt nhận ra màu sắc, hình khối, sự vật

- Quan sát bằng tai nhận ra âm thanh, nhịp điệu, gợi cảm xúc

- Quan sát bằng mũi nhận ra những mùi vị tác động đến tình cảm

- Quan sát bằng vị giác và xúc giác, quan sát cảm nhận

Nhờ cách quan sát này mà các em ghi nhận được nhiều ý hay làm cho bài văn trở nên đa dạng và phong phú.

*Ví dụ:* Qua quan sát bằng mắt ta có thể tả được đôi mắt con mèo như sau:

- Đôi mắt mèo tròn xoe.

- Đôi mắt chú tròn xoe và sáng long lanh, tinh nghịch, lúc nào cũng hướng về phía trước.

Qua quan sát bằng tai ta có thể tả được:

- Chú mèo kêu meo meo.

- Mỗi khi thấy chuột, chú gào lên, vè mặt giận dữ.

Với ví dụ này GV có thể hướng dẫn HS quan sát một loài hoa (quả) như sau:

- Về mắt: Nhìn bằng mắt em thấy loại hoa (quả) đó có màu sắc như thế nào?
- Về tai: Khi quan sát em đã nghe được những âm thanh gì?
- Về xúc giác: khi sờ vào chúng em có cảm giác như thế nào?
- Về khứu giác: Loại hoa (quả) đó có mùi thơm gì đặc biệt?

Vậy có quan sát kĩ lưỡng và tiếp xúc với đối tượng miêu tả thì HS mới nhìn ra và thấy được những khác lạ trong cùng một sự vật, đồng thời thói quen quan sát chiều sâu sẽ được hình thành dần trong mỗi HS.

Ngoài ra trong chương trình đã có một số đoạn văn miêu tả trong đó tác giả dùng nhiều giác quan để miêu tả cho nên GV cần yêu cầu HS phát hiện một cách triệt để các giác quan mà tác giả đã quan sát để HS học tập.

*Ví dụ: Bài 1: Luyện tập quan sát cây cối (TV 4, tập 2, trang 39)*

Đọc lại ba bài văn tả cây cối mới học (Sầu riêng, Bãi ngô, Cây gạo) và nhận xét: Các tác giả quan sát cây bằng những giác quan nào?

GV yêu cầu HS đọc 3 bài rồi ghi kết quả ra nháp.

Một số em đọc kết quả

- Lớp nhận xét, bổ sung.

Tác giả đã quan sát cây bằng những giác quan:

+ Sầu riêng: Quan sát bằng mắt để thấy hoa, quả, thân, cành, lá... Mũi để cảm nhận hương thơm của trái. Lưỡi để biết vị ngọt, béo ngậy của sầu riêng.

+ Bãi ngô: Quan sát bằng mắt để thấy được cây ngô từ lúc lấm tấm đến khi ra hoa, ra bắp và thu hoạch. Tai để nghe tiếng chim hót trên vòm lá.

+ Cây gạo: Quan sát bằng mắt để thấy cây gạo khi vào mùa hoa, lúc hết mùa hoa và quả đã già. Tai để nghe tiếng tu hú gọi mùa trái chín.

*\* Quan sát để phát hiện, tìm ra những điểm riêng của đối tượng miêu tả:*

Để giúp người đọc phân biệt được đối tượng miêu tả này với đối tượng khác, chúng ta cần định hướng cho các em tránh lối liệt kê tất cả các bộ phận như một người thợ lắp ráp một đồ vật nào đó, mà cần phải nhằm vào những chi tiết, bộ phận có thể khắc họa hình ảnh đối tượng miêu tả ấy một cách rõ rệt, gợi cho em nhiều ấn tượng nhất. Tập trung miêu tả những nét độc đáo và làm hiện lên những nét riêng của đối tượng đó khiến nó không lẫn với đối tượng khác.

*Ví dụ:* Khi tả thân cây và gốc cây của *Cây sồi già* chúng ta phải phát hiện ra được đặc điểm riêng của cây sồi này khác với những cây sồi khác.

"...Với những cánh tay to xù xì không cân đối, khi ngón tay quều quào xò rộng, nó

như một con quái vật già nua cau có và khinh khỉnh đứng giữa đám bạch dương tươi cười".

(Cây sồi già - TV4 - tập 2).

*Ví dụ:* Quan sát cây bút chì

GV phải hướng dẫn cho HS không chỉ nhận xét về màu sắc của vỏ bút chì mà cần nhận ra những dòng chữ in trên vỏ, các đặc điểm khác của vỏ mà chỉ riêng bút chì của em mới có (có chỗ nào bị nứt không? Có vết mực ở đoạn nào?...)

*Ví dụ:* Quan sát con gà trống nhà bà ngoại: thì chúng ta phải cố tìm ra mào, lông, thân hình của nó... có gì khác so với con gà trống hàng xóm. Chẳng hạn ta có thể nói: con gà trống nào cũng có mào nhưng mỗi con có độ to nhỏ, màu sắc hình dáng của mào... lại khác nhau.

*\* Tổ chức cho HS quan sát*

Tổ chức cho HS quan sát đối tượng miêu tả là một công việc thuộc về nguyên tắc khi dạy học văn miêu tả. Trên cơ sở đó sự thu nhận trực tiếp các nhận xét, ấn tượng cảm xúc của mình, HS mới bắt tay vào làm bài. Khi quan sát HS huy động vốn sống, khả năng về văn miêu tả được hình thành một cách tự giác chủ yếu qua con đường thực hành.

Tùy theo đề tài, GV tổ chức cho các em quan sát ngay tại địa điểm có đối tượng cần tả, quan sát ở nhà hoặc quan sát qua các bài văn mẫu.

Nếu không thể tổ chức quan sát được, thì GV tổ chức hướng dẫn GV quan sát đối tượng trước khi tới lớp và ghi chép những điều ghi nhận được. Bởi vì quan sát luôn đi liền ghi chép. Ghi chép hỗ trợ trí nhớ, giúp HS có cơ sở để lựa chọn những chi tiết, những hình ảnh đặc sắc. Cần hướng dẫn HS cách ghi chép khi quan sát: ghi những đặc điểm cơ bản về hình dạng, màu sắc, hoạt động,... của đối tượng, nhất là những điểm mới, riêng, độc đáo mà người khác không nhìn thấy. Trong khi HS quan sát, GV nên phát cho mỗi nhóm (hoặc cá nhân giấy bút để ghi lại những điều mắt thấy, tai nghe, nhiều cảm xúc, nhiều liên tưởng tạo nên được ấn tượng sâu đậm cho HS. HS phải tự làm việc, tự quan sát, tự ghi chép là chính.

GV có thể có những câu hỏi gợi mở, HS trả lời miệng hoặc GV chỉ cần gợi ý với một số HS nào đó để em đó thực hiện.

*Ví dụ:* Quan sát cây bàng

- Em quan sát theo trình tự như thế nào?
- Nhìn bao quát em thấy cây bàng như thế nào?

- Nhìn thấy cành lá như thế nào? (Vươn ra sao, hình dáng như thế nào? Màu sắc, nghe âm thanh thế nào?..)

- Lá non, sự chuyển biến màu sắc của lá xảy ra như thế nào?

- Vào buổi sáng (chiều...) màu sắc của lá thay đổi ra sao

Nếu khai thác từ một bài văn mẫu, HS nhận xét xem tác giả đã quan sát bằng những giác quan nào? Quan sát như thế nào? Chi tiết, hình ảnh nào hay? Vì sao?

GV cần lưu ý rằng câu hỏi đặt ra cần phải theo trình tự dàn bài chung, câu hỏi càng tinh tế, càng chọn lọc, tỉ mỉ thì càng phát huy khả năng quan sát của HS. Từ đó rèn cho HS kĩ năng, kĩ xảo quan sát tỉ mỉ, tinh tế.

*Ví dụ:* Cách tổ chức với một tiết quan sát cây cối:

GV có thể cho HS trực tiếp học ngoài trời theo từng nhóm và có sự dẫn dắt, định hướng của GV:

Trước khi tiến hành vào buổi học GV sẽ phổ biến trước nội dung của tiết học để các em có thể hình dung ra những việc cần phải làm, sau đó GV có thể chia các nhóm nhỏ mỗi nhóm 4 HS và phân nhiệm vụ cho từng nhóm:

- Nhóm 1: Quan sát tổng thể bên ngoài của cái cây từ đằng xa nhìn lại. Để giúp các em quan sát một cách tích cực GV có thể cung cấp một số hệ thống câu hỏi như: Cái cây cao hay thấp? Cái cây ở đâu? Tán cây như thế nào?... Sau khi đã cung cấp câu hỏi và hướng dẫn các em cách quan sát, lúc này GV sẽ cho các em ra ngoài sân trường để trực tiếp quan sát và thảo luận trao đổi với nhau đồng thời ghi chép lại những điều các em quan sát được.

- Nhóm 2: Cho các em quan sát lá và cành của chiếc cây cũng như nhóm 1; GV cung cấp cho các em một số câu hỏi để giúp các em quan sát như: Lá cây giống hình gì? Chiếc lá có màu gì? Màu sắc của chiếc lá non, chiếc lá già có điểm gì khác?....

- Các nhóm còn lại cũng phân cho các em nhiệm vụ khác nhau cách làm việc cũng giống như các nhóm trên.

Kết thúc buổi quan sát GV sẽ cho các em trở về lớp học và yêu cầu các nhóm báo cáo lại kết quả, sau đó tiếp tục cho các nhóm khác nhận xét, bổ sung sau khi các em đã thống nhất GV sẽ chốt lại và ghi lại vấn đề những đặc điểm của cái cây mà các em quan sát lên bảng cho một vài HS nhắc lại sau đó yêu cầu các em chép lại vào cuốn sổ tay cá nhân để làm tư liệu viết.

### **2.1.2. Rèn kĩ năng lập dàn bài chi tiết cho bài văn miêu tả**

Để viết được một bài văn hay, thì HS cần phải có thói quen lập dàn bài chi tiết.

Vì vậy sau khi hướng dẫn HS kĩ năng quan sát, GV cần giúp HS có thói quen chọn lọc các chi tiết quan sát được và sắp xếp chúng thành một dàn bài chi tiết. Để giúp các em thực hiện tốt kĩ năng này, GV hướng dẫn theo hai bước sau:

*\* Bước 1: Kĩ năng chọn lọc chi tiết:*

- Kết quả các em quan sát được bao gồm cả phần thô lẫn phần tinh. Vậy làm thế nào để giúp các em sàng lọc bỏ phần thô, chỉ giữ lại phần tinh. Để giúp các em làm công việc đó, GV yêu cầu các em xác định rõ yêu cầu của đề bài và đặc điểm đối tượng miêu tả để lược bỏ chi tiết không cần thiết.

*Ví dụ:* Quan sát cánh đồng lúa quê em.

Nhận thấy nó rất rộng, muốn nhấn mạnh ý này, các em lược bỏ chi tiết khác (Ví dụ: nêu về chiều dài, chiều rộng của cánh đồng) và chỉ giữ lại chi tiết: “Một vùng trời đất bao la, có bay thẳng cánh, với những ô vuông và ô chữ nhật xanh thẫm. Mỗi khi có gió thổi, cả biển lúa lại rung rinh với từng đợt sóng cuộn cuộn.” Các chi tiết miêu tả trên đã được chọn lọc và gọt giũa.

*\* Bước 2: Kĩ năng sắp xếp ý:*

Sau khi chọn lọc được các chi tiết, nếu các em không biết các sắp xếp ý thì bài văn của các em sẽ lủng củng, lộn xộn. Để giúp các em làm tốt kĩ năng này GV nên lưu ý HS: một bài văn cho dù dài hay ngắn thì luôn đủ ba phần:

- Mở bài: Giới thiệu đối tượng miêu tả, thể hiện tình cảm, quan hệ của người miêu tả với đối tượng miêu tả.

- Thân bài: Tái hiện lại chân dung của đối tượng miêu tả ở những góc độ nhìn nhất định.

- Kết bài: Nêu những nhận thức, suy nghĩ, tình cảm, thái độ trực tiếp của người miêu tả và của mọi người nói chung đối với đối tượng miêu tả.

Tóm lại: Cho dù làm bài tại lớp hay về nhà, GV cần phải nhắc nhở các em phải lập nhanh một dàn bài.

*Ví dụ:* Bài *Cấu tạo của bài văn miêu tả con vật* (TV 4, tập 2, trang 113)

Lập dàn ý chi tiết tả một con vật nuôi trong nhà (gà, chim, chó, lợn, bò...)

Bước 1: Xác định yêu cầu của bài.

Bước 2: Phân tích đề, lựa chọn đối tượng để tả.

- Bài văn thuộc thể loại gì?

- Kiểu bài văn?

- Đối tượng của bài

- Trọng tâm của bài.
- Muốn làm tốt bài cần quan sát những gì.

Bước 3: Hướng dẫn HS quan sát (Cần tạo điều kiện HS quan sát trực tiếp)

- Hướng dẫn HS xác định rõ vị trí, thời điểm, thời gian, trình tự quan sát và quan sát bằng nhiều giác quan.

Bước 4: Hướng dẫn HS lập dàn ý từ những điều quan sát được theo bố cục ba phần

- Mở bài: Giới thiệu con vật (trực tiếp hay gián tiếp): Em tả con gì? Ở đâu? Vào thời gian nào? Lý do em chọn con vật đó để tả là gì?

- Thân bài: Tả những nét nổi bật của con vật.
- + Tả đặc điểm hình dáng bên ngoài của con vật
- + Tả hoạt động thói quen của con vật

- Kết luận: Nêu ích lợi của con vật và tình cảm của người tả đối với con vật.

Bước 5: Làm mẫu bài tập

*Ví dụ:* Miêu tả chú cún con

- Mở bài: Giới thiệu nguồn gốc con cún con. Tình cảm của em đối với nó có gì đặc biệt.

- Thân bài: Miêu tả màu lông, kích cỡ (lớn hay nhỏ; tròn hay thon,...), đặc điểm ngộ nghĩnh (nếu có). Đó là một chú cún ngoan hay nghịch ngợm, nó có quý gia đình em và em không? Chú có lợi ích gì? Tình cảm của em, cách đối xử của em và gia đình em với chú cún ấy.

- Kết bài: Nêu cảm nghĩ của em khi có một chú cún dễ thương ở nhà.

### 2.1.3. Rèn kĩ năng viết mở bài trong bài văn miêu tả

Mở bài là phần đầu tiên, là phần trước nhất đối với người đọc, gây cho người đọc cảm giác, ấn tượng ban đầu về bài viết, tạo ra âm hưởng chung cho toàn bài. Phần này có một vai trò và tầm quan trọng khá đặc biệt vì một mở bài gọn gàng, hấp dẫn sẽ tạo được hứng thú ở người đọc và thường báo hiệu một nội dung tốt đúng như câu tục ngữ: “Đầu xuôi đuôi lọt.”

\* Cấu tạo của mở bài:

Cấu tạo mở bài		
Nội dung		Hình thức
<i>Mở bài trực tiếp</i>	<i>Mở bài gián tiếp</i>	- Dung lượng và độ dài của mở bài phải cân xứng
- Giới thiệu vấn đề: Đây là	Gồm có 2 phần:	



<p>trọng tâm của mở bài có nhiệm vụ tạo nên tình huống có vấn đề mà ta sẽ giải quyết trong phần thân bài.</p>	<p>1. Gọi mở vào đề: Bằng cách đưa ra một mẫu chuyện, một so sánh, một liên tưởng, một âm thanh, một lí do đưa đến bài viết ....</p> <p>2. Giới thiệu vấn đề: a, Giới thiệu nội dung vấn đề. b, Xác định giới hạn vấn đề.</p>	<p>với thân bài, kết bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nên viết ngắn gọn, khéo léo có sức thu hút, gợi hứng thú.</li> <li>- Tránh nói vòng vèo mà không vào được vấn đề.</li> <li>- Tránh viết lan man, không ăn khớp với các phần sau.</li> <li>- Tránh viết dài dòng, cầu kỳ làm phân tán sự chú ý.</li> </ul>
---	---	--

**\* Mở bài trực tiếp:**

- Ưu điểm: Giới thiệu thẳng với người đọc đối tượng sẽ miêu tả. Cách mở bài này nhanh gọn, tự nhiên, giản dị, dễ tiếp nhận và thích hợp với những bài viết ngắn.

- Hạn chế: Nếu không khéo thì sẽ khô khan, ít hấp dẫn.

*Ví dụ:* Đề: Em hãy tả cái cặp của em.

Với đề bài như trên, thông qua các câu hỏi gợi mở, GV hướng dẫn HS phân tích đề xác định được các yếu tố cần nêu ở mở bài như sau:

Đối tượng miêu tả: cái cặp (1); mua ở đâu: ở hiệu sách (2); lúc nào: vào đầu năm học (3).

Với các yếu tố (1) ; (2) ; (3) ở mở bài vừa phân tích GV có thể gợi mở để HS tự viết 6 kiểu mở bài trực tiếp: 123 ; 132 ; 213 ; 231 ; 312 ; 321 như sau:

Kiểu 123	Kiểu 132	Kiểu 213	Kiểu 231	Kiểu 312	Kiểu 321
<u>Cái cặp</u>	<u>Cái cặp</u>	<u>Ở cửa</u>	<u>Ở cửa</u>	<u>Vào đầu</u>	<u>Vào đầu</u>
(1) là một vật dụng mà em ao ước từ lâu.	(1) là một vật dụng mà em ao ước từ lâu.	<u>hàng sách</u>	<u>hàng sách</u>	<u>năm học</u>	<u>năm học</u>
Và ba đã mua chiếc cặp này	Và <u>vào đầu năm học</u>	(2) bày bán rất nhiều đồ dùng học sinh. Nhưng em chỉ để ý đến <u>cái cặp</u>	(2) bày bán rất nhiều đồ dùng học sinh. <u>Và vào đầu năm học</u>	(3), ba đã mua cho em một <u>cái cặp</u>	(3), ba đã dắt em đến <u>cửa hàng sách</u> (2), một nơi bày bán rất

cho em ở cửa hàng sách(2) vào đầu năm học (3).	mua chiếc cặp này cho em ở cửa hàng sách (2).	(1) mà em ao ước từ lâu. Và ba đã mua nó cho em vào đầu năm học (3).	(3), ba đã dắt em đến đó để mua cho em cái cặp (1) em ao ước từ lâu.	bày bán ở cửa hàng sách (2) mà đã em ao ước từ lâu.	nhiều đồ dùng học sinh. Nhưng em chỉ muốn mua cái cặp (1) mà em ao ước từ lâu.
--	---	--	--	---	--

\* Mở bài gián tiếp:

- Ưu điểm: Nếu viết khéo, mở bài sẽ rất sinh động, gợi cảm, hấp dẫn, gây hứng thú cho người đọc.

- Hạn chế: Nếu viết không khéo, mở bài sẽ lan man, vòng vèo, làm phân tán sự chú ý của người đọc.

Ví dụ: Đề: Em hãy tả cái cặp của em.

Với đề bài như trên, thông qua các câu hỏi gợi mở, GV hướng dẫn HS phân tích đề xác định được các yếu tố cần nêu ở mở bài như sau:

Đối tượng miêu tả: cái cặp (1); Ở đâu: ở hiệu sách (2); Lúc nào: vào đầu năm học (3).

Lưu ý: Khi viết mở bài kiểu mở bài gián tiếp GV lưu ý HS phân phân tích đề chỉ cần nêu đối tượng miêu tả “cái cặp (1)”, còn “Ở đâu: ở hiệu sách (2); Lúc nào: vào đầu năm học (3)” có hay không cũng được.

Gợi ý mở bài gián tiếp			
Mở bài bằng 1 âm thanh	Mở bài bằng 1 câu nói	Mở bài bằng 1 so sánh	Mở bài bằng lời đối thoại
“Tách... tách ... tách ...” một âm thanh hơi là lạ vang lên làm cho em quay lại nhìn vào chiếc cặp mà	“-Đẹp quá! Đẹp quá!” Em reo lên khi nhìn thấy một chiếc cặp mới tinh, xinh xắn đang treo ở cửa hàng sách.	Nhìn các bạn trong lớp mang những chiếc cặp cũ kỹ, sờn da khi đi học lòng em bỗng dâng lên một cảm giác	- Ba ơi, ba mang về gói gì to thế? - Mở ra mà xem! Chắc chắn con sẽ rất thích. - Cảm ơn ba!

cô bán hàng ở <u>cửa hàng sách</u> đang giới thiệu cho khách. Và ba đã chiều ý mua cho em chiếc cặp này để chuẩn bị cho <u>đầu năm học mới</u> .	Và ba đã chiều ý mua cho em chiếc cặp này để chuẩn bị cho <u>đầu năm học mới</u> .	khó tả, cảm thấy mình thật hạnh phúc khi có được một <u>chiếc cặp</u> mới tinh. Chiếc cặp này ba đã mua cho em ở <u>cửa hàng sách</u> để chuẩn bị cho <u>đầu năm học mới</u> .	Em vừa nói vừa háo hức, vội vã mở túi ni-lông. Và điều thích thú nhất hiện ra trước mắt em: một <u>chiếc cặp</u> mới tinh.
--	--	--	--

#### 2.1.4. Rèn kỹ năng viết kết bài trong bài văn miêu tả

Kết bài là phần cuối cùng, là phần sau hết đến với người đọc, gây cho người đọc cảm giác, ấn tượng cuối cùng về bài viết, tạo ra âm hưởng chung cho toàn bài. Phần này có một vai trò và tầm quan trọng đặc biệt vì một kết bài gọn gàng, nhẹ nhàng, đặc sắc sẽ lưu lại tình cảm tốt đẹp ở người đọc.

\* Cấu tạo của kết bài.

Cấu tạo kết bài		Hình thức
Nội dung		
<i>Kết bài không mở rộng</i>	<i>Kết bài mở rộng</i>	
<p>- Là phần cuối cùng của bài văn kết thúc ý chính của toàn bài.</p> <p>- Kết bài: Suy nghĩ: hiểu ... Tình cảm: yêu – ghét – tự hào ... Hành động: giữ gìn – bảo quản – giúp đỡ – biếu tặng.</p>	<p>- Là phần cuối cùng của bài văn vừa kết thúc ý chính của bài vừa mở ra một hướng mới gợi cho người đọc tiếp tục cảm xúc, suy nghĩ sau khi hết bài.</p> <p>- Kết bài: a. Suy nghĩ → Tình cảm → Hành động (có thể dùng một hoặc hai hoặc cả ba yếu tố trên). b. Kết bài mở rộng bằng cách: + Nêu một câu hỏi.</p>	<p>- Kết bài thường được trình bày dưới hình thức của một đoạn văn.</p> <p>- Dung lượng và độ dài của kết bài phải cân xứng với mở bài và thân bài.</p> <p>- Nên viết gọn gàng, sâu sắc, gợi cảm phục ở người đọc.</p>

	+ Nêu một ý mới lạ. + Đưa ra một lời bình. + Đưa ra một câu văn, câu thơ. + .....	- Tránh viết lan man, dài dòng không ăn khớp với các phần trên.
--	--	---

\* Kết bài không mở rộng:

*Vi dụ:* Đề: Em hãy tả cái cặp của em.

Với đề bài như trên, thông qua các câu hỏi gợi mở, GV hướng dẫn HS phân tích đề xác định được các yếu tố cần nêu ở kết bài không mở rộng như sau:

- Suy nghĩ: hiệu giá trị, lợi ích của cái cặp (1) → Tình cảm: yêu quý cái cặp (2)
- Hành động: giữ gìn, bảo quản tốt. (3)

Lưu ý: Với các yếu tố (1) ; (2) ; (3) ở kết bài vừa phân tích GV có thể gợi mở đề HS tự viết 6 kiểu kết bài không mở rộng theo các kiểu: 123; 132; 213; 231; 312; 321 như sau:

Kiểu 123	Kiểu 132	Kiểu 213	Kiểu 231	Kiểu 312	Kiểu 321
Nhìn ngắm cái cặp, em càng hiểu được giá trị và lợi ích (1) của chiếc cặp giúp em trong suốt năm học. Càng hiểu bao nhiêu, em càng yêu quý (2) chiếc cặp	Nhìn ngắm cái cặp, em càng hiểu được giá trị và lợi ích (1) của chiếc cặp giúp em trong suốt năm học. Càng hiểu bao nhiêu, em càng tự hứa với lòng bấy nhiêu là sẽ	Càng ngồi ngắm, em càng yêu quý (2) cái cặp vì em hiểu được giá trị và lợi ích (1) của nó sẽ giúp em trong suốt năm học. Em tự hứa với lòng là sẽ giữ gìn, bảo quản(3) cặp tốt	Càng ngồi ngắm, em càng yêu quý (2) và xem cặp như một người bạn thân. Em tự hứa với lòng là sẽ giữ gìn bảo quản (3) cặp tốt vì em đã hiểu được giá trị và lợi ích (1) của	Có được một vật quý trong tay, em càng phải cố gắng giữ gìn, bảo quản(3) cặp tốt, vì em đã hiểu được giá trị và lợi ích (1) của chiếc cặp giúp em trong suốt	Có được một vật quý trong tay, em càng phải cố gắng giữ gìn, bảo quản(3) cặp tốt để khỏi phụ lòng cha mẹ. Em hiểu và xem cặp như một người bạn

bấy nhiêu và tự hứa với lòng là sẽ giữ gìn bảoquản(3) cặp tốt để khỏi phụ lòng cha mẹ đã mua cho em.	giữ gìn bảo quản (3) cặp tốt và yêu quý (2) chiếc cặp giống như một người bạn thân thiết để khỏi phụ lòng cha mẹ đã mua cho em.	để khỏi phụ lòng cha mẹ đã mua cho em.	chiếc cặp giúp em trong suốt năm học.	năm học.	thân vì em hiểu được giá trị và lợi ích (1) của chiếc cặp giúp em trong suốt năm học.
--	---	--	---------------------------------------	----------	---

\* Kết bài mở rộng:

*Ví dụ:* Đề: Em hãy tả cái cặp của em.

Với đề bài như trên, thông qua các câu hỏi gợi mở, GV hướng dẫn HS phân tích đề xác định được các yếu tố cần nêu ở kết bài mở rộng như sau:

Suy nghĩ: hiểu giá trị, lợi ích của cái cặp (1) → Tình cảm: yêu quý cái cặp (2)

→ Hành động: giữ gìn, bảo quản tốt. (3) (Có thể dùng một hoặc hai hoặc ba yếu tố trên).

Mở rộng: Nêu một câu hỏi - Nêu một ý mới lạ - Đưa ra một lời bình - Đưa ra một câu văn hoặc một câu thơ ....

<i>Nêu một câu hỏi</i>	<i>Nêu một ý mới lạ</i>	<i>Đưa ra một lời bình</i>	<i>Đưa ra một câu văn</i>
Không biết có bao nhiêu bạn học sinh giống như em hiểu được giá trị và lợi ích(1) của chiếc cặp và yêu quý (2) như một người bạn thân? Nếu không hiểu thì có lẽ chiếc	Một năm học mới! Một bộ quần áo mới! Và thích thú hơn cả là trong tay có được một chiếc cặp mới! Tất cả vang lên như một bản hòa ca vang lên lời chúc	Ngày mai đây, cặp sẽ cùng em tung tăng vui bước đến trường. Niềm vui được gặp lại thầy cô, bạn bè sau những tháng nghỉ hè. Niềm vui được khoe với các bạn	Giờ đây cặp đã trở thành người bạn thân yêu quý của em. Và càng thân thiết, yêu quý bao nhiêu em càng phải giữ gìn bảo quản cặp tốt bấy nhiêu. Đây tuy là một việc

cặp của các bạn ấy sẽ túi thân biết chừng nào và tương lai thì thật là “thê thảm” biết bao nhiêu. Phải không các bạn?	cho em đạt được những thắng lợi mới, những thành tích mới, trong năm học này.	chiếc cặp mới tinh xinh xắn. Và em chợt nghĩ nếu mọi người quan tâm đến các bạn học sinh nghèo hơn nữa thì các bạn ấy cũng sẽ có được niềm vui nho nhỏ này.	nhỏ nhưng lại là một thói quen tốt, một đức tính tốt như lời khuyên của Bác Hồ: “ Điều gì phải thì cố làm cho kì được, dù là việc nhỏ. Điều gì trái thì hết sức tránh dù là một điều trái nhỏ”.
---	---	---	---

### 2.1.5. Rèn kĩ năng xây dựng đoạn văn và viết bài văn miêu tả

Đây là bước cuối cùng để hoàn chỉnh đoạn văn, bài văn. Từ các ý đã lập, các em sử dụng ngôn ngữ, phát triển ý để dựng thành đoạn và bài.

Với bài tập miêu tả: Trước hết hướng dẫn HS tập viết đoạn văn đảm bảo sự liên kết chặt chẽ về ý: Viết đoạn mở bài (trực tiếp, gián tiếp) viết các đoạn phần thân bài, viết đoạn kết bài (mở rộng, không mở rộng) sao cho có sự liền mạch về ý (không rời rạc, lộn xộn), các ý trong đoạn được diễn tả theo một trình tự nhất định nhằm minh họa, cụ thể hóa ý chính (có mở đầu, triển khai và kết thúc).

*Ví dụ:* Miêu tả con mèo

*“Tết vừa rồi, mẹ dẫn em đến nhà dì chơi. Nhà dì có nuôi một con mèo tam thể rất đẹp. Đến nay đã được bốn tháng. Em đặt tên cho nó là Mi Mi.*

*Mới bốn tháng tuổi nhưng Mi Mi ra dáng một chú bé tinh ranh và khôi ngô. Bộ lông ba màu: đen, vàng, trắng rất dày và mượt. Cái đuôi thon dài như một cái măng ngọc, lúc nào cũng đập qua đập lại, tụt đưa hai chân trước ôm lấy bắt hờ. Cặp mắt xanh biếc như hai hòn bi ve, lúc thì chú lim dim, lúc thì chú mở to nhìn vào góc tủ. Cái mũi nhọn uơn uớt màu hồng làm nổi bật bộ ria dài như hai chùm kim bạc bé nhỏ, nhọn hoắt. Hai cái tai nửa trắng nửa đen lúc nào cũng vểnh lên nghe ngóng. Bốn chân thon nhỏ màu trắng, bàn chân màu vàng, giấu kín những chiếc móng vuốt nhọn. Lúc chú ngồi, hai chân sau xếp lại, hai chân trước chống lên, dăm chiêu nhìn và nghe ngóng, cái đuôi phe phẩy làm duyên. Trên tấm ván cạnh bàn học gần cửa sổ được lót một tấm nệm rất đẹp, đó là nơi chú ta nằm ngủ những buổi trưa hè, là nơi chú ta nằm nghe em học bài mỗi tối. Nhìn Mi Mi nhẹ nhàng thướt tha, thoăn thoắt đi khắp góc nhà*

*mới thấy hết vẻ đẹp khoan thai mà kiêu hùng của chú.*

*Em rất thích con mèo nhà dì, bởi vì nó không chỉ biết bắt chuột mà còn biết đuổi gián và các loài côn trùng khác. Tuy em không ở nhà dì thường xuyên nhưng mỗi lần đến nhà dì em đều chơi với Mi Mi”.*

Khi HS có kỹ năng viết đoạn tốt rồi thì khâu liên kết đoạn trong bài văn cũng không kém phần quan trọng. Các đoạn văn trong một bài phải liên kết với nhau thành một văn bản hoàn chỉnh, được bố cục chặt chẽ theo 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài. Có thể liên kết các đoạn văn bằng cách dùng từ nối (Ví dụ: Trong khi đó, tuy vậy, chẳng bao lâu,..) hoặc bằng cách sắp xếp ý theo trình tự đã học (Ví dụ: Tả quát toàn bộ đồ vật, rồi tả những bộ phận có đặc điểm nổi bật). Nhưng với loại văn miêu tả con vật GV hướng dẫn thêm cách sắp xếp không theo trình tự đã học: Tả hình con vật rồi đến tả thói quen sinh hoạt và một vài hoạt động của con vật mà hướng dẫn HS tả liên kết, lồng ghép ý tả ngoại hình và tả hoạt động với nhau sao cho phù hợp, lôgic.

*Ví dụ:*

- Khi thấy con mèo nhanh như chớp chú ta vỗ gọng con mèo trong bộ móng vuốt cong và nhọn như lưỡi dao quắm của mình.

- Mỗi sớm mai thức dậy chú lại vươn mình rồi dang rộng đôi cánh to như hai chiếc quạt gáy vang “ò ... ó ... o”. Tiếng gáy lanh lảnh của chú vang lên đánh thức mọi người trở dậy bắt đầu một ngày làm việc mới! Trong râm râm tiếng gà buổi sáng em vẫn nhận được tiếng gáy của chú gà nhà em.

Biết cách sắp xếp ý, liên kết đoạn văn giúp cho bài văn liền mạch với nhau, giúp cho người đọc cảm nhận được đầy đủ về một đồ vật, cây cối, con vật được miêu tả.

Để khắc sâu kiến thức này TV 4 cũng có một số bài tập như bài tập 2 - trang 61 - TV 4 - Tập 2

Dựa vào dàn ý trên, bạn Hồng Nhung dự kiến viết bốn đoạn văn, nhưng chưa viết được đoạn nào hoàn chỉnh. Em hãy giúp bạn viết hoàn chỉnh bốn đoạn văn này (viết vào chỗ có dấu...).

Đoạn 1: [...] Em thích nhất một cây chuối tiêu sai quả trong bụi chuối ở góc vườn.

Đoạn 2: Nhìn từ xa, cây chuối như một chiếc ô xanh mát rượi. Thân cây cao hơn đầu người, mọc thẳng, không có cành, chung quanh là mấy cây con đứng sát lại thành bụi [...]

Đoạn 3: Cây chuối có nhiều tàu lá, có tàu đã già khô, bị gió đánh rách ngang và rũ xuống gốc. Các tàu lá còn xanh thì liền tằm, to như cái máng nước úp sấp. Những tàu lá ở dưới màu xanh thẫm. Những tàu ở trên màu xanh mát, nhạt dần. [...]

Đoạn 4: [...]. Chuối có ích như thế nên bà em thường xuyên chăm bón cho chuối tốt tươi.

Yêu cầu HS viết thêm vào chỗ trống trong từng đoạn đã nêu để được đoạn văn hoàn chỉnh

HS phải xác định được:

Đoạn 1 là đoạn mở bài nên cần phải thêm vào những câu mang tính giới thiệu. Còn đoạn 2, 3 là đoạn thân bài. Đoạn 2 tả bao quát, đoạn 3 là tả các bộ phận. Đoạn 4 là đoạn kết bài nói về lợi ích của cây chuối tiêu.

Việc yêu cầu HS viết thêm vào chỗ trống chính là việc hướng dẫn HS cách liên kết đoạn trong bài văn miêu tả cây cối. HS viết đoạn văn phải có câu mở đoạn và kết đoạn.

Chính những câu này có tác dụng liên kết các đoạn văn lại với nhau như bài tập 3 trang 130 TV 4, tập 2.

Hãy viết một đoạn văn có chứa câu mở đoạn như sau:

*“Chú gà nhà em đã ra dáng một chú gà trống rất đẹp”*

Gợi ý: Viết tiếp một số câu miêu tả các bộ phận của gà trống để làm nổi bật vẻ đẹp của nó

- Thân hình
- Cái đầu, mào, mắt
- Cánh, đôi chân, đuôi

Các bài tập như vậy giúp HS viết được một bài văn hoàn chỉnh, mạch lạc, hợp lý, lôgic và giàu cảm xúc hơn.

#### **2.1.6. Rèn kĩ năng viết văn có hình ảnh, giàu cảm xúc**

Để làm tốt bài văn miêu tả đòi hỏi các em phải có khả năng quan sát thực tế bằng các giác quan từ đó cảm nhận được thực tế sau đó tái hiện trong bài văn của mình, có các kĩ năng cần thiết khác. Bên cạnh đó việc dùng từ ngữ trong bài văn miêu tả cũng rất quan trọng nó góp phần làm cho câu văn trở nên có hình ảnh và giàu cảm xúc hơn. Bài văn có hay, hấp dẫn hay không phần lớn phụ thuộc vào các biện pháp dùng từ mà HS có thể sử dụng. Đặc biệt là từ láy, từ tượng hình, tượng thanh hoặc các biện pháp tu từ (so sánh, nhân hóa...).



Để làm được điều này đòi hỏi GV cần phải chú ý đến việc làm giàu vốn từ cho HS. GV có thể định hướng cho các em tích lũy vốn từ bằng nhiều nhiều cách khác nhau như giao tiếp hàng ngày với mọi người, đọc sách, báo, xem, nghe truyền hình truyền thanh, trao đổi với bạn bè...

Hoặc GV có thể cung cấp vốn từ cho HS bằng các hình thức:

- Qua các phân môn như Tập đọc, Luyện từ và câu mở rộng vốn từ theo từng chủ đề được học.
- Và GV có thể sưu tầm những đoạn văn hay, yêu cầu HS thống kê những từ láy, từ tượng thanh, tượng hình có trong đoạn văn đó.

*Vi dụ:* Tìm những từ tượng hình, tượng thanh trong đoạn văn sau:

“ Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim ríu rít. Từ xa nhìn lại cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ, hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi, hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh, tất cả đều lóng lánh lung linh trong nắng. Chào Mào, Sáo Sậu, Sáo Đen... đàn đàn lũ lũ bay đi bay về, lượn lên lượn xuống. Chúng nó gọi nhau, trò chuyện, trêu ghẹo và tranh cãi nhau, ồn mà vui không thể tưởng được.”

(Cây gạo - Vũ Tú Nam)

Mục đích của bài tập này không chỉ là đơn thuần yêu cầu HS xác định từ tượng hình, tượng thanh trong đoạn văn mà qua đó giúp các em thấy được giá trị, tác dụng của các từ gọi tả, gọi cảm trong đoạn văn miêu tả, sử dụng từ ngữ trong đoạn văn miêu tả của nhà văn.

- GV đưa ra một số bài tập yêu cầu HS vận dụng linh hoạt các từ láy, tượng hình, tượng thanh:

*Vi dụ:* + Tìm một số từ láy gọi tả, gọi cảm để tả màu da, đôi mắt, giọng nói, tiếng cười

+ Em hãy tìm một số từ láy diễn tả kiểu đi, kiểu chạy

(Đi lò dò, đi hồi hả, đi vội vàng. Đi khệnh khạng, đi chập chững, chạy lon ton, chạy lạch bạch, chạy vội vã...)

- Để bồi dưỡng kĩ năng diễn đạt, GV có thể cho HS sẽ thực hành một số bài tập luyện viết như: với các từ cho sẵn viết thành câu, luyện dùng từ bằng cách sửa lỗi dùng từ; từ ý đã cho viết thành câu gọi tả, gọi cảm, viết có sử dụng biện pháp tu từ theo yêu cầu, làm các bài tập mở rộng thành phần câu... để cách diễn đạt được sinh động, gọi tả, gọi cảm hơn. GV cần tiến hành theo mức độ tăng dần, bước đầu chỉ yêu

câu HS đặt câu đúng, sau yêu cầu cao hơn là phải đặt câu có sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá, có dùng những từ láy, từ ngữ gợi tả hình ảnh, âm thanh hay những từ biểu lộ tình cảm.

Chẳng hạn như bài tập: Sửa lại những từ dùng sai trong đoạn văn sau:

“Đọc theo thân bút chì có khắc dòng chữ *đen đúa* ánh nhũ vàng. Ruột bút màu *đen đúa*, nằm giữa lớp gỗ xám xịt, phía trên của cây bút chì có gắn một cục tẩy hình trụ màu *hồng hào* nhỏ xíu. Bao quanh tẩy là một miếng đồng mỏng *vàng vọ*”.

*Ví dụ:* Một HS tả chiếc bàn học:

“Mỗi lúc học bài mệt em thường gồi má lên mặt bàn để cảm nhận hương thơm dịu dịu của một người bạn thân đã cần mẫn, miệt mài cùng em giải những bài toán khó”.

Miêu tả như vậy vừa sinh động, tinh tế vừa rất tình cảm và sẽ cuốn hút người đọc, người nghe.

Tuy nhiên, không phải HS nào cũng biết sử dụng các biện pháp nghệ thuật khi miêu tả và cũng không phải tự các em có sẵn tâm hồn văn chương như vậy. HS có thể phát hiện tốt chi tiết có sử dụng biện pháp nghệ thuật gì nhưng khi viết văn lại khó vận dụng được. Chính vì vậy GV cần hướng dẫn kĩ càng để HS nắm bắt được yêu cầu và vận dụng tốt.

*Ví dụ:* Cho đoạn văn sau:

“Mỗi hoa chỉ là một phần tử của cả xã hội thắm tươi; người ta quên đoá hoa, chỉ nghĩ đến cây, đến hàng, đến những tán lớn xoè ra như muôn ngàn con bướm thắm đậu khít nhau”.

(Hoa học trò – TV4, tập 2)

+ Cho học sinh phát hiện biện pháp nghệ thuật trong câu trên.

+ Nêu tác dụng của việc so sánh như vậy.

+ Giải thích vì sao có thể so sánh hoa phượng với muôn ngàn con bướm thắm (mà không phải một con).

+ Tập vận dụng so sánh tương tự: so sánh hoa phượng với hình ảnh khác theo cảm nhận của các em, hoặc so sánh loài hoa hay cây khác với hình ảnh nào đó. Chú ý giúp HS nhận ra những cách so sánh thú vị, giàu sức gợi tả và những so sánh không có giá trị.

+ Yêu cầu các em ghi chép vào sổ tay những câu văn, thơ có sử dụng hiệu quả biện pháp nghệ thuật đó.

Chính những biện pháp trên dần dần sẽ giúp cho HS có thói quen và biết cách viết được những câu văn giàu hình ảnh, sử dụng từ ngữ hay, gợi tả gợi cảm trong bài văn của mình.

## **2.2. Biện pháp tích hợp dạy văn miêu tả trong các phân môn học khác**

### **2.2.1. Trong phân môn Tập đọc**

Trong các bài tập đọc thuộc thể loại văn miêu tả thì số lượng từ miêu tả rất phong phú, cách sử dụng rất sáng tạo. Sách TV 4 theo chương trình mới thì các loại bài tập đọc lại được biên soạn theo tuần, theo chủ điểm. Thường thì ứng với mỗi chủ điểm là các dạng TLV mà các em đang học. Vì vậy thông qua các bài tập đọc chúng ta có thể giúp các em chỉ ra các từ ngữ miêu tả hay, đã được chọn lọc, gọt giũa. Cách sử dụng nghệ thuật của tác giả chọn một vài trường hợp đặc sắc để phân tích kỹ giúp HS thấy được sự sáng tạo của các nhà văn khi dùng chúng.

Những bài tập đọc mang phong cách nghệ thuật chiếm tỷ lệ cao trong chương trình Tập đọc lớp 4 như: Chú Đất Nung, Cánh điều tuổi thơ (miêu tả đồ vật); Sầu riêng, Hoa học trò (miêu tả cây cối); Con Sè, Con chuồn chuồn nước, Con chim chiến chiến (miêu tả con vật). Qua những bài tập đọc này GV cần hướng dẫn để HS hiểu về cấu tạo của một bài văn miêu tả, cách quan sát các sự vật, cách dùng từ ngữ, câu và cách sử dụng nghệ thuật trong khi viết văn miêu tả.

*Ví dụ:* Bài tập đọc: *Con chuồn chuồn nước* (TV4, tập 2, trang 127)

Khi dạy bài này GV cần giúp HS nhận thấy: Qua cách tả từ bao quát đến chi tiết (Ôi chao! Chú chuồn chuồn nước mới đẹp làm sao! Màu vàng trên lưng chú lấp lánh. Bốn cái cánh mỏng như giấy bóng. Cái đầu tròn và hai con mắt long lanh như thủy tinh. Thân chú nhỏ và thon vàng như màu vàng của nắng mùa thu), cách sử dụng từ láy, từ ngữ giàu hình ảnh (phân vân), tác giả đã ca ngợi được vẻ đẹp sinh động của chú chuồn chuồn nước, cảnh đẹp của thiên nhiên, đất nước theo cánh bay của chú chuồn chuồn, qua đó bộc lộ tình cảm của tác giả đối với đất nước, quê hương. Mặt khác cũng qua bài dạy GV cho HS thấy được miêu tả con vật các em cần tả xen kẽ cả tả cảnh và bộc lộ cảm xúc của mình đối với con vật mà mình tả thì bài văn mới sinh động, hấp dẫn.

*Ví dụ:* Khi dạy đến bài "*Hoa học trò*" (TV 4, tập 2, trang 43).

Trong phần tìm hiểu bài GV có thể giúp các em cảm nhận được cái hay, cái độc đáo qua cách dùng từ của Xuân Diệu.

Để giúp người đọc cảm nhận được số lượng hoa phượng ra nhiều và rất đẹp, ông

đã sử dụng một loạt các điệp từ, điệp ngữ để diễn tả điều đó:

*“Phượng không phải là một đóa, không phải vài cành. Phượng đây là cả một loạt, cả một vùng, cả một góc trời đỏ rực. Mỗi hoa chỉ là một phần tử của cái xã hội thắm tươi, người ta quên đóa hoa, chỉ nghĩ đến cây, đến hàng, đến những tán hoa lớn xòe ra như muôn ngàn con bướm thắm đậu khít nhau”.*

Để giúp HS hiểu khi quan sát cây cối ta cần phải phối hợp nhiều giác quan.

Tà lá phượng tác giả viết: *“Lá xanh um, mát rượi, ngon lành như lá me non.”*

Chỉ bằng một câu nhưng tác giả đã sử dụng tới ba giác quan: mắt (*xanh um*), khứu giác (*mát rượi*), vị giác (*ngon lành*).

Bên cạnh đó qua các bài tập đọc, bài thơ, bài đọc thêm, ...GV cần giúp HS cách phát hiện và ghi lại một ý hay, những câu văn hay vào *“sổ tay văn học”*. Bởi vì sưu tầm, tích lũy, ghi chép từng câu văn hay, những câu thơ giàu cảm xúc, những câu ca, lời hát,... lâu dần sẽ thắm hình ảnh văn học được tích lũy giống như nguyên vật liệu thì *“toà lâu đài văn học”* của các em càng to, càng đẹp.

Tóm lại: Ta thấy các từ ngữ miêu tả trong các bài tập đọc rất đa dạng và phong phú, chúng được sử dụng rất hay, sinh động, gây ấn tượng. Cách sử dụng các biện pháp nghệ thuật trong các bài tập đọc cũng rất là sáng tạo. Bằng cách này GV đã giúp HS tích lũy thêm vốn từ và học cách sử dụng chúng, đồng thời thông qua các bài tập đọc GV cũng giúp các em hiểu thêm rằng để một bài bản miêu tả hay thì cần phải sử dụng các biện pháp nghệ thuật hợp lý.

### **2.2.2. Trong phân môn Luyện từ và câu**

Mục tiêu chính của Luyện từ và câu là giúp HS mở rộng vốn từ; cách sử dụng từ chính xác, cách viết câu đủ ý.

Khi dạy về các nội dung mở rộng vốn từ theo từng chủ điểm, GV có thể giúp HS hiểu rõ nghĩa các từ ngữ, các thành ngữ, các tục ngữ thuộc chủ điểm đó. Từ đó sẽ giúp các em sử dụng các từ ngữ chính xác, hợp lý.

Để tích lũy vốn từ GV có thể cho HS tìm thêm các từ đồng nghĩa, từ gần nghĩa, từ trái nghĩa.

*Ví dụ:* Bên cạnh tính từ *“đỏ”* dùng để miêu tả hoa hồng (hoa phượng) còn có nhiều từ ngữ khác như: *đỏ rực, đỏ tươi, đỏ thắm, đỏ chót, đỏ như son, đỏ như lửa...* tùy từng sự vật mà HS có thể lựa chọn nên dùng từ ngữ nào cho phù hợp.

Trong các tiết Luyện từ và câu có nội dung về ngữ pháp, ngoài việc dạy các em cách viết câu đúng, GV cần tìm cách dạy các em cách viết câu văn có hình ảnh. Trong

tất cả các bài tập dùng từ đặt câu, chúng ta đặt một câu văn dù ý bên cạnh một câu văn khác dù ý nhưng có hình ảnh để các em so sánh.

*Ví dụ:* Tả hình dáng của một cây bàng cổ thụ, đưa ra hai câu:

*Câu 1:* Thân cây to, cao.

*Câu 2:* Thân cây to cao nhìn xa như một chiếc ô lớn khổng lồ.

Yêu cầu HS nhận xét xem câu nào hay hơn (100% HS trả lời là câu 2 hay hơn vì nó tạo cho người đọc hình ảnh rất cụ thể nó to, cao đến chừng nào...)

Luyện viết câu văn sáng sủa, ngắn gọn, biết sử dụng các dấu ngắt, câu đúng chỗ. HS lớp 4 thường chăm phẩy tùy tiện, rất hiếm các em sử dụng câu cảm trong bài văn. Vì thế khi dạy Luyện từ và câu GV phải chú trọng luyện cho HS cách viết câu đủ bộ phận chính, các dạng bài tập đưa ra như sau:

- Đặt câu kể Ai là gì? (Ai thế nào? Ai làm gì?...)

- Chọn từ ngữ điền vào chỗ trống để tạo thành câu hoàn chỉnh

- Chọn trước một đoạn văn không có dấu câu (hoặc đặt sai vị trí) yêu cầu học sinh đặt dấu câu đúng chỗ cho phù hợp.

Ngoài các bài tập Luyện từ và câu trong chương trình, trong các tiết TLV đặc biệt luyện tập trong tiết trả bài viết, tiết luyện tập tăng cường cần luyện cho HS các dạng như :

- Tập diễn đạt bằng những câu sinh động, giàu hình ảnh...

*Ví dụ :*

Câu chưa gọi hình ảnh: Hai chiếc khoá bằng mạ kền đang nhìn em

Sửa lại thành câu có hình ảnh: Hai chiếc khoá bằng mạ kền sáng loáng như đôi mắt long lanh đang nhìn em.

Câu chưa gọi âm thanh: Mấy con chim hót trong bụi cây.

Sửa lại thành câu gọi âm thanh: Mấy con chim nháy nhót hót riu rít trong bụi cây.

- Tập cho HS dùng biện pháp nhân hóa

*Ví dụ:* Đọc lại 2 bài văn tả cây cối mới học ( Bãi ngô, cây gạo) chỉ ra những hình ảnh nhân hóa có trong bài

Học sinh tự tìm và ghi kết quả ra giấy

+ Búp ngô non núp trong cuống lá.

Bấp ngô chờ tay người đến hái.

+ Cây gạo già mỗi năm lại trở lại tuổi xuân.

Sau mùa hoa cây trở về dáng vẻ trầm tư và đứng im, hiền lành.

- Tập cho HS dùng biện pháp so sánh

*Ví dụ:* Đọc lại 3 bài văn tả cây cối mới học (Sầu riêng, Bã ngô, Cây gạo) chỉ ra những hình ảnh so sánh có trong bài:

Hoa sầu riêng thơm ngát như hương cau, hương bưởi

Cánh hoa nhỏ như vẩy cá, hao hao giống cánh sen con.

+ Hoa ngô lúc còn nhỏ búp như kết bằng nhung và phấn

Hoa ngô lúc già xơ xác như cỏ may

+ Quả gạo múp múp, hai đầu thon vút như con thoi

- Tập cho HS biết tích lũy các thành ngữ, tục ngữ

Kho tàng thành ngữ, tục ngữ của dân tộc ta rất đa dạng và phong phú. Mỗi một mặt của đời sống thường ngày đều có những câu rất hay, thiết thực. Nếu HS biết cách dùng và áp dụng những câu trong từng bài phù hợp thì câu văn, bài văn sẽ giàu hình ảnh, hàm súc hơn, có chiều sâu hơn.

Trong thực tế hàng ngày và trong SGK từ lớp 1 đến lớp 4 HS được tiếp xúc, được nghe rất nhiều câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ nhưng vì các em chưa có thói quen ghi nhớ và sử dụng nó thường xuyên. Một trong những lí do khiến các em rất lười và rất hiếm sử dụng các câu ca dao, thành ngữ, tục ngữ là vì các em chưa hiểu thấu đáo về chúng. Vì vậy việc đầu tiên là GV phải giúp HS hiểu ý nghĩa của các câu thành ngữ, tục ngữ có trong SGK và áp dụng nó vào trong những trường hợp cụ thể, thích hợp. Trong những tiết TV thêm có thể mở rộng cho các em một số câu đúng với chủ đề mở rộng vốn từ đang học. Và cứ tích lũy dần như vậy thì HS sẽ có vốn ngôn từ về tục ngữ, thành ngữ sau đó vận dụng vào trong những bài viết của mình.

*Ví dụ:* Để mở bài trong bài văn miêu tả con vật mà em yêu thích HS có thể viết:

Ông cha ta có câu: “Tốt gỗ hơn tốt nước sơn” thật ý nghĩa và sâu sắc. Em thấy nó thật đúng với chú chó nhà em. Tuy nó đã già, không xinh đẹp như nhiều con chó khác nhưng em vẫn thích nó vì nó gắn với nhiều kỉ niệm đối với gia đình em và chắc rằng không có con chó nào có thể khôn hơn chú.

*Ví dụ:* Để viết kết bài trong bài văn miêu tả đồ vật mà em yêu quý nhất HS có thể viết :

Mẹ em bảo: “Của bền tại người” vì vậy mỗi khi đi đâu về, em thường cất mũ vào trong tủ. Không khi nào em dùng nó để đựng đồ vật vì như thế sẽ làm bẩn nó và chiếc mũ sẽ nhanh hỏng. Em rất yêu quý chiếc mũ của em.

### 2.2.3. Trong phân môn Chính tả

Một bài văn hay không thể là một bài văn chữ viết xấu, mắc nhiều lỗi chính tả. Vì vậy để nâng cao chất lượng dạy TLV nói chung và văn miêu tả nói riêng cần chú ý dạy tốt phân môn Chính tả. Điều trước tiên, bản thân GV chúng ta phải phát âm thật chính xác và chú trọng khâu luyện viết chữ khó trong tiết Chính tả. Như:

- Hướng dẫn hiểu nghĩa của từ. Muốn viết đúng HS phải hiểu nghĩa của từ và cách viết của từ đó.

*Ví dụ:* Muốn biết khi nào viết “truyện”, khi nào viết “chuyện” HS phải phân biệt được sự khác nhau về nghĩa của 2 từ này để từ đó rút ra cách viết đúng chính tả.

+ Viết là “truyện” khi muốn chỉ tác phẩm văn học được in (Ví dụ: Truyện ngắn, truyện cười,...).

+ Viết là “Chuyện” khi muốn chỉ một sự việc kể lại (Ví dụ: Câu chuyện, chuyện cũ, chuyện tâm tình) hay chỉ công việc (Ví dụ: Chưa làm nên chuyện). Đặc biệt trong các bài tập chính tả nên dạy kỹ để HS hiểu nghĩa từ khi viết.

- Nhắc lại quy tắc viết chính tả:

*Ví dụ:* Quy tắc viết hoa (viết hoa tên riêng, viết hoa đầu câu; viết hoa tu từ), quy tắc viết chữ c/k/q, g/gh, ng/ngh hay i/y...

- Tự chữa những lỗi chính tả thường mắc và cách sửa những lỗi ấy

*Ví dụ:*

<i>Viết sai</i>		<i>Viết đúng</i>
-----------------	--	------------------

khèo	-	khòe
bay được sa	-	bay được xa
ti lẽ	-	ti lệ

- Ngoài ra thông qua giờ chính tả, GV cũng có thể giúp các em tích lũy thêm vốn từ ngữ miêu tả và cách sử dụng chúng.

*Ví dụ:* Khi dạy bài chính tả tuần 11 (TV 4, tập 1, trang 105)

Thông qua bài tập: “Điền vào chỗ... s/x”.

Sau khi HS thực hiện xong yêu cầu chính, GV gọi HS đọc lại:

*“Trái nhót như ngọn đèn tín hiệu*

*Trở lối sang mùa hè*

*Quả cà chua như cái đèn lồng nhỏ xíu*

*Thấp mùa đông ấm những đêm thâu*

*Quả ớt như ngọn lửa đèn dầu*

*Chạm đầu lưỡi – chạm vào sức nóng”*

Hỏi: Bài thơ miêu tả những loại trái cây nào? (nhót, cà chua, ớt).

Tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì để miêu tả các loại trái cây đó? Lấy ví dụ. (nghệ thuật so sánh: quả nhót – ngọn đèn, quả cà chua – đèn lồng, quả ớt – ngọn lửa đèn dầu.)

- Từ đó GV có thể chỉ cho HS cái hay, sáng tạo và tác dụng của biện pháp nghệ thuật nêu trên.

*Ví dụ:* Khi dạy đến bài chính tả tuần 21 (TV4, tập 2, trang 22)

Trong phần bài tập có bài: Chọn những tiếng thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn chỉnh bài văn sau.

- Sau khi cho HS thực hiện theo yêu cầu của bài. GV có thể gọi hai HS đọc lại bài văn. Sau đó đưa ra một số câu hỏi mở rộng nhằm mục đích có thể vận dụng nó vào việc học phân môn TLV.

- Bài văn thuộc thể loại văn gì? Kiểu bài gì? (Văn miêu tả, kiểu bài tả cây cối)

- Tác giả đã quan sát cây theo trình tự nào? (Từng bộ phận của cây)

- Trong bài văn này tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nào? Lấy ví dụ minh họa. (nghệ thuật so sánh, ví dụ như: thân thẳng như thân trúc. Năm cánh dài đỏ tía như ức gà chọi, trái kết màu chín đậm, óng ánh như những hạt cườm...)

- Em học tập được gì khi học bài văn này? (học được cách miêu tả, cách dùng từ, sử dụng các biện pháp nghệ thuật.)

Tóm lại: Phân môn TLV là sự tích lũy kiến thức của các phân môn TV. Có thể ví bài TLV miêu tả như một tòa nhà mà nguyên vật liệu là kiến thức của các phân môn TV (Tập đọc, luyện từ và câu, Chính tả) người thợ xây chính là HS, có nhiều nguyên vật liệu và tay nghề thành thạo của người thợ xây chính là HS, có nhiều nguyên vật liệu và tay nghề thành thạo của người thợ xây thì tòa nhà càng to, càng đẹp. Vì thế muốn nâng cao chất lượng dạy TLV dạng miêu tả phải giúp HS phối hợp các phân môn trên vào bài văn của mình một cách sáng tạo, linh hoạt.

Thông qua tất cả các môn học này, người GV có thể khéo léo khai thác để làm giàu vốn từ ngữ cho HS (từ ngữ miêu tả) và giúp HS biết cách sử dụng chúng một cách hợp lý. Song do đặc trưng của môn học, mỗi giờ học chỉ thiên về một mặt nào đó, nó chỉ hỗ trợ để HS học tốt hơn phân môn TLV. Vì thế người GV không thể lạm dụng để biến nó thành một giờ dạy TLV chính.

## **2.3. Biện pháp rèn các kĩ năng viết văn miêu tả thông qua hệ thống bài tập**

### **2.3.1. Bài tập rèn kĩ năng viết đoạn văn**



### 2.3.1.1. Bài tập viết đoạn văn theo đề bài

Câu 1: Viết đoạn văn ngắn miêu tả một đồ chơi mà em thích nhất.

Câu 2: Viết đoạn văn ngắn miêu tả một cây hoa đang mùa nở rộ.

Câu 3: Viết đoạn văn ngắn miêu tả một con vật nuôi trong nhà mà em thích nhất.

Câu 4: Em ao ước có một món quà trong cửa hàng lưu niệm. Đó là món quà gì? Em hãy viết một đoạn văn miêu tả lại cho người thân của em được biết.

Câu 5: Hãy viết đoạn văn tả một món quà hoặc một đồ vật mang lại cho em nhiều cảm xúc thú vị.

Câu 6: Viết một đoạn mở bài cho bài văn miêu tả một quyển sách hoặc một quyển truyện mà em thích:

- Theo cách mở bài trực tiếp

- Theo cách mở bài gián tiếp

Câu 7: Hãy viết một đoạn kết bài mở rộng cho bài văn theo một trong các chủ đề sau:

- Tả một đồ dùng trong gia đình mà em thích.

- Tả một đồ dùng học tập đã gắn với em từ lâu.

Câu 8: Hãy viết một đoạn mở bài gián tiếp theo các đề bài sau:

- Tả một cây có nhiều kỉ niệm với em

- Tả một loài hoa mà em yêu thích

- Tả một loại quả mà em có dịp thưởng thức.

Câu 9: Mẹ con loài vật cũng biết quần quýt, che chở cho nhau như con người. Hãy viết kết bài mở rộng cho bài văn tả lại mẹ con một loài vật em đã từng quan sát được.

### 2.3.1.2. Bài tập viết đoạn văn dựa theo gợi ý

Câu 10: Hãy viết một đoạn văn tả con mèo nhà em hoặc nhà hàng xóm có câu mở đoạn như sau:

“ *Cả nhà ai cũng khen Miu tôi thật là xinh xắn* ”

Câu 11: Hãy viết một đoạn văn (từ 5-7 câu) tả cây cối có sử dụng các biện pháp tu từ đã học, có câu mở đầu là:

a. Mỗi khi mùa xuân về...

b. Mùa hè sang...

c. Thu đến...

d. Khi trời chuyển mình sang đông...

Câu 12: Dựa vào những ý sau, hãy viết thành một đoạn văn gợi tả và gợi cảm hơn:

Hồ thả sen hồng, có nhiều lá xanh rất to. Lá sen rất tròn. Mùa hoa nở, hương bay

thơm cả xung quanh. Nước hồ rất trong và mát. Sóng nước trên hồ gợn nhẹ khi có cơn gió qua làm em rất thích.

*Câu 13:* Viết tiếp 3 câu để thành đoạn :

- a. Hôm nay là ngày khai trường...
- b. Thế là mùa xuân đã về...

*Câu 14:* Bạn Trí Dũng dự định viết 4 đoạn văn miêu tả cây phượng nhưng chưa viết được đoạn nào hoàn chỉnh. Em hãy giúp bạn hoàn chỉnh bốn đoạn văn này (viết vào chỗ có dấu chấm)

Đoạn 1:

[...] Phượng đã gắn bó với em như người bạn theo từng năm tháng.

Đoạn 2:

Từ xa nhìn lại, cây phượng trông như một người khổng lồ đội chiếc mũ đỏ. Thân cây cao hơn đầu người lớn, màu nâu, sù sì. Trên thân cây có vài cái bướu nhô lên.[...]

Đoạn 3:

Hoa phượng vĩ có năm cánh [...]

Đoạn 4:

[...] Cây phượng có ích như thế nên chúng em yêu cây lắm.

*Câu 15:* Đọc dàn ý bài văn tả cây dừa dưới đây

- Giới thiệu cây dừa
- Tả bao quát cây dừa
- Tả các bộ phận của cây dừa (tàu lá, quả dừa, vỏ dừa, nước dừa...)
- Nêu ích lợi của cây dừa.

Dựa vào dàn ý trên bạn Bảo An dự kiến viết bốn đoạn văn nhưng chưa đoạn nào hoàn chỉnh. Em hãy giúp bạn viết hoàn chỉnh bốn đoạn văn này (viết vào chỗ dấu)

Đoạn 1:[...] Nhưng em thích nhất là được ngồi dưới bóng mát rượi của những cây dừa.

Đoạn 2: Từ xa nhìn lại, em thấy những cây dừa cao to, trông rất thẳng hàng. Thân cây được bao bọc bên ngoài bằng lớp vỏ cứng sần sùi màu nâu đen.[...]

Đoạn 3: Vào ngày giỗ, tết, trái dừa cũng có mặt trên mâm ngũ quả của mọi nhà.[...]

Đoạn 4: [...] Cây dừa tô điểm cho miền Nam một vẻ đẹp đáng yêu.

*2.3.1.3. Bài tập viết đoạn văn dựa trên ý của một đoạn thơ, văn....*

Câu 16: Đọc bài thơ sau

### VÀO HÀNG MẶT NẠ

Mồm lão sói lưỡi dài  
Nhe răng nanh nhọn hoắt  
Em vội vàng quay mặt  
Chẳng dám nhìn lâu hơn.

Mắt chú gấu u buồn  
Cái miệng chừng máu máo  
Nhớ lời cô dạy bảo  
Dừng vói vĩnh mọi người.

Mặt chú Tễu thật vui  
Khăn rằn buộc trên trán  
Đôi mắt như gọi bạn  
Toét miệng cười rõ tươi.

Mắt thò hiền quá thôi  
Thỏ nâu và thỏ trắng  
Đôi tai gióng lên thẳng  
Rung rinh sợi râu dài.

Em chột ôm bụng cười  
Vì mặt nhăn chú khi  
Như vừa ăn trái khế  
Chua dùm cả làn môi...

Không muốn bạn mắt vui  
Vì mặt đen ma xó  
Em chọn ngay chú thỏ  
Cùng bạn mừng Trung thu.

(Vương Tâm)

Em thích cái mặt nạ nào trong bài thơ trên? Hãy viết một đoạn văn ngắn khoảng 4,5 câu miêu tả một trong những cái mặt nạ đó?

Câu 17: Dựa vào bài thơ “Chiếc võng của bố” em hãy đặt mình vào vai bạn nhỏ để tả lại chiếc võng đã gắn với bao kỉ niệm của Bố ở Trường Sơn.

### CHIẾC VÕNG CỦA BỐ

Hôm ở chiến trường về  
Bố cho em chiếc võng  
Võng xanh màu lá cây  
Dập dình như cánh sóng.

Em nằm trên chiếc võng  
Êm như tay bố nâng  
Dung đưa chiếc võng khẽ  
Chuyện đêm bố vượt rừng.

Em thấy cả trời sao  
Xuyên qua từng kẽ lá  
Em thấy cơn mưa rào  
Uớt tiếng cười của bố.

Trăng treo ngoài cửa sổ  
Có phải trăng Trường Sơn  
Võng mang hơi ấm bố  
Ru đời em lớn khôn.

(Phan Thế Cải)

Câu 18: Đọc khổ thơ

Chào bảng đen, cửa sổ  
Chào chỗ ngồi thân quen  
Tất cả chào ở lại...

(*Hữu Tưởng*)

Em cũng đã từng chia tay với lớp học cũ của mình để lên lớp mới. Hãy tả một đồ vật có trong lớp học cũ gắn với cảm xúc của em trong giờ phút chia tay ấy.

*Câu 19:* Hãy viết một đoạn văn miêu tả vẻ đẹp và hương vị của một trong ba thứ cây trái được nhắc đến trong hai khổ thơ sau:

Mía ngọt dần lên ngọn  
Gió heo may chớm sang  
Trái hồng vừa trắng cát  
Vườn cam cũng hoe vàng  
...Cam xã Đoài mọng nước  
Giọt vàng như mật ong  
Bổ cam ngoài cửa trước  
Hương bay vào nhà trong.

(*Trích Mùa cam – Phạm Tiến Duật*)

*Câu 20:* Dựa vào những gợi ý của bài thơ “Cây dứa” dưới đây, em hãy tả lại vẻ đẹp của cây dứa khi ấy.

### CÂY DỪA

Cây dứa xanh tỏa nhiều tau,  
Dang tay đón gió gập đầu gọi trắng  
Thân dứa bạc phéch thán năm  
Quả dứa – đàn lợn con nằm trên cao  
Đêm hè hoa nở cùng sao  
Tàu dứa – chiếc lược chải vào mây xanh.  
Ai mang nước ngọt, nước lành,  
Ai đeo bao hũ buộc quanh cổ dứa.

(*Trần Đăng Khoa*)

*Câu 21:* Dựa vào bài thơ sau em hãy miêu tả một loài hoa quanh lăng Bác.

### HOA QUANH LĂNG BÁC

Hoa ban xòe cánh trắng  
Lan tươi màu nắng vàng

Cánh hồng khoe nụ thắm  
Bay làn hương dịu dàng  
Mùa đông đẹp hoa mai  
Cúc mùa thu thơm mát  
Xuân tươi sắc hoa đào  
Hè về sen tỏa ngát  
Như các chú đứng gác  
Thay phiên nhau đếm ngày.  
Hoa nở quanh lăng Bác  
Suốt bốn mùa hương bay.

(Nguyễn Bão)

*Câu 22:* Dựa vào ý của bài thơ sau, em hãy viết một đoạn văn miêu tả ngoại hình của con vẹt

#### CON VỆT

Chân mà biết nắm  
Cần lên cành trên  
Mỏ thành tay vịn  
  
Mỏ làm móng tay  
Mỗi lần tia hạt  
Áo mỏng, áo dày  
Tinh vi bóc hết

Sắc mạ xanh rờn  
Mượn làm quần áo  
Mỏ như đôi chân  
Mùa hồng cánh pháo  
Quả ngọt quả ngon  
Nhường phần người khác  
Còn mình đơn sơ  
Khế vàng bóc hạt.

(Trần Thanh Dịch)

*Câu 23:* Đọc đoạn văn sau:

#### Đại bàng biểu tượng của sức mạnh

Đại bàng vàng là loài chim lớn ở Bắc Mỹ, tập trung ở Ca-na-đa, bang A-lát-ka và rặng núi Rốc-ki của Mỹ.

Sở dĩ người ta gọi chúng là đại bàng vàng vì bộ lông của chúng đặc biệt óng ánh, lấp lánh màu vàng khi ánh sáng mặt trời chiếu vào. Đại bàng vàng có sức khỏe phi thường, nó có thể bay cao đến 6000m và bay rất xa. Sức mạnh của loài chim này tập trung không chỉ ở đôi cánh mà còn ở đôi chân có bộ vuốt sắc, chiếc mỏ bản như dao, chắc như gọng kim và đôi mắt tinh có thể nhìn thấy con mồi từ rất xa.

Vốn là loài chim lớn sống ở nơi núi cao nên đại bàng vàng có kiểu bay rất lạ:

chúng chọn điểm đậu trên triền núi cao rồi dang đôi cánh rộng gần 2m thả lượn rất xa và chỉ thỉnh thoảng mới đập cánh. Cánh bay này giúp đại bàng ít tốn sức khi phải nâng thân hình to lớn của mình trên suốt chặng đường bay. Đại bàng rất thích ăn thịt và chúng săn mỗi cũng thật cừ khôi. Một con đại bàng trưởng thành có thể săn mỗi giờ nên nhiều nơi con người thuần dưỡng chúng để đi săn. Đại bàng vàng đã trở thành biểu tượng hùng dũng của các dân tộc vùng Bắc Mỹ.

(Ngọc Duyên - Báo Thiếu niên Tiền phong)

Dựa vào những thông tin mà bài báo cung cấp, em hãy viết:

- Một đoạn văn miêu tả ngoại hình của đại bàng Bắc Mỹ.
- Một đoạn văn miêu tả hoạt động của đại bàng Bắc Mỹ.

2.3.1.4. Bài tập sắp xếp trật tự các câu cho sẵn thành một đoạn văn

Câu 24: Sắp xếp các câu văn sau thành đoạn văn:

Đoạn 1:

- a. Ở đây có một con sóc ngày ngày ra vào.
- b. Chú sóc béo múp, lông nhẵn mượt, đuôi xù như cái chổi phất trần và hai mắt tinh nhanh.
- c. Đó là loài sóc bụng đỏ.
- d. Một chú sóc có bộ lông khá đẹp: lưng xám thẫm nhưng bụng lại đỏ hung, chóp đuôi cũng đỏ.

Đoạn 2:

- a. Hai mắt trăn lồi ra thô lổ, tròn soe, sang một cách ma quái.
- b. Khi chúng ngoạm mồi như có máy tự động, ấn trôi tụt xuống cổ họng.
- c. Cái miệng toan hoác, hai mép sâu quá nửa đầu với hai hàm răng chi chít như răng liềm, mọc xuôi về phía cổ họng.
- d. Về mặt hình thù trăn giống rắn nhưng hơi to.

Câu 25: Hãy sắp xếp các câu sau theo một trình tự thích hợp để tạo thành đoạn văn :

- a. Còn đôi ngà tuyệt đẹp của chú là do hai răng cửa hàm trên phát triển thành.
- b. Có lẽ những chú voi là động vật khổng lồ nhất sống ở trên cạn.
- c. Đây là vũ khí cực kì lợi hại của chú ta đấy: nó như hai mũi kiếm.
- d. Chiếc vòi này không phải là vô tích sự đâu nhé.
- e. Thật kì lạ: chiếc vòi dài trông ngộ nghĩnh, đu đưa đưa đưa, thông xuống trước mặt của voi ta là do mũi và môi trên biến đổi thành !
- f. Hơn nữa, giống như nhắc một chiếc cần câu, một sợi dây cáp dẻo dai, nó còn

có thể nhắc bằng các vật nặng: những khúc gỗ, kiện hàng, thậm chí cả một chiếc ô tô !  
g. Nó vừa là cái vòi phun nước tắm mát vừa thay thế cho đôi tay khéo léo bứt những nhánh cây, ngọn cỏ đưa vào miệng.

### 2.3.2. Bài tập rèn kĩ năng dùng từ, đặt câu, viết câu văn có hình ảnh

**Câu 26:** Tìm các hình ảnh so sánh và biện pháp nghệ thuật nhân hóa dùng chưa chính xác trong các câu văn sau rồi sửa lại:

“Trong sân trường em sừng sững một bác bàng già. Không biết bác có mặt ở đây từ bao giờ nhưng đến nay, bác đã cao, to lắm rồi. Thân bác mặc một bộ trang phục màu nâu xám, xù xì như áo khoác. Tán lá của bác tròn như cái bánh giầy to tướng che mát cả một khoảng sân.”

**Câu 27:** Chỉ ra những chỗ chưa hợp lý và sửa lại trong những câu văn sau:

Cái cặp của em rất đẹp. Nó được khoác một tấm áo màu xanh nước biển. Mặt trước của cặp được trang trí hình chú gấu pool như đang mỉm cười với em. Quai xách nho nhỏ thanh thanh như hình một chiếc cầu. Khóa cặp được mạ kền sáng loáng như hai con mắt của một người không lồ.

**Câu 28:** Chỉ ra những chỗ chưa hợp lý và sửa lại trong những câu văn sau:

Hàng ngày, gà mẹ phải đau khổ chăm sóc cả chục đứa con. Mà chục đứa con của chị đứa nào cũng đáng yêu. Mười chú đều vàng như cuộn tơ, hai chân của các chú gà con to như hai ngón tay của đứa trẻ. Mắt chúng sáng như sao, to như hai hòn bi ve, lúc nào cũng đưa đi đưa lại.

**Câu 39:** Hãy chỉ ra chỗ chưa hợp lý trong các câu văn sau và sửa lại cho đúng thực tế:

a. Cây bàng trong sân trường tán lá sum sê, mỗi khi có chị gió lướt qua là bàng lại nghiêng mình, giơ bàn tay gầy guộc của mình ra chào đón chị.

b. Bông hồng nhà em nở xòe to như một chiếc bát to, tỏa hương thơm ngào ngạt, kêu gọi từng đàn ong, chị bướm đến trò chuyện.

c. Đầu chú gà to như quả cam mà mẹ vẫn dùng để pha nước cho bà.

**Câu 30:** Trong những câu sau, từ nào dùng chưa phù hợp, hãy sửa lại cho đúng:

a. Những chú bướm đùa nghịch bên hoa làm cho khung cảnh khu vườn trở nên nên thơ, tĩnh lặng.

b. Mỗi khi gáy, chú chuẩn bị khá kĩ càng. Tiếng gáy của chú thật to, thật dài. Chú nhảy lên cành cây cao trong vườn, cánh vỗ phành phạch, cổ rướn cao, cái mỏ há to, cái lưỡi bé tí rung rung. Thế là một chuỗi âm thanh vang lên làm náo loạn cả không khí buổi sớm mai. Nghe tiếng gáy của chú, bác nông dân ra đồng, anh công nhân tới xưởng,

còn chúng em chuẩn bị sách vở để tới trường. Một buổi học với bao điều lý thú đang chờ em ở phía trước.

**Câu 31:** Chỉ ra từ ngữ chưa phù hợp trong những câu văn sau và sửa lại cho hợp lý:

- Kẻ thù của lũ sâu làm hại cây cối là bọn chim sâu.
- Con ong nâu chỉ được cái đức tính chăm chỉ, cần cù hút mật bên khóm hoa hồng.
- Mấy con chim non đang cãi nhau chí chóe trong vòm lá xanh.
- Chiếc cặp của em có tới bốn ngăn. Ngăn thứ nhất em để vở viết, ngăn thứ hai em để sách, ngăn thứ ba em để đồ dùng học tập, còn ngăn cuối em để rác.
- Đàn gà con vẫn líu ríu chạy theo mẹ. Chúng cãi nhau, tranh giành nhau từng tí mồi. Gà mẹ bỏ mặc chỉ mái kiếm mồi.

**Câu 32:** Thay thế các từ ngữ được gạch chân trong các đoạn văn sau để cách diễn đạt được hay hơn:

a. Cây chuối cũng hơi cao, khoảng hai mét, to bằng chiếc xô nhựa chứa nước, theo chiều thẳng đứng, càng lên trên cao càng gọn lại. Thân chuối có nhiều lớp bẹ ốp chặt vào nhau như một người mặc rất nhiều áo. Ở ngọn có nhiều tàu lá dài xòe ra như những bàn tay.

b. Mẹ của các con gà con là một con gà mái mơ. Lứa gà này là đàn con thứ hai của nó nên trông nó khá béo tốt. Tuy vậy, cô vẫn còn đẹp lắm. Bộ lông của nó có vẻ hơi bù xù sau thời kì đẻ và ấp trứng. Cái mỏ không còn đỏ tươi như trước nhưng lại rất hợp với cặp mắt màu vàng. Cái mỏ của nó đã không còn sắc nhọn vì phải suốt ngày lang thang đi kiếm mồi cho rất nhiều con gà con. Tuy vẻ ngoài đã không còn tươi đẹp như trước nhưng bù lại nó rất sung sướng bên các con gà con.

c. Gốc cây hồng chỉ có một màu nâu giản dị. Thân cây phải to hơn cả ngón tay của em được bao phủ bởi một màu rất xanh. Để bảo vệ cho thân cây và các bông hoa thì trên thân mọc ra rất nhiều gai nhọn lắm với màu rất vàng như những cây chông.

d. Trông kìa những con lợn biển đang bơi đấy! Trên sóng biển Caribee xanh biếc dập dờn, cả gia đình nó lặn ngụp cùng nhau thật là vui vẻ. Thật đúng với cái tên lợn biển, thân hình con nào cũng tròn xoe như nắm tay, nắn nắn những thịt là thịt. Ấy thế mà cái đuôi lại bẹt ơ là bẹt, trông buồn cười quá đi mất. Trông chúng nó như những củ khoai lang khổng lồ có những chiếc áo da màu xám nhạt, xanh đậm hoặc xám đen.

**Câu 33:** Tìm các từ ngữ, hình ảnh thay thế cho các từ ngữ in nghiêng để các câu sau



sinh động, gợi cảm hơn.

a. Vào mỗi buổi sáng, mặt hồ Gươm có hình dáng hình bầu dục.

b. Ánh trăng đêm rằm vừa đẹp vừa tròn tỏa ánh sáng dịu dịu chứ không gay gắt tí nào.

c. Lá cây lay động lấp lánh trông thật là đẹp.

d. Nước đang chảy xuôi dòng.

Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm các từ ngữ, hình ảnh vừa chính xác vừa làm tăng giá trị gợi tả, gợi cảm hơn làm câu văn có sử dụng biện pháp so sánh, nhân hóa.

**Câu 34:** Chỉ ra từ dùng sai trong những câu sau và chữa lại cho đúng:

- Cánh đồng lúa rộng mênh mang.

- Con mèo nhà em trông thấy ghét.

- Bộ lông chú chó nhà em bóng lộn.

**Câu 35:** Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống để tạo thành câu có hình ảnh so sánh:

a. Lật đặt có cái bụng.....như bụng ông địa trong đoàn múa lân.(to, tròn, phệ )

b. Chiếc bi đông to như .....nhưng tròn dẹt, đựng được đến hơn một lít nước. (quả dưa, quả cam, quả mít)

**Câu 36:** Lựa chọn các hình ảnh sau điền vào chỗ trống để tạo thành các câu văn có hình ảnh so sánh.

Hai cái lá non, một cây nấm không chân, một túp lều không cửa, con rắn cạp nong, hai con mắt sáng long lanh.

a. Cái cổ áo như .....trông thật dễ thương.

b. Cây rơm giống như .....

c. Ngang lưng trống quần hai vành đai to bằng .....nom rất hùng dũng.

d. Cặp có hai mắt khóa mạ kền giống như.....

**Câu 37:** Hãy thêm về câu có hình ảnh so sánh thích hợp vào chỗ trống để mỗi dòng dưới đây trở thành câu văn sinh động hơn.

- Lá cọ tròn xò ra nhiều phiến nhọn dài, trông xa như.....

- Đôi cánh gà mẹ xò ra như...chờ chờ cho các chú gà con.

- Những bông hoa hướng dương giống như....

- Hoa phượng nở dày đặc trên cây như.....

**Câu 38:** Viết lại những câu văn dưới đây cho sinh động, gợi cảm bằng cách sử dụng biện pháp so sánh, nhân hóa:



cái cần ăng ten luôn ngộ nguậy bắt sóng.”

*Câu 46:* Tìm các từ đồng nghĩa với các từ sau

- |         |         |
|---------|---------|
| - Xanh: | - vàng  |
| - Đỏ    | - Trắng |

*Câu 47:* Kể tên những đồ dùng học tập của em.

*Câu 48:* Đặt ba câu có chứa từ đồng nghĩa với chỉ màu xanh

*Câu 49:* Tìm từ láy trong những câu sau:

Kèo cà kẻo kẹt	Kèo cà kẻo kẹt
Mênh mang trưa hè	Cây na thiu thiu
Chim co chân ngủ	Mắt na hé mở
Lim dim cành tre	Nhìn trời trong veo

(Tiếng võng kêu - Trần Đăng Khoa)

#### 2.3.4. Bài tập rèn kỹ năng viết đúng chính tả

*Câu 50:* Một số từ láy dưới đây viết sai lỗi chính tả, em hãy gạch chân các từ đó và viết lại cho đúng:

- chuyện choạng, chễm chệ, công cênh, chót vót.
- bát ngát, bằng thẳng, bồn chồn, bèn lên.
- ễ dãi, dằng dặt, dưng dưng, giùng giăng.

*Câu 51:* Điền x hoặc s vào chỗ trống cho đúng chính tả:

- ...ư ...ãi, ...ám ...ít, ...àng hôn, ...anh ...ánh, ...in ...ít.
- ...ôi ...ả, ...um vậy, ...à ...uống, lụp ...xụp, ...ụt ...ít.

*Câu 52:* Thêm tiếng phù hợp vào chỗ trống để tạo thành từ láy:

- |             |             |
|-------------|-------------|
| a. Rung...  | d... choắt  |
| b. Ngoan... | e. hồng ... |
| c.....linh  | f. Xôn...   |

*Câu 53:* Điền t hoặc c vào chỗ trống để từ trở nên đúng nghĩa:

- màu sắ..., ẩm ướ..., ướ... mơ, lạ...lồng, rá...rối, bá...ngờ, sa mạ... giã... đồ
- cặp má..., tứ...tối, mệ...mỏi, chấ...chấn, mặ...áo, mặ...nạ, má... mẽ

*Câu 54:* Điền an hoặc ang vào chỗ trống để từ trở nên đúng nghĩa

- cây bà..., bà... bạc, cái bà..., hoa la..., khoai la....
- cửa hà..., màu và..., la...tha..., la...ma..., bảo ba...

*Câu 55:* Điền vào chỗ trống tr hoặc ch

- ...ưa đến...ưa mà ...ời đã nắng ...ang ...ang.

- ...ong ...ạc mẹ em để ...én ,bát,...ai, lọ, xoong nồi.

**Câu 56:** Chỗ trống dưới đây có thể điền tiếng (từ) gì bắt đầu bằng s hoặc x:

- Mùa xuân, những cánh hoa đào nở rộ khiến lòng người xa ... xao ... nhớ quê hương.

- Những chiếc mặt nạ ấy được miêu tả hết sức.....động

**Câu 57:** Điền dấu hỏi hay dấu ngã vào những chữ in nghiêng và giải câu đố sau

Cây bò trên đất  
Lá rấp *qua* tròn  
Ruột *đo* như son  
*Vo* ngoài xanh *thâm*?

**Câu 58:** Điền s hay x vào chỗ trống và giải câu đố sau:

a. Con gì lách chách  
Hay bắt tìm ...âu  
Cho cây ...anh màu  
Quần đêm khó nhọc?  
Là con gì?

b. Cái mỏ ...inh ...inh  
Hai chân tí ...ú  
Lông vàng mát dịu  
Chiếp chiếp ...uốt ngày?  
Là con gì?

**Câu 69 :** Điền dấu thích hợp vào ô trống cho đúng

Sẻ Non rất yêu bằng lăng và bé Thơ ? nó muốn giúp bông hoa ? Nó chấp cánh ? bay và về phía cành bằng lăng mảnh mai? Nó nhìn kĩ cành hoa rồi đáp xuống vững ? cành hoa chao qua chao lại ? Sẻ Non cố đứng vững thế là bông hoa chúc hẳn xuống ? lọt vào khuôn cửa sổ?

Lập tức? sẽ nghe tiếng reo từ trong gian phòng tràn ngập ánh nắng?

Ôi đẹp quá? Sao lại có bông hoa bằng lăng nở muộn thế kia?

**Câu 60:** Bài thơ chưa hoàn thiện, hãy thêm dấu (?) hoặc (~) vào những từ in đậm để hoàn thiện bài thơ

Mèo con ôm mẹ

Bốn chân mèo mẹ  
Thành bốn cánh tay  
Ôm ca một bầu  
Mèo con bé tí  
Mướp, Vàng, Tam thể  
Thằng Mun đốm bông

Có đũa thêm thìa  
Bỗng ngã lẳng chiêng  
Mèo mẹ nằm yên  
Mình cong trắng khuyết.  
Vòng ôm chứa khít  
May có cái đuôi

Nằm ngoài nằm trứng  
Cho đu bốn đũa.  
Ngậm từng bầu sưa  
Thức ngu lơ mơ  
Đũa ngu say sưa  
Vân con liếp mếp.

Thêm nữa vòng ngoài  
Cho trắng tròn trịa.  
Cái đuôi mèo mẹ  
Cánh tay thứ năm  
Êm ấm tuyệt trần  
Mèo con, mèo mẹ.

(Trần Lê Văn)

*Câu 61:* một số từ trong các câu văn sau viết sai chính tả em hãy gạch chân các từ đó và viết lại cho đúng

- Thoạt trong chiếc cặp rất đẹp
- Cặp có quai sách vừa tay em.
- Nước mưa không làm ướt cặp
- Em xấp xếp tập vở gọn gàng vào cặp.
- Con mèo nhà em có bộ da rất dài
- Nó ăn ngồm ngồm
- Cây mít do ông em chồng từ khi em chưa sinh ra đời
- Cánh hoa có màu đỏ rực rất đẹp

#### **2.4. Tiểu kết chương 2**

Qua việc nghiên cứu về tình hình dạy học văn miêu tả chúng tôi đã đưa ra một số biện pháp vận dụng vào quá trình giảng dạy. Chúng tôi rút ra một số kết luận cơ bản sau:

- Điều quan trọng nhất trong việc dạy văn miêu tả là GV cần chú ý rèn luyện các kỹ năng cần thiết trong việc viết văn miêu tả cho HS như: Kỹ năng quan sát, kỹ năng lập dàn bài chi tiết, kỹ năng viết mở bài, kỹ năng viết kết bài, kỹ năng xây dựng đoạn và viết văn, kỹ năng dùng từ đúng, hay cho HS.

- GV không chỉ dạy văn miêu tả trong phân môn TLV, mà còn phải biết tổ chức hướng dẫn HS cách viết văn miêu tả trong các phân môn khác như: phân môn Tập đọc, phân môn Luyện từ và câu, phân môn Chính tả.

- Bên cạnh đó GV còn cần phải chú ý xây dựng hệ thống bài tập áp dụng vào việc dạy văn miêu tả để giúp HS viết văn miêu tả tốt hơn.

## **Chương 3: THỰC NGHIỆM VÀ KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM**

### **3.1. Giới thiệu khái quát về quá trình thực nghiệm**

#### **3.1.1. Mục đích thực nghiệm**

Chúng tôi đã đưa ra một số biện pháp nhằm rèn kỹ năng viết văn miêu tả cho HS là dựa trên cơ sở lí luận và cơ sở thực tiễn mà đề tài nghiên cứu. Tuy nhiên, để kết luận những biện pháp này có khả thi hay không, có đạt được kết quả như mong muốn hay không thì phải nhờ thực tiễn giảng dạy đánh giá. Quá trình thực nghiệm sư phạm mà đề tài tiến hành nhằm mục đích này. Những kết quả thu được sau quá trình thực nghiệm chính là những thông tin phản hồi, đóng vai trò là cơ sở để chúng tôi điều chỉnh các biện pháp đưa ra.

Trong phạm vi của đề tài này, chúng tôi không có điều kiện để tiến hành kiểm nghiệm tính khả thi của đề tài trên quy mô rộng lớn, song chúng tôi hy vọng thực nghiệm này nhằm kiểm tra được một số vấn đề cần thiết cho đề tài.

Nếu giả định rằng các biện pháp mà chúng tôi đưa ra phù hợp với quá trình giảng dạy của GV và HS, kết quả viết văn miêu tả của các em đạt hiệu quả cao hơn thì có thể đưa các biện pháp đó vào nhà trường dạy hỗ trợ để rèn kỹ năng viết văn miêu tả cho các em, giúp các em học tốt hơn môn TV nói chung và phân môn TLV nói riêng.

#### **3.1.2. Nội dung thực nghiệm**

Giảng dạy một số bài TLV, Tập đọc trong chương trình Tiếng Việt 4.

#### **3.1.3. PP thực nghiệm**

Thực nghiệm được tiến hành ở khối lớp 4 của một trường TH. Chọn 2 lớp: lớp thực nghiệm: các bài dạy được tiến hành theo cách thức, quy trình mà chúng tôi đề xuất; còn lớp đối chứng: GV dạy bình thường.

#### **3.1.4. Tổ chức thực nghiệm**

\* Thời gian thực nghiệm:

Việc dạy thực nghiệm được tiến hành bình thường theo thời khóa biểu của trường thực nghiệm, không làm đảo lộn hoạt động của trường, không ảnh hưởng đến tâm lí HS. Văn miêu tả ở lớp 4 bắt đầu HS được học từ tuần 14. Nhưng sau khi HS được học một số kiến thức chung về văn miêu tả và đến phần học từng kiểu bài tả cây cối chúng tôi mới bắt đầu tiến hành thực nghiệm đề tài. Từ tuần 22 đến tuần 27 (ngày 31/1/2012 đến 10/3/2012).

\* Đối tượng thực nghiệm

Đối tượng: HS hai lớp 4.1, 4.3 trường TH Trần Quốc Toàn, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Trong đó có một lớp thực nghiệm và một lớp đối chứng. Lớp đối chứng và thực nghiệm được chọn theo nguyên tắc: cân bằng về số lượng (41 HS), giới tính và học lực.

- Lớp 4.1 (Lớp thực nghiệm): GV chủ nhiệm là cô Huỳnh Thị Phi Loan

- Lớp 4.3 (Lớp đối chứng): GV chủ nhiệm là cô Huỳnh Thị Hạnh

Hai lớp này đồng đều về mức độ nhận thức và kết quả học tập các môn học (không có sự chênh lệch).

\* Chọn các bài thực nghiệm

Sau khi đã hoàn thành xong công việc lựa chọn lớp thực nghiệm, lớp đối chứng, chúng tôi tiến hành soạn giáo án để dạy thực nghiệm. Sau một thời gian nghiên cứu, để đảm bảo tính khách quan chúng tôi quyết định chọn một số tiết sau để dạy thực nghiệm:

- Tập đọc “Sầu riêng”

- TLV: “ Luyện tập quan sát cây cối”

- TLV: “ Đoạn văn trong bài văn miêu tả cây cối”

- TLV: “ Luyện tập xây dựng mở bài trong bài văn miêu tả cây cối”

Theo chúng tôi đây là những bài đặc trưng nhất cho việc rèn kỹ năng làm văn miêu tả và phù hợp với thời gian thực nghiệm. Giáo án và phiếu điều tra của các tiết dạy thực nghiệm chúng tôi đã trình bày ở phụ lục 5

\* Soạn giáo án thực nghiệm

Sau khi chọn được các bài thực nghiệm, chúng tôi tiến hành thiết kế giáo án. Giáo án được thiết kế tương đối chi tiết để GV dễ sử dụng. Tuy nhiên, khi thiết kế giáo án, chúng tôi cũng tính đến khả năng vận dụng sáng tạo của GV trong tiến trình lên lớp cũng như khả năng tiếp thu của HS từng lớp. Giáo án được thiết kế xong được chính tác giả dạy và nhờ GV của trường thực nghiệm dự giờ để đánh giá tiết dạy.

### **3.1.5. Tiến hành thực nghiệm**

\* Quá trình thực nghiệm

Bước 1: Thành lập tổ thực nghiệm: bao gồm những GV dạy 2 lớp 4.1, 4.3, người thực hiện đề tài.

Bước 2: Trình bày mục đích, nội dung và cách thức thực nghiệm.

Bước 3: Tiến hành khảo sát tình hình học tập của hai lớp trước khi thực nghiệm.

Bước 4: Tiến hành dạy thực nghiệm:

- Lớp thực nghiệm: Được dạy theo các biện pháp mà đề tài khóa luận đã đưa ra.
- Lớp đối chứng: GV giảng dạy như bình thường..

Bước 5: Kiểm tra sau khi thực nghiệm: Cho HS hai lớp thực nghiệm

\* Các tiêu chí đánh giá kết quả thực nghiệm

Để đánh giá kết quả một cách khách quan, chúng tôi tiến hành đánh giá trên cả hai mặt:

- Đánh giá về mặt định lượng (kết quả về mặt kiến thức - kỹ năng làm bài tập làm văn của HS).

Chúng tôi xây dựng thang đánh giá kiến thức và kỹ năng của HS như sau:

- + Loại giỏi: Bài làm đạt 9 - 10 điểm.
- + Loại khá: Bài làm đạt 7 - 8 điểm.
- + Loại trung bình: Bài làm chỉ đạt 5 - 6 điểm.
- + Loại yếu: Bài làm chỉ đạt 1- 4 điểm.

- Đánh giá về mặt hứng thú học tập của HS

+ Mức độ thích: chăm chú nghe giảng, hăng hái phát biểu, tích cực làm bài, không nói chuyện riêng trong giờ học.

+ Mức độ bình thường. Nghe cô giáo giảng bài, phát biểu ý kiến, không nói chuyện riêng khi làm bài trong giờ học.

+ Mức độ không thích: Không chăm chú nghe giảng, không chịu phát biểu ý kiến, không tự giác làm bài tập, hay đùa nghịch, nói chuyện riêng trong giờ học.

### 3.2. Kết quả thực nghiệm

#### 3.2.1. Kết quả lĩnh hội tri thức

Sau khi tiến hành dạy thực nghiệm (lớp thực nghiệm), dự giờ (lớp đối chứng) và tiến hành khảo sát chúng tôi thu được kết quả như sau:

**Bảng 5: Kết quả kiểm tra thực nghiệm 1**

Lớp	SL	Giỏi		Khá		TB		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
TN	41	8	19,5	23	56,1	10	24,4	0	0
ĐC	41	4	9,8	16	39	17	41,4	4	9,8



*Bảng 5 cho thấy:*

- Tỷ lệ HS giỏi ở lớp TN cao hơn lớp ĐC 9,7%, HS khá cũng cao hơn 17,1%, còn tỷ lệ HS TB thì ở lớp TN thấp hơn lớp ĐC rất nhiều 17%, lớp TN không còn HS đạt yếu những lớp ĐC vẫn còn chiếm đến 9,8%

**Bảng 6: Kết quả kiểm tra thực nghiệm 2**

Lớp	SL	Giỏi		Khá		TB		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
TN	41	9	21,9	22	53,7	10	24,4	0	0
ĐC	41	5	12,2	17	41,5	16	39	3	7,3

*Bảng 6 cho thấy:*

Tỷ lệ HS giỏi, khá của lớp TN đều cao hơn lớp ĐC cụ thể: Giỏi cao hơn 9,7%, khá cao hơn 22,2%, còn tỷ lệ HS TB thấp hơn đến 14,6%. Lớp TN không có HS yếu lớp ĐC tỷ lệ HS yếu chiếm 7,3%

**Bảng 7: Kết quả kiểm tra thực nghiệm 3**

Lớp	SL	Giỏi		Khá		TB		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
TN	41	8	19,5	24	58,5	9	22	0	0
ĐC	41	4	9,8	18	43,9	16	39	3	7,3

*Bảng 7 cho thấy:*

Tỷ lệ HS giỏi, khá ở lớp TN cao hơn lớp ĐC cụ thể: Giỏi cao hơn 9,7%, khá cao hơn 14,6%, còn tỷ lệ HS TB thấp hơn 17%, lớp TN không có HS yếu lớp ĐC tỷ lệ HS yếu chiếm 7,3%

**Bảng 8: Kết quả kiểm tra thực nghiệm 4**

Lớp	SL	Giỏi		Khá		TB		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
TN	41	9	21,9	22	53,7	10	24,4	0	0
ĐC	41	4	9,8	19	46,3	16	39	2	4,9

### Bảng 8 cho thấy:

Tỉ lệ HS giỏi, khá ở lớp TN cao hơn lớp ĐC cụ thể: Giỏi cao hơn 12,1%, khá cao hơn 7,4% còn tỉ lệ HS TB thấp hơn 14,6%, lớp TN không có HS yếu lớp ĐC tỉ lệ HS yếu chiếm 4.9%

Như vậy: Qua các bảng thống kê kết quả kiểm tra của hai lớp TN và ĐC đã cho chúng ta thấy rõ sự khác biệt giữa một bên là áp một số biện pháp mới trong dạy học văn miêu tả và một bên không áp dụng.

Cụ thể: Tỉ lệ HS đạt điểm giỏi, khá qua các lần kiểm tra ở lớp TN luôn cao hơn so với lớp ĐC, và điểm TB thì lại thấp hơn rất nhiều và lớp TN không còn HS yếu nhưng lớp ĐC vẫn còn.

Để kiểm nghiệm lại điều này, chúng tôi kiểm tra, xem xét lại bài làm của HS của hai lớp để tìm hiểu lí do dẫn đến sự chênh lệch này. Lớp ĐC, các em thường viết bài văn ngắn, còn lúng túng trong việc miêu tả các bộ phận của đối tượng miêu tả, câu văn khô khan, kém hấp dẫn, bị lặp lại cách diễn đạt nhiều. Còn HS ở lớp thực nghiệm, trong quá trình dạy, GV đã cung cấp thêm những kiến thức cách quan sát, viết đoạn văn đặc biệt về việc vận dụng biện pháp so sánh và nhân hóa khi viết văn miêu tả nên các em viết câu văn có cảm xúc, hình ảnh hơn. Khả năng liên tưởng, tượng của các em tốt hơn nên các câu văn, đoạn văn hay hơn, hấp dẫn người đọc hơn. Chính vì vậy mà các em đạt kết quả cao hơn.

Sự thay đổi về tỉ lệ điểm của HS trên đây cho thấy những dấu hiệu đáng mừng bước đầu của việc áp dụng một số biện pháp trong văn miêu tả cho HS qua thời gian thực nghiệm.

### 3.2.2. Đánh giá về hứng thú học tập của HS

**Bảng 9 : Mức độ hứng thú học tập của HS đối với các bài học**

Lớp	Số HS	Mức độ hứng thú					
		Rất thích		Thích		Không thích	
		SL	%	SL	%	SL	%
TN	41	21	51,2	17	41,5	3	7,3
ĐC	41	13	31,7	20	48,9	8	19,4

Nhìn vào bảng 9 ta thấy, mức độ hứng thú đối với bài học của HS ở nhóm lớp TN và lớp ĐC có sự khác nhau rõ rệt. Ở lớp TN, tỉ lệ HS thích và rất thích rất cao (rất

thích 51,3 %; thích: 41,5%). Hầu hết, các em phấn khởi, hào hứng tự tin sau bài học, số HS không thích và thích bài học ở lớp ĐC lại thấp hơn (rất thích 31,7%, thích 48,9%) số HS tỏ ra không hào hứng với bài học chiếm tỉ lệ cao hơn (19,4%)

Kết quả trên cho thấy, để tạo được hứng thú học tập, GV phải biết cách lựa chọn các PP dạy học phù hợp, linh hoạt, phù hợp với tâm lí và trình độ nhận thức của HS.

### **3.2.3. Đánh giá về sự chú ý của HS trong tiến trình bài dạy**

Trong quá trình thực nghiệm, tương ứng với mức độ hoạt động và hứng thú học tập khác nhau, sự tập trung chú ý của HS ở lớp TN và lớp ĐC với tiến trình bài dạy không như nhau.

- Ở lớp TN: Do luôn được dẫn dắt vào các hoạt động, hào hứng, say sưa trong tìm tòi, thảo luận tìm ra hướng giải quyết các nhiệm vụ học tập nên khả năng chú ý của HS được tập trung rất cao. Thời gian trong tiết học chỉ đủ để các em phân tích ngữ liệu, thảo luận nhóm, viết bài...nên hiếm có trường hợp nói chuyện riêng, làm việc riêng trong lớp...Ngoài ra, trong giờ học, mối quan hệ cộng tác giữa GV và HS được thể hiện rất rõ, HS có ý thức cao đối với quá trình học tập, các em thực sự bị lôi cuốn vào hoạt động học tập.

- Lớp ĐC: Sự tập trung chú ý của HS trong lớp ĐC còn nhiều hạn chế: Trong giờ học, HS còn làm việc và nói chuyện riêng do GV thuyết trình giảng giải hoặc chỉ nói qua về bài học rồi cho HS tự giải quyết các bài tập trong phần Luyện tập. Do không được hướng dẫn tham gia vào các hoạt động học tập, không được tổ chức các hoạt động tập thể nên HS rất chóng mệt mỏi, nhàm chán và điều hiển nhiên các em sẽ không hào hứng học tập.

### **3.3. Tiểu kết chương 3**

Qua việc tiến hành thực nghiệm cũng chứng minh được phần nào một số biện pháp đưa ra có thể áp dụng vào việc dạy văn miêu tả cho HS lớp 4 nhằm nâng cao chất lượng dạy học TLV giúp HS nâng cao được trình độ viết văn của mình.

### **Phần 3: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

#### **1.1 Kết luận**

Qua quá trình nghiên cứu và tìm hiểu nội dung và tình hình dạy văn miêu tả ở trường TH, chúng tôi nhận thấy văn miêu tả chiếm một vị trí khá quan trọng trong phân môn TLV nói riêng và môn TV nói chung. Đến nay đã có rất nhiều công trình nghiên cứu nhằm giúp HS lớp 4 học tốt văn miêu tả. Song như vậy vẫn là chưa đủ bởi lẽ thực tiễn cho thấy khả năng học văn miêu tả của HS vẫn còn nhiều điều đáng bàn. Do đó, để khắc phục phần nào khó khăn trong dạy HS học văn miêu tả, chúng tôi mạnh dạn đưa ra một số biện pháp nhằm rèn kỹ năng viết văn miêu tả cho HS.

Đối chiếu với mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu trong phần đầu, đề tài này về cơ bản đã hoàn thành việc nghiên cứu các vấn đề sau:

- Đề tài đã xác định được cơ sở lí luận và thực trạng dạy học văn miêu tả ở lớp 4 nhằm giúp cho các biện pháp này có chỗ dựa về mặt lí luận và đảm bảo khả năng thực thi trong thực tiễn dạy văn miêu tả ở trường TH.

- Đã đưa ra được một số biện pháp nâng cao việc dạy văn miêu tả có thể vận dụng trong quá trình dạy học văn miêu tả ở lớp 4.

- Tiến hành thực nghiệm sư phạm để kiểm tra tính khả thi của những biện pháp đưa ra. Qua thực nghiệm chúng tôi nhận thấy khả năng viết văn miêu tả của HS có tiến bộ rõ rệt. Đây là một kết quả mà chúng tôi mong đợi từ ngày đặt bút triển khai đề tài.

Văn miêu tả là một loại hình sáng tạo nghệ thuật. Đích cuối cùng của việc dạy học văn nói chung và văn miêu tả nói riêng là phát triển tâm hồn, nhân cách cho HS. Để đáp ứng được mục đích nói trên, cần rèn cho HS các kỹ năng học văn miêu tả. Do vậy, việc đưa ra một số biện pháp nâng cao chất lượng dạy văn miêu tả nhằm nâng cao hơn nữa việc rèn kỹ năng viết văn miêu tả cho HS lớp 4 là rất cần thiết bởi việc dạy TLV là rất khó. HS lớp 4 tuy đã gần cuối cấp TH nhưng việc làm văn cũng mới dừng ở mức độ “tập”, nội dung chương trình lại hoàn toàn mới. Không ai sinh ra cũng mang sẵn trong mình một tâm hồn văn chương mà khả năng ấy phải được bồi đắp dần qua năm tháng, qua trang sách và những bài giảng hàng ngày của thầy cô. Muốn có được khả năng ấy của mỗi HS thì chính mỗi GV phải định hướng, gợi mở cho các em PP học tập. Như những cây non được ươm trồng cần bàn tay con người chăm sóc, vun xới thì nó sẽ trở nên tươi tốt.

#### **1.2. Kiến nghị**

Để kết quả của đề tài có thể được áp dụng rộng rãi và có hiệu, chúng tôi xin có

một số ý kiến đề xuất sau đây:

*\* Đối với Sở GD&ĐT*

- Hàng năm cần tổ chức các phong trào thi đua viết thơ văn, sáng tác nhỏ của tuổi thơ để các em có điều kiện phát huy tài năng của mình.

- Thường xuyên mở các hội thảo, nói chuyện chuyên đề với các chuyên gia về dạy và học TLV để GV được tiếp xúc, học hỏi kinh nghiệm trong công tác giảng dạy.

- Trong các kỳ hội giảng, hội thi nên khuyến khích GV dạy TLV để trao đổi tìm ra PP dạy hay.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho nhà trường: Trang bị những thông tin hiện đại, máy tính nối mạng internet để GV có thể tra cứu, tìm các thông tin phục vụ cho giảng dạy.

*\* Đối với nhà trường*

- Tăng cường đầu tư sách trong thư viện để GV có đủ tư liệu tham khảo phục vụ cho giảng dạy nhất là các tạp chí: Giáo dục Tiểu học, Thế giới trong ta...

- Nâng cao hiệu quả các giờ chuyên môn, khuyến khích GV đầu tư trao đổi kế hoạch bài học, cùng thống nhất soạn giáo án tập thể để phát huy sở trường của từng cá nhân và sức mạnh tập thể.

- Hàng năm thường xuyên tổ chức cho GV và HS đi thăm quan du lịch để nâng cao hiểu biết về cảnh vật, đất nước và con người Việt Nam.

*\* Đối với GV:*

- Không ngừng nâng cao kiến thức về thể loại văn miêu tả, học hỏi kinh nghiệm của đồng nghiệp.

- Phải phân loại được các đối tượng HS, nắm được lỗi điển hình của từng em, lỗi điển hình của lớp. Từ đó có hướng cụ thể, đề ra biện pháp cụ thể.

- Phải làm tốt khâu chấm bài, chỉ ra những lỗi sai của từng câu, từng bài thể hiện trong bài làm của HS.

- Phải khen thưởng, động viên kịp thời những em có bài văn hay, để cho lớp học tập bạn. Từ đó nhân điển hình của lớp lên.

*\* Đối với HS:*

- Có thái độ học tập tốt trong các giờ học, thường xuyên rèn luyện kỹ năng về viết văn miêu tả ở mọi lúc mọi nơi. Dành nhiều thời gian để đọc sách báo, văn thơ để nâng cao khả năng làm văn của bản thân.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê A (1990), *Mấy vấn đề cơ bản của dạy học Tiếng Việt ở phổ thông*, NXB Giáo dục
2. Võ Hồng Anh, Thùy Dương (1999) *54 bài văn chọn lọc lớp 4*, NXB Trẻ TPHCM
3. Tạ Đức Hiền (chủ biên), (2011), *Văn kể chuyện - Văn miêu tả tiểu học 4*, NXB Hà Nội
4. Trần Mạnh Hường, Nguyễn Quang Ninh (1996), *Rèn luyện kỹ năng sử dụng Tiếng Việt*, NXB Giáo dục
5. Trần Mạnh Hường (chủ biên), Lưu Đức Khôi (1995), *Tập làm bài văn lớp 4*, NXB Giáo dục
6. Tô Hoài (1999), *Một số kinh nghiệm viết văn miêu tả*, NXB Giáo dục.
7. Hoàng Phê (chủ biên), 1998, *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Khoa học – Xã hội
8. Tạ Thanh Sơn, Nguyễn Việt Nga, Phạm Đức Minh, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thanh Hà (2007), *155 bài làm văn Tiếng Việt 4*, NXB Tổng hợp TPHCM.
9. Lê Phương Nga (2005), *Luyện Tập làm văn 4*, NXB Đại học Sư phạm.
10. Lê Phương Nga, Đặng Kim Nga (1996), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học*, NXB Giáo dục
10. Nguyễn Minh Thuyết (2007), *Sách giáo khoa Tiếng Việt 4 (2 tập)*, NXB Giáo dục.
11. Nguyễn Quang Ninh, *150 bài tập rèn cách viết đoạn văn*, NXB Giáo dục
12. Đỗ Ngọc Thống (chủ biên), Phạm Minh Diệu, Nguyễn Thành Thi (2008), *Làm văn*, NXB Đại học Sư phạm
13. Nguyễn Minh Thuyết (2007), *Sách giáo viên Tiếng Việt 4 (2 tập)*, NXB Giáo dục.
14. Đặng Mạnh Thường (2007), *Tập làm văn 4*, NXB Giáo dục
15. Nguyễn Trí (2002), *Dạy và học môn Tiếng Việt ở Tiểu học theo chương trình mới*, NXB Giáo dục
16. Nguyễn Trí (2000), *Dạy Tập làm văn ở trường Tiểu học*, NXB Giáo dục.
17. Nguyễn Trí (1998), *Văn miêu tả và phương pháp dạy văn miêu tả*, NXB Giáo dục.
18. Dự án phát triển giáo viên Tiểu học, *Tâm lý học*, NXB ĐH Sư phạm, NXB ĐH Giáo Dục.
19. Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kỹ năng các môn học ở TH 4, NXB Giáo dục.

## PHỤ LỤC 1

**Bảng 1: Hệ thống các bài văn miêu tả trong chương trình TLV lớp 4**

<i>Tuần</i>	<i>Tên bài</i>
14	- Thế nào là văn miêu tả - Cấu tạo bài văn miêu tả trong đồ vật
15	- Luyện tập miêu tả đồ vật - Quan sát đồ vật
16	- Luyện tập miêu tả đồ vật
17	- Đoạn văn trong bài văn miêu tả đồ vật. - Luyện tập xây dựng đoạn văn miêu tả đồ vật
19	- Luyện tập xây dựng mở bài trong bài văn miêu tả đồ vật. - Luyện tập xây dựng kết bài trong bài văn miêu tả đồ vật.
20	- Miêu tả đồ vật (kiểm tra viết)
21	- Trả bài văn miêu tả đồ vật - Cấu tạo bài văn miêu tả cây cối
22	- Luyện tập quan sát cây cối - Luyện tập miêu tả các bộ phận của cây cối
23	- Luyện tập miêu tả các bộ phận của cây cối - Đoạn văn trong bài văn miêu tả cây cối
24	- Luyện tập xây dựng đoạn văn miêu tả cây cối
25	- Luyện tập xây dựng mở bài trong bài văn miêu tả cây cối
26	- Luyện tập xây dựng kết bài trong bài văn miêu tả cây cối. - Luyện tập miêu tả cây cối
27	- Miêu tả cây cối (Kiểm tra viết) - Trả bài văn miêu tả cây cối
29	- Cấu tạo của bài văn miêu tả đồ vật
30	- Luyện tập quan sát con vật
31	- Luyện tập miêu tả các bộ phận của con vật - Luyện tập xây dựng đoạn văn miêu tả con vật
32	- Luyện tập xây dựng đoạn văn miêu tả con vật - Luyện tập xây dựng mở bài trong bài văn miêu tả con vật
33	- Miêu tả con vật (Kiểm tra viết)

## PHỤ LỤC 2

## UBND TỈNH QUẢNG NAM

## TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG NAM

## PHIẾU HỎI Ý KIẾN GIÁO VIÊN TRƯỜNG TIỂU HỌC

Để có những thông tin khách quan cho việc đưa ra một số biện pháp nâng cao chất lượng dạy học văn miêu tả trong phân môn Tập làm văn lớp 4, kính mong quý thầy (cô) cho biết ý kiến của mình về các vấn đề được nêu ra bằng cách đánh dấu X vào ô trống thích hợp.

Các thông tin thu thập trong phiếu này chỉ dùng làm mục đích nghiên cứu, không sử dụng vào các mục đích khác.

Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của quý thầy cô!

## THÔNG TIN VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI

Giới tính: Nam/ Nữ

Năm sinh: .....

Dân tộc: .....

Trình độ:  THSP  CĐSP  ĐHSP

Thâm niên giảng dạy: .....

Tên trường thầy (cô) đang giảng dạy: .....

Hiện đang dạy lớp: .....

Câu 1: Trong các kiểu bài tập làm văn được dạy ở chương trình lớp 4 thầy (cô) cho rằng kiểu bài nào là khó dạy nhất?

- a. Kể chuyện  b. Miêu tả  
 c. Kiểu bài khác (viết thư, trao đổi ý kiến, tóm tắt văn bản.....)

Câu 2: Theo ý kiến của thầy (cô) thì việc dạy văn miêu tả đối với học sinh lớp 4 có tầm quan trọng như thế nào?

- a. Rất quan trọng  b. Bình thường  c. Không cần thiết

Câu 3: Trong quá trình giảng dạy văn miêu tả thầy (cô) thường gặp những khó khăn gì?

- a. Thiếu tài liệu tham khảo  b. Học sinh không hứng thú  
 c. Thiếu thời gian  d. Vốn từ của học sinh còn nghèo



Những vấn đề khó khăn khác:

.....  
.....  
Câu 4: Để học sinh có một bài văn miêu tả hay, theo thầy (cô) yếu tố nào là quan trọng?

- a. Năng lực truyền thụ của GV                       b. Khả năng tiếp thu bài của HS  
 c. Cả 2 yếu tố trên

Câu 5: Thầy (cô) đã thực sự vận dụng phương pháp dạy học mới vào dạy học văn miêu tả chưa?

- a. Vận dụng tốt     b. Vận dụng chưa linh hoạt  
 c. Đôi lúc còn ảnh hưởng bởi phương pháp dạy học cũ

Câu 6: Thầy (cô) có hay sử dụng hệ thống bài tập để rèn các kĩ năng viết văn miêu tả cho học sinh không?

- a. Chưa bao giờ                       b. Thỉnh thoảng                       c. Thường xuyên

Câu 7: Học sinh lớp thầy (cô) thường yếu nhất những kĩ năng nào khi học văn miêu tả?

- a. Quan sát                       b. Tìm ý                       c. Lập dàn ý                       d. Viết đoạn

Câu 8: Theo thầy (cô) có cần thiết phải tích hợp việc dạy văn miêu tả trong các phân môn khác hay không? Bản thân thầy (cô) đã thực hiện công việc đó như thế nào?

- a. Cần thiết     b. Không cần thiết

.....  
.....  
Câu 9: Khi giảng dạy về văn miêu tả chúng ta có cần thiết phải trau dồi cho học sinh cách viết văn có hình ảnh và giàu cảm xúc? Thầy cô có cách gì để rèn cho học sinh kĩ năng này?

- a. Cần thiết     b. Không cần thiết

.....  
.....  
Câu 10: Thầy (cô) thường sử dụng những biện pháp nào để nâng cao chất lượng việc dạy văn miêu tả ở lớp 4?

.....  
.....

### PHỤ LỤC 3

**UBND TỈNH QUẢNG NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG NAM**

#### **PHIẾU HỎI Ý KIẾN CỦA HỌC SINH**

*Trường Tiểu học*.....

*Họ và tên học sinh*.....

*Lớp: 4*.....

Câu 1: Em hãy nhận xét đúng với ý mình về phân môn TLV đang học.

- a. Bỏ ích                       b. Rất hay                       c. Quá khó đối với em

Câu 2: Em thấy việc học văn miêu tả như thế nào?

- a. Rất thú vị                       b. Bình thường                       c. Nhàm chán

Câu 3: Ở nhà, em dành bao nhiêu thời gian trong ngày để tự học TLV ?

- a. 1 giờ trở lên                       c. Chỉ từ 15 đến 30 phút  
 b. Gần 1 giờ                       d. Không dành thời gian nào

Câu 4: Trong 3 kiểu bài văn miêu tả em thích kiểu bài nào nhất?

- a. Miêu tả đồ vật                       b. Miêu tả cây cối                       c. Miêu tả con vật

Câu 5: Sau mỗi tiết học về văn miêu tả, mức độ hiểu bài của em ra sao?

- a. Không hiểu                       b. Hiểu sơ sơ                       c. Hiểu                       d. Rất hiểu

Câu 6: Em có hay tìm những câu văn miêu tả hay, độc đáo để miêu tả sự vật trong bài văn của mình không?

- a. Chưa bao giờ                       b. Thỉnh thoảng                       c. Thường xuyên

Câu 7: Em có thường sử dụng các biện pháp nghệ thuật (so sánh, nhân hóa...) trong bài văn miêu tả của mình không?

- a. Chưa bao giờ                       b. Thỉnh thoảng                       c. Thường xuyên

Câu 8: Em thường tham khảo các nguồn tài liệu nào sau đây trong quá trình học tập văn miêu tả?

Tài liệu	Mức độ		
Văn mẫu	<input type="checkbox"/> a. Chưa bao giờ	<input type="checkbox"/> b. Thỉnh thoảng	<input type="checkbox"/> c. Thường xuyên
Internet	<input type="checkbox"/> a. Chưa bao giờ	<input type="checkbox"/> b. Thỉnh thoảng	<input type="checkbox"/> c. Thường xuyên
Các TL khác	<input type="checkbox"/> a. Chưa bao giờ	<input type="checkbox"/> b. Thỉnh thoảng	<input type="checkbox"/> c. Thường xuyên

Câu 9: Em thường sử dụng cách viết mở bài, kết bài nào sau đây? Vì sao em chọn cách đó?

Mở bài	<input type="checkbox"/> a. Trực tiếp	<input type="checkbox"/> b. Gián tiếp
Kết bài	<input type="checkbox"/> a. Không mở rộng	<input type="checkbox"/> b. Mở rộng

Vì sao: .....

Câu 10: Em có biện pháp gì để học tốt văn miêu tả?

.....  
 .....

#### PHỤ LỤC 4

#### Đáp án hệ thống bài tập

*Câu 10: Gợi ý*

Cả nhà ai cũng khen Miu tôi thật là xinh xắn. Này nhé tôi khoác một bộ áo trắng muốt như bông, mượt ơi là mượt, êm ơi là êm. Thân hình tôi uyển chuyển. Đôi mắt mở to long lanh, mơ màng. Hai cái tai xinh xắn hồng hồng...

*Câu 11: Đáp án tham khảo:*

a. Mỗi khi mùa xuân về, những búp bàng cựa mình chui ra khỏi những nhánh khô gầy, khẳng khiu sau cả mùa đông dài ấp ủ dòng nhựa nóng. Chỉ qua một đêm thôi, những chồi xanh li ti đã điểm tím hết cành to, cành nhỏ. Và rồi từng ngày, từng ngày, những chồi xanh ấy lớn nhanh như thổi, mỗi ngày mỗi khác, mỗi lúc mỗi khác. Cái màu xanh mượt mà, cái sức sống quyết liệt ấy đã gợi mở rất nhiều điều mới lạ trong tôi. (Sử dụng biện pháp nhân hoá, điệp từ điệp ngữ)

*Câu 12:*

Hồ thả sen hồng nổi bật trên nền xanh đậm của những lá sen xòe rộng chen chúc nhau. Lá sen tròn vành vạnh như mặt trăng rằm. Mùa hoa nở, hương sen thơm ngát cả một vùng trời đất cỏ cây. Nước hồ trong veo và mát rượi. Mỗi khi có làn gió nhẹ thoảng qua, mặt nước hồ lại gợn sóng lăn tăn như mời gọi em vốc nước lên tay cho thỏa lòng vui thích

*Câu 13:*

a. Hôm nay là ngày khai trường. Hầu hết mọi người đều hăm hở bước. Khuôn mặt ai cũng tươi roi rói. Thế là một năm học mới lại bắt đầu.

b. Thế là mùa xuân đã về. Mùa xuân về trên những chồi non, lộc biếc. Mùa xuân về bằng những bụi mưa lay phay trên vai áo người đi đường. Mùa xuân về bằng cả tiếng chim hót lạnh lót trong các vòm cây .

*Câu 14: Tham khảo*

Đoạn 1: Hè về thật rồi! giữa sân trường em, cây phượng đã treo lung linh hàng ngàn bông hoa đỏ thắm. Không biết cây được trồng từ bao giờ, em chỉ biết khi em vào lớp một, bóng mát của cây phượng đã che chở cho em. Phượng đã gắn bó với em như người bạn theo từng năm tháng.

*Câu 15: Tham khảo:*

Đoạn 3: Vào ngày giỗ, tết, trái dừa cũng có mặt trên mâm ngũ quả của mọi nhà. Trái dừa phơi khô còn dùng làm gáo múc nước. Các tàu dừa khô làm củi để đốt rất đượm

*Câu 16: Gợi ý:*

- Đó là chiếc mặt nạ nào?
- Chiếc mặt nạ đó có hình dạng ra sao?
- Từng bộ phận có đặc điểm gì về màu sắc, hình dạng?
- Em cảm nghĩ gì khi nhìn chiếc mặt nạ ấy?

*Câu 17: Gợi ý:*

Yêu cầu của đề: Đề thuộc kiểu bài văn tả đồ vật. Đối tượng miêu tả là chiếc võng gắn với kỉ niệm của bố ở Trường Sơn.

Dựa vào bài “Chiếc võng của bố” bài viết phải tả được hình dáng, màu sắc, đặc điểm của chiếc võng đã gắn với kỉ niệm Trường Sơn. Bài viết cần thể hiện sự trân trọng, lòng tự hào về bố, về những năm tháng và những kỉ niệm chiến đấu hào hùng của bố và các chú các bác ở Trường Sơn.

*Câu 18: Gợi ý:*

Chắc hẳn bạn nào trong số các em cũng đã từng trải qua cảm giác băng khuâng, xao xuyến khi tạm biệt lớp cũ để lên lớp mới. Làm sao không xao xuyến, băng khuâng khi phải xa bảng đen, phấn trắng, xa chỗ ngồi thân quen đã từ lâu gắn bó với mình. Em lưu luyến với đồ vật nào nhất? Hãy tả lại đồ vật ấy cùng với cảm xúc của em!

*Câu 19: Tham khảo*

Đoạn văn nêu lên về đẹp, hương vị của cam xã Đoài:

Hè đến em được về xã Đoài cùng mẹ và lần nào em cũng được thưởng thức hương thơm cùng vị ngọt của những quả cam nơi đây. Chao ôi! Trông những quả cam

mới thích mắt làm sao! Mới ngày nào còn nhỏ xíu, da dày và xanh lét. Vậy mà giờ đây, nhờ được uống sương mai và tắm trong nắng sớm cùng nguồn dinh dưỡng mát lành từ đất mẹ mà chúng như được thay áo mới hàng loạt...

*Câu 20:* Dàn ý:

- Giới thiệu cây dừa: sống ở đâu?
- Tả quao quát
- Tả chi tiết các bộ phận: thân, quả, tàu, lá
- Nêu lợi ích của cây và cảm nghĩ của em.

*Câu 21 :* Quanh lăng Bác có rất nhiều loại hoa khác nhau nhưng em thích nhất là hoa hồng. Cây cao bằng vai em. Lá của nó có màu xanh mơn mớn, hoa có màu đỏ thắm trông như một ngọn lửa hồng đang rực cháy. Gốc của cây rất cứng và có màu xanh sẫm. Thân cây mập mập cũng có màu xanh sẫm, tuy nhiên nó có nhiều gai nhọn cứng và toả ra nhiều nhánh rất nhỏ. Cành của cây hồng có rất nhiều gai. Ở mép lá có rất nhiều răng cưa, lá già thì có màu xanh sẫm, còn lá non thì có màu xanh xám. Nụ hồng có hình ngọn nến, khi nụ còn bé thì nó khoác một chiếc áo choàng màu xanh, có nụ thì đã lộ dạng màu đỏ của cánh hoa. Có những bông hoa nở còn xoè cánh đỏ phờ nhụy vàng và có một mùi thơm thoang thoảng

*Câu 22:*

Chao ôi! Trông chú vẹt mới xinh xắn làm sao! Bộ lông rực rỡ sắc màu: xanh lá mạ, hồng cánh pháo, xám pha đen, đen ánh tím biếc thật là đẹp.

*Câu 24:* Đáp án:

Đoạn 1: Thứ tự đúng là a-d-c-b

Đoạn 2: Thứ tự đúng là d-a-c-b

*Câu 25:* b-e-d-g-a-c-f

*Câu 26:*

Học sinh cần phát hiện những lỗi sai trong đoạn văn và thay bằng những từ ngữ: “Thân bác khoác một tấm áo màu nâu xám, xù xì như áo giáp. Tán lá của bác tròn như một cái ô khổng lồ che mát cả một khoảng sân.”

*Câu 27:*

Học sinh nêu được câu văn có lỗi sai là: Mặt trước của cặp được trang trí hình chú gấu pool đang mỉm cười với em. Quai xách nho nhỏ, cong cong như chiếc cầu vồng. Khóa cặp được mạ kền sáng loáng như hai con của cặp.

*Câu 28:*

Hàng ngày, gà mẹ phải vất vả chăm sóc cả chục đứa con. Mà chục đứa con của chị đứa nào cũng đáng yêu. Mười chú đều vàng như cuộn tơ, hai chân của các chú gà con nhỏ xíu như hai chiếc tăm. Mắt chúng như hai hạt đậu, lúc nào cũng đưa đi đưa lại.

Câu 39:

a. Chỗ chưa hợp lý là cây bàng là loại cây to, loại cây cho bóng mát không thể nghiêng mình khi chỉ có một cơn gió lướt qua. Hơn nữa, vào mùa cây lá đang sum sê thì không thể diễn đạt là giờ bàn tay gầy guộc ra chào đón chị gió được.

Vì vậy có thể sửa lại là:

Cây bàng trong sân trường tán lá sum sê, mỗi khi có chị gió lướt qua, bàng giờ mấy chiếc lá như bàn tay của mình để chào đón chị.

Câu 30:

a. Từ dùng sai là từ đùa nghịch. Bởi khung cảnh khu vườn nên thơ, tĩnh lặng thì những chú bướm không nên miêu tả là đùa nghịch mà chỉ nên miêu tả là bay lượn.

Có thể viết thay:

Những chú bướm bay lượn rập rờn bên hoa làm khung cảnh khu vườn càng trở nên nên thơ, tĩnh lặng.

Câu 31:

a. Từ dùng chưa hợp lý là “bọn chim sâu”. Vì chim sâu là loài vật có ích cho cây, từ bọn thể hiện thái độ không yêu quý. Vì vậy cần thay thế:

Kẻ thù của lũ sâu làm hại cây cối là những chú chim sâu.

Câu 32:

a. Cây chuối cũng hơi cao, khoảng hai mét, to như cột nhà, theo chiều thẳng đứng, càng lên trên cao càng nhỏ lại. Thân chuối có nhiều lớp bẹ ốp chặt vào nhau như một người mặc nhiều lớp áo. Ở ngọn có nhiều tàu lá dài xòe ra như những chiếc quạt không lồ.

Câu 33:

a. Vào mỗi buổi sáng, mặt hồ Gươm long lanh như một tấm gương bầu dục không lồ.

Câu 34:

- Cánh đồng lúa rộng *mênh mông*.
- Đáng ghét - đáng yêu
- Bóng lôn - bóng mượt

Câu 35:

- a. Lật đật có cái bụng phệ như bụng ông địa trong đoàn múa lân.

Câu 36:

- a. Cái cổ áo như hai cái lá non trông thật dễ thương

Câu 37:

- Lá cọ tròn xòe ra nhiều phiến nhọn dài, trông xa như một rừng tay vẫy

Câu 38:

Cây phượng vĩ ở cổng trường đã nở hoa đỏ.

Câu 49:

Hai cánh chú như hai chiếc quạt nan, khi vỗ cánh tạo ra tiếng phành phạch tạo nên một làn gió rất mạnh

Câu 40:

- Chú gà khoác một cái áo thổ cẩm nhiều màu sắc rực rỡ.

Câu 41:

Mi-xu là một chú mèo tam thể rất *thông minh* của nhà em. Hằng ngày, với đôi mắt *tinh tường*, đôi bàn chân di chuyển *nhẹ nhàng* và những móng vuốt *sắc nhọn* chú ta đã làm cho lũ chuột phải khiếp sợ. Cả nhà em rất yêu quý Mi-xu vì nó luôn *chăm chỉ* bắt chuột trong nhà.

Câu 42

+ Các từ thường dùng trong miêu tả cây cối: *xanh mướt, mơn mẫm; khẳng khiu; xum xuê; rực rỡ; đỏ đỏ; ...*

+ Các từ thường dùng trong miêu tả đồ vật: *tròn xoe, nhỏ nhắn, ...*

+ Các từ thường dùng trong miêu tả con vật: *tinh nhanh, rón rén, oai vệ, ...*

Câu 43: Tìm các từ láy để chỉ về các đặc điểm của con vật:

Hình dáng: lực lưỡng, vạm vỡ, xinh xắn, gầy gò, ...

Kích thước: nhỏ nhỏ, tí ti, to tướng, ...

Lông: mượt mà, tua tủa, thưa thớt, cong cong, mềm mềm, ...

Các bộ phận:

+ Mặt: tươi tắn, nhăn nhó, ...

+ Mắt: tí hí, thao láo, lác liêng, long lanh, ...

+ Miệng: san sát, (đều) tăm tắp, ...

+ Cổ: cao cao, thon thon, ngắn ngắn, ...

+ Thân hình: nặng nề, khẳng khiu, loắt choắt, ...

Câu 44:

- Hăng say, thú vị, say mê, hào hứng, đam mê, say sưa...

Câu 45:

- lóng lánh, lung linh, lũ lũ
- nhòn nhọn, nhỏ nhẹ, đo đỏ, ngộ nguậy

Câu 46:

- Xanh: xanh xao, xanh xanh, xanh lè, xanh rờn...
- Đỏ: đo đỏ, đỏ chót, đỏ lè....
- Vàng: vàng khè, vàng chóc,...
- Trắng: trắng trắng, trắng xóa....

Câu 47:

- Bút, thước, tẩy....

Câu 48:

- Khuôn mặt mẹ xanh xao, hóc hác quá!
- Chú mèo mướp mắt xanh lè
- Cỏ mọc xanh rờn

Câu 59: Gợi ý đáp án:

Kẻo cà kẻo kẹt

Mênh mang trưa hè

Chim co chân ngủ

Lim dim cảnh tre

Kẻo cà kẻo kẹt

Cây na thiu thiu

Mắt na hé mở

Nhìn trời trong veo

Câu 50: Gợi ý đáp án:

- a) chệnh choang, chễm chệ, cồng kênh, chót vót.
- b) bát ngát, bần thần, bòn chòn, bẽn lẽn.
- c) dễ dãi, dằng dặc, dửng dưng, dùng dằng.

Câu 51: Gợi ý đáp án:

- a) sự sãi, xám xịt, sảng hờn, sanh sánh, sin sít.
- b) xối xả, sum vầy, sà xuống, lụp sụp, sụt sịt.



Câu 52:

- |                |               |
|----------------|---------------|
| a. Rung ring   | d. loắt choắt |
| b. Ngoan ngoãn | e. hồng hách  |
| c. Lung linh   | f. Xôn xao    |

Câu 53:

- màu sắc, ẩm ướt, ước mơ, lạc lõng, rắc rối, bất ngờ, sa mạc, giặt đồ
- cặp mắt, tức tối, mệt mỏi, chắc chắn, mặc áo, mặt nạ, mát mẻ

Câu 54:

- cây bàng, bàn bạc, cái bàn, hoa lan, khoai lang
- cửa hàng, màu vàng, lang thang, lan man, bảo ban

Câu 55:

- Chưa đến trưa mà trời đã nắng chang chang.
- Trong trạc mẹ em để chén ,bát, chai, lọ , xoong nồi.

Câu 56:

- Mùa xuân, những cánh hoa đào nở rộ khiến lòng người xa xứ xao xuyến nhớ quê hương.
- Những chiếc mặt nạ ấy được miêu tả hết sức sinh động

Câu 57:

Cây bò trên đất  
Lá rập quả tròn  
Ruột đỏ như son  
Vỏ ngoài xanh thẫm?  
(quả dưa)

Câu 58: Giải các câu đố sau

- |  |  |
|--|--|
| a. Con gì mào đỏ<br>Lông mượt như tơ<br>Sáng sớm tinh mơ<br>Gọi người thức dậy?<br>Là con gà trống | b. Bốn chân mà chỉ ở nhà<br>Khi nào khách tới kéo ra mời ngồi?<br>Là cái ghế |
|--|--|

Câu 59:

Sẻ non rất yêu bằng lăng và bé Thơ. Nó muốn giúp bông hoa. Nó chấp cánh, bay vù về phía cánh bằng lăng mảnh mai. Nó nhìn kĩ cánh hoa rồi đáp xuống. Cánh

hoa chao qua, chao lại. Sẻ non cố đứng vững. Thế là bông hoa chúc hẳn xuống, lọt vào khuôn cửa sổ.

Lập tức, sẽ nghe thấy tiếng reo từ trong gian phòng tràn ngập ánh nắng :

- Ôi, đẹp quá ! Sao lại có bông bằng lăng nở muộn thế kia ?

*Câu 60:*

Mèo con ôm mẹ

Bốn chân mèo mẹ

Thành bốn cánh tay

Ôm **cả** một bầu

Mèo con bé tí

Mướp, Vàng, Tam **thể**

Thằng Mun đóm bông

Nằm ngoài nằm trứng

Cho **đủ** bốn đũa.

Ngậm từng bầu **sữa**

Thức **ngủ** lơ mơ

Đũa **ngủ** say sưa

**Vẫn** con liếp mép.

Có đũa thêm thiệp

Bông ngã lã chềng

Mèo mẹ nằm yên

Minh cong trắng khuyết.

Vòng ôm chứa khít

May có cái đuôi

Thêm **nửa** vòng ngoài

Cho trăng tròn trịa.

Cái đuôi mèo mẹ

Cánh tay thứ năm

Êm ấm tuyệt trần

Mèo con, mèo mẹ.

(Trần Lê Văn)

*Câu 61:*

- Thoạt trông chiếc cặp rất đẹp
- Cặp có quai xách vừa tay em.
- Nước mưa không làm ướt cặp
- Em sắp xếp tập vở gọn gàng vào cặp.
- Con mèo nhà em có bộ ria rất dài
- Nó ăn ngồm ngồm
- Cây mít do ông em trồng từ khi em chưa sinh ra đời
- Cánh hoa có màu đỏ rực rất đẹp

**PHỤ LỤC 5**  
**Giáo án thực nghiệm**  
**BÀI 1: TẬP ĐỌC: SÀU RIÊNG (Tuần 22)**

**I. Mục tiêu:**

- Bước đầu biết đọc một đoạn trong bài có nhân giọng từ ngữ gợi tả.
- Hiểu nội dung: Tả cây sầu riêng có nhiều nét đặc sắc về hoa, quả và nét độc đáo về dáng cây.

**II. Đồ dùng dạy học**

- Tranh vẽ trái sầu riêng, bảng phụ
- SGK

**III. Tiến trình dạy học**

<i>Nội dung</i>	<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>1. Ôn định – Kiểm tra</p> <p>1.1. Ôn định</p> <p>1.2. Kiểm tra</p> <p>2. Dạy học bài mới</p> <p>2.1. Giới thiệu bài</p>	<p>- Yêu cầu lớp ngồi ngay ngắn</p> <p>- Kiểm tra 2 HS</p> <p>- Nhận xét – ghi điểm</p> <p>- Yêu cầu HS quan sát hình minh họa cho chủ điểm và nói ý nghĩa của chủ điểm thể hiện trong tranh</p> <p>- Giới thiệu: Tuần 22 đến tuần 24 các em sẽ học về chủ đề Vẻ đẹp muôn màu.</p> <p>- Cho HS quan sát tranh vẽ trái sầu riêng</p> <p>+ Loại trái cây này có tên là gì? Hãy kể đôi điều em biết về nó?</p>	<p>- Thực hiện</p> <p>- Thực hiện</p> <p>- Lắng nghe</p> <p>- Tranh vẽ những cảnh đẹp của đất nước: cảnh sông núi, nước non, nhà cửa, chùa chiền, có cây đa, bến nước, con đò rất thân thuộc với mỗi người dân Việt Nam.</p> <p>- Đây là trái sầu riêng, sầu riêng là trái quý. Sầu riêng rất ngon và có mùi đặc trưng</p>

<p>2.2.Hướng dẫn luyện đọc và tìm hiểu bài</p>	<p>- Giới thiệu cho HS biết thêm về trái Sầu riêng</p>	<p>- Lắng nghe</p>
<p>a. Luyện đọc</p>	<p>- Gọi HS đọc toàn bài          - Bài văn được chia làm mấy đoạn          - Gọi 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn          - Cho HS luyện đọc từ khó          - Gọi HS đọc phần chú giải          - Yêu cầu HS đọc lại toàn bài          - Đọc mẫu, chú ý giọng đọc</p>	<p>- Đọc          - 3 đoạn          - Thực hiện          - Đọc          - Đọc          - Đọc          - Lắng nghe</p>
<p>b.Tìm hiểu bài</p>	<p>- Yêu cầu HS đọc thầm đoạn 1 và trả lời câu hỏi:          + Sầu riêng là đặc sản vùng nào?          + Đề tả mùi hương đặc biệt của sầu riêng tác giả đã dùng những từ ngữ nào?(<i>Tích hợp</i>)          - Giới thiệu: Ở miền Nam nước ta có rất nhiều cây ăn quả. Nếu một lần vào thăm các miệt vườn nơi đây chúng ta khó mà ra được. Nơi nổi tiếng có nhiều sầu riêng nhất là Bình Long và Phước Long.          - Yêu cầu HS đọc toàn bài trao đổi và trả lời câu hỏi 2          - Gọi HS trình bày          - Em có nhận xét gì về cách miêu tả hoa sầu riêng, quả sầu riêng với dáng cây sầu riêng (<i>tích hợp</i>)</p>	<p>- Thực hiện          - Miền Nam          - Thơm mùi thơm, béo cái béo, ngọt cái vị ngọt          - Thực hiện          - Trình bày          - Tác giả miêu tả hoa sầu riêng, quả sầu riêng rất đặc sắc, vị ngon đến đam mê trái ngược hoàn toàn với dáng của cây.</p>

<p>c. Luyện đọc diễn cảm</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ở trong đoạn 3 này tác giả đã sử dụng hàng loạt các từ ngữ đã chọn lọc, nghệ thuật, biện pháp so sánh: “ Thân nó khẳng khiu, cao vút, cành ngang thẳng đuột – Lá nhỏ xanh vàng, hơi khép lại tưởng như lá héo”</li> <li>- Việc miêu tả hình dáng không đẹp của cây sầu riêng trái hẳn với hoa, quả của nó để làm nổi bật hương vị ngọt ngào của quả sầu riêng chín, đó là cách tương phản mà không phải bất kì ngòi bút nào cũng thể hiện được (các em cần học hỏi cách miêu tả này để vận dụng trong bài văn miêu tả của mình) (<i>tích hợp</i>)</li> <li>- Theo em “Quyến rũ” có nghĩa là gì?</li> <li>- Trong câu văn “ Hương vị quyến rũ đến lạ kì” em có thể tìm những từ nào thay từ quyến rũ</li> <li>- Tìm những câu văn thể hiện tình cảm của tác giả đối với cây sầu riêng?</li>   <li>- Yêu cầu HS tìm ý chính của từng đoạn</li> <li>- Gọi HS đọc toàn bài, trao đổi tìm ý chính của bài</li> <li>- Nhận xét, treo bảng phụ ghi nội dung.</li> <li>- Yêu cầu 3 HS đọc nối tiếp từng đoạn</li> <li>- Theo em để làm nổi bật giá trị và vẻ đẹp đặc sắc của cây sầu riêng chúng ta nên đọc bài với giọng như thế nào?</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắng nghe</li>   <li>- Làm cho người khác mê mẩn về cái đó</li> <li>- Hấp dẫn, lôi cuốn, làm say lòng người.</li> <li>- Sầu riêng là loại trái quý của miền Nam</li> <li>- Đứng ngắm cây sầu riêng tôi cứ nghĩ mãi về dáng cây kì lạ này.</li> <li>- Trả lời</li>   <li>- Thực hiện</li> <li>- Thực hiện</li> <li>- Nhẹ nhàng, chậm rãi</li> </ul>
------------------------------	--	---

3. Cùng cố- dẫn dò	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Treo bảng phụ đoạn thứ nhất và hướng dẫn HS đọc diễn cảm</li> <li>- Đọc mẫu</li> <li>- Yêu cầu HS đọc theo cặp</li> <li>- Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm</li> <li>- Tuyên dương</li> <li>- Gọi một HS đọc toàn bài</li> <li>- Yêu cầu HS nêu lại nội dung chính của bài</li> <li>- Nhận xét tiết học, tuyên dương</li> <li>- Dẫn dò</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát</li> <li>- Lắng nghe</li> <li>- Thực hiện</li> <li>- Tham gia</li> <li>- Đọc</li> <li>- Thực hiện</li> </ul>
-----------------------	--	--

## **BÀI 2: TẬP LÀM VĂN: LUYỆN TẬP QUAN SÁT CÂY CỐI (Tuần 22)**

### **I. Mục tiêu**

- Biết quan sát cây cối theo trình tự hợp lí, kết hợp các giác quan khi quan sát; bước đầu nhận ra được sự giống nhau giữa miêu tả một loài cây với miêu tả một cái cây.

- Ghi lại được các ý quan sát về một cây em thích theo một trình tự nhất định.

### **II. Đồ dùng dạy học**

- Tranh, ảnh một loài cây
- Bảng phụ

### **III. Tiến trình dạy học**

<b>Nội dung</b>	<b>Hoạt động của GV</b>	<b>Hoạt động của HS</b>
<b>1. Ôn định- Kiểm tra</b> 1.1. Ôn định 1.2 Kiểm tra  <b>2. Dạy học bài mới</b> 2.1. Giới thiệu bài 2.2. Nhận xét	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu lớp ngồi ngay ngắn</li> <li>- Kiểm tra 2 HS</li> <li>- Nhận xét, ghi điểm</li> <li>- Dẫn dắt vào bài</li> <li>- Gọi HS đọc yêu cầu của bài tập</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện</li> <li>- Thực hiện</li> </ul>

Bài 1:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS hoạt động nhóm 4</li> <li>+ Hướng dẫn từng nhóm: Đọc các bài văn trong SGK: Bãi ngô, cây gạo, sấu riêng trao đổi trả lời miệng từng câu hỏi</li> <li>- Yêu cầu đại diện nhóm trả lời</li> <li>- Treo bảng phụ, giải thích cho hiểu kỹ về trình tự quan sát, cách kết hợp các giác quan khi quan sát</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện</li> <li>- Thực hiện</li> <li>- Trình tự quan sát</li> <li>- Trả lời</li> </ul>
--------	--	--

TT	Sấu riêng	Bãi ngô	Cây gạo
1	Tả bao quát và nói lên nét đặc sắc của cây sấu riêng	Cây ngô từ nhỏ tới lúc trưởng thành	Cây gạo vào mùa hoa
2	Hoa và trái sấu riêng	Cây ngô ra hoa và bắp non	Cây gạo lúc hết mùa hoa
3	Thân, cành lá sấu riêng	Cây ngô vào lúc thu hoạch	Cây gạo lúc quả đã già

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài văn nào tác giả cho thấy quan sát từng bộ phận của cây để tả?</li> <li>- Bài bãi ngô và cây gạo tác giả quan sát theo trình tự nào?</li> <li>- Kết luận: Khi quan sát một cây để tả ta có thể quan sát từng bộ phận của cây hoặc quan sát từng thời kì phát triển của cây.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài sấu riêng</li> <li>- Theo từng thời kì phát triển của cây</li> <li>- Lắng nghe</li> </ul>
--	--

**b. Tác giả quan sát bằng những giác quan:**

- Sấu riêng: Quan sát bằng mắt để thấy hoa, quả, thân, cành, lá...mũi để cảm nhận hương thơm của trái, lưỡi để biết vị ngọt, béo ngậy của sấu riêng.
- Bãi ngô: Quan sát bằng mắt để thấy được cây ngô từ lúc lấm tấm đến khi ra hoa, ra bắp và thu hoạch. Tai để nghe tiếng chim hót trong vòm lá
- Cây gạo: Quan sát bằng mắt để thấy cây gạo khi vào mùa hoa, lúc hết mùa hoa và quả đã già. Tai để nghe tiếng tu hú gọi mùa trái chín.

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HS tìm các hình ảnh so sánh, nhân hóa trong từng bài</li> <li>- Gọi HS nhận xét</li> <li>- Nhận xét treo bảng phụ và giảng giải cho HS hiểu về từng hình ảnh so sánh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện</li> <li>- Nhận xét</li> <li>- Quan sát</li> </ul>
<p>Hình ảnh so sánh</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sầu riêng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trái sầu riêng thơm mùi của mít chín quyện với hương bưởi, béo cái béo cầu trứng gà, ngọt cái vị của mật ong già hạn, trái lủng lẳng dưới cành trông như tổ kiến</li> <li>+ Hoa sầu riêng thơm ngát như hương cau, hương bưởi. Cánh hoa nhỏ như vẩy cá, hao hao giống cánh sen</li> <li>+ Thân thiếu cái dáng cong, dáng nghiêng, chiều quần, chiều lượn của cây xoài, cây nhãn.</li> </ul> </li> <li>- Bãi ngô <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cây ngô lúc còn nhỏ lấm tấm như mạ non.</li> <li>+ Hoa ngô lúc còn nhỏ búp như kết bằng nhung và phấn. Hoa ngô lúc già xơ xác như cỏ may.</li> </ul> </li> <li>- Cây gạo: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cánh hoa rụng quay tít như chong chóng.</li> <li>+ Quả gạo múp míp, hai đầu thon vút như con thoi. Khi quả gạo già và nở bung ra, cây gạo như treo rung rinh hàng ngàn nôi cơm gạo mới.</li> </ul> </li> </ul> <p>Hình ảnh nhân hóa:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bãi ngô: Búp ngô non núp trong cuống lá. Bắp ngô chờ tay người đến hái.</li> <li>- Cây gạo: quả gạo chín nở bung ra như nôi cơm chín đội vung mà cười. Cây gạo già mỗi năm lại trở lại tuổi xuân. Sau mùa hoa, cây trở về dáng vẻ trầm tư và đứng im hiên lành.</li> </ul>		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo em trong bài văn miêu tả dùng các hình ảnh so sánh và nhân hóa có tác dụng gì?</li> <li>- Trong bài văn trên bài nào miêu tả một loài cây, bài nào miêu tả một cái cây cụ thể.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm cho bài văn miêu tả thêm cụ thể, sinh động, hấp dẫn và gần gũi với người đọc</li> <li>- Bài Sầu riêng, Bãi ngô tả một loài cây. Bài Cây gạo tả một cái cây cụ thể.</li> </ul>



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo em miêu tả một loài cây có điểm gì giống và khác với miêu tả một cây cụ thể?</li> <li>- Treo bảng phụ ghi sẵn lời giải và giảng cho học sinh hiểu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời</li> <li>- Lắng nghe</li> </ul>
<p>- Giống: Đều phải quan sát kỹ và sử dụng mọi giác quan, tả các bộ phận của cây, tả khung cảnh xung quanh cây, dùng biện pháp so sánh, nhân hóa để khắc họa sinh động, chính xác các đặc điểm của cây, bộc lộ tình cảm của người miêu tả</p> <p>- Khác: Tả cả loài cây cần chú ý đến các đặc điểm phân biệt loài cây này với các loài cây khác. Tả một cái cây cụ thể phải chú ý đến đặc điểm riêng của cây đó, đặc điểm làm nó khác biệt với các cây cùng loại.</p>		
Bài 2:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi HS đọc yêu cầu của bài tập</li> <li>- Yêu cầu HS làm bài. Nhắc HS quan sát một cái cây cụ thể, có thể là cây bóng mát, cây ăn quả, cây hoa nhưng đó phải là cây có thật trồng ở khu vực trường em hoặc nơi em ở.</li> <li>- Mời hai HS lên bảng trình bày bài làm của mình</li> <li>- Đưa ra các tiêu chí để lớp nhận xét: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cái cây bạn quan sát có gì khác với cây cùng loài.</li> <li>+ Tình cảm của bạn đối với cây đó như thế nào?</li> </ul> </li> <li>- Gọi HS nhận xét bài làm của bạn.</li> <li>- Nhận xét, tuyên dương</li> <li>- Yêu cầu một số em dưới lớp đọc to bài làm của mình.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện</li> <li>- Thực hiện</li> <li>- Trình bày</li> <li>- Nhận xét</li> <li>- Đọc</li> </ul>
3. Cũng cố dặn dò	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét tiết học</li> <li>- Yêu cầu HS về nhà lập dàn ý chi tiết miêu tả một cái cây cụ thể và quan sát thật kỹ một bộ phận của cây (thân, lá, gốc)</li> </ul>	

<p>Bài 3:</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nhận xét</li> <li>- GV nhận xét, kết luận</li> <li>- Gọi HS đọc yêu cầu</li> <li>- Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi</li> <li>- Các nhóm trình bày kết quả thảo luận</li>   <li>- Trong bài văn miêu tả cây cối, mỗi đoạn văn có nội dung như thế nào?</li>   <li>- Khi viết một đoạn văn trong bài văn miêu tả cây cối cần chú ý điều gì?</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét</li> <li>- Đọc</li> <li>- Thảo luận</li> <li>+ Đoạn 1: Tả thời kì cây gạo ra hoa</li> <li>+ Đoạn 2: Tả cây gạo lúc hết mùa hoa</li> <li>+ Tả thời kì cây gạo ra quả</li> <li>- Mỗi đoạn văn có nội dung nhất định chẳng hạn: tả bao quát, tả từng bộ phận của cây hoặc tả cây theo từng mùa, từng thời kì phát triển.</li> <li>- Hết mỗi đoạn văn cần xuống dòng.</li> </ul>
<p>2.3. Ghi nhớ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Treo bảng phụ ghi nội dung ghi nhớ</li> <li>- Gọi HS đọc nội dung ghi nhớ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc</li> </ul>
<p>2.4 Luyện tập Bài 1:</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi HS đọc yêu cầu</li> <li>- Gọi HS đọc nội dung bài văn “Cây trám đen”</li> <li>- Cả lớp đọc thầm</li> <li>- Yêu cầu lớp thảo luận nhóm 4</li> <li>+ Xác định các đoạn trong bài văn và tìm nội dung chính của từng đoạn.</li> <li>- Yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả thảo luận</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc</li> <li>- Đoạn 1: Tả bao quát thân cây, cành cây, lá cây trám đen</li> <li>- Đoạn 2: Hai loại trám đen</li> <li>- Đoạn 3: Ích lợi của quả trám đen</li> <li>- Đoạn 4: Tình cảm của người tả với cây trám</li> <li>- Quan sát, lắng nghe</li> <li>- Đọc</li> </ul>

### BÀI 3: TLV: ĐOẠN VĂN TRONG BÀI VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI (Tuần 23)

#### I. Mục tiêu

- Nắm được đặc điểm nội dung và hình thức của đoạn văn trong bài văn miêu tả cây cối (Nội dung ghi nhớ)

- Nhận biết và bước đầu biết cách xây dựng một đoạn văn nói về lợi ích của loài cây em biết (BT1, 2 mục III)

#### II. Đồ dùng dạy học

- SGK, SGV

- Bảng phụ, tranh

#### III. Tiến trình lên lớp

Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Ôn định - KT		
1.1. Ôn định	- Yêu cầu lớp hát	- Thực hiện
1.2. Kiểm tra bài cũ	- Kiểm tra 2 học sinh - Nhận xét, ghi điểm	- Thực hiện - Lắng nghe
2. Dạy-học bài mới		
2.1. Giới thiệu bài	- Giới thiệu	- Lắng nghe
2.2. Nhận xét Bài 1:	- Gọi HS đọc yêu cầu bài tập - Treo tranh về cây gạo + Tranh vẽ cây gì? + Đây chính là cây gạo, vậy để biết cây gạo có những đặc điểm gì bây giờ mời một em đọc to nội dung của bài cây gạo.	- Đọc - Cây gạo - Lắng nghe
Bài 2:	- Cả lớp đọc thầm - Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS xác định các đoạn trong bài văn + Vì sao em xác định được điều đó	- Thực hiện - Đọc Đoạn 1: Cây gạo... đẹp. Đoạn 2: Hết mùa... mẹ. Đoạn 3: Ngày tháng..... mới - Trả lời

<p>Bài 2:</p> <p>3. Cùng cố - Dẫn dò</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Treo tranh “Cây trám đen” giới thiệu thêm một số thông tin về cây này.</li> <li>- Gọi HS đọc yêu cầu</li> <li>- Tổ chức cho HS kể một số loại cây và nói sơ lược về lợi ích của nó.</li> <li>- Treo một số tranh về các loại cây cho HS quan sát</li> <li>- Yêu cầu HS tiến hành viết đoạn văn</li> <li>- Phát bảng phụ cho hai HS</li> <li>- Gọi 2 HS trình bày bài viết trên bảng</li> <li>- Lớp nhận xét</li> <li>- Gọi ý cách nhận xét</li> <li>+ Đoạn văn có nêu tên và lợi ích của cây đã tả chưa?</li> <li>+ Cách dùng từ như thế nào?</li> <li>+ Diễn đạt có mạch lạc không?</li> <li>- Gọi 1 số HS dưới lớp đọc bài viết của mình</li> <li>- Nhận xét</li> <li>- Yêu cầu HS nộp vở chấm bài.</li> <li>- Yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài học</li> <li>- Nhận xét tiết học</li> <li>- Yêu cầu HS chuẩn bị bài tiếp theo</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện</li> <li>- Quan sát</li> <li>- Thực hiện</li> <li>- Trình bày</li> <li>- Nhận xét</li> <li>- Đọc</li> <li>- Thực hiện</li> <li>- Thực hiện</li> </ul>
--	---	--

**BÀI 4: TLV: LUYỆN TẬP XÂY DỰNG MỞ BÀI TRONG BÀI VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI (Tuần 25)**

<i>Nội dung</i>	<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>1. Ôn định – Kiểm tra</p> <p>1.1. Ôn định</p> <p>1.2. Kiểm tra</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lớp ngồi ngay ngắn</li> <li>- Kiểm tra 2 HS</li> <li>- Nhận xét, ghi điểm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện</li> <li>- Thực hiện</li> </ul>

2. Dạy học bài mới		
2.1. Giới thiệu bài	- Dẫn dắt vào bài	- Lắng nghe
2.2. Hướng dẫn học sinh làm bài tập	- Gọi học sinh đọc yêu cầu	
Bài 1	<p>- Yêu cầu học sinh trao đổi thảo luận và nói tiếp nhau trả lời câu hỏi</p> <p>- Nhận xét, kết luận</p> <p>Điểm khác nhau</p> <p>Cách 1: Mở bài trực tiếp, giới thiệu ngay cây cần tả</p> <p>Cách 2: Mở bài gián tiếp: nói về mùa xuân, các loài hoa trong vườn rồi mới giới thiệu cây cần tả.</p>	<p>a) Mở bài trực tiếp: Giới thiệu ngay cây hoa cần tả là cây hồng nhung</p> <p>b) Mở bài gián tiếp: nói về mùa xuân, nói về các loài hoa trong vườn rồi mới giới thiệu đến cây hoa hồng nhung.</p>
Bài 2:	<p>- Gọi học sinh đọc yêu cầu và nội dung bài tập</p> <p>- Gọi ý: Các em hãy viết mở bài gián tiếp cho một trong 3 loài cây trên. Chẳng hạn:</p> <p>+ Dẫn dắt từ cái chung đến cái riêng, từ các loài cây đến một cây cụ thể, so sánh với các loài cây khác nhờ một đặc điểm nổi bật nào đó</p> <p>Ví dụ: Chưa mùa xuân nào vườn nhà em lại có nhiều hoa nở như thế. Trong nắng xuân tươi, nào hồng, nào huệ, nào thược</p>	<p>- Đọc</p> <p>- Lắng nghe</p>

	<p><i>được, cùng nhau khoe sắc. Nhưng em thích nhất là cây hoa mai được ba mang từ thành phố Hồ Chí Minh về vào dịp tết năm ngoái.</i></p> <p>+ Dẫn dắt từ việc liên tưởng tới một kỉ niệm gắn bó với cây</p> <p><i>Ví dụ: Từ xa nhìn lại trường em như một khu vườn cổ tích với rất nhiều cây bóng mát. Đó là những món quà mà các anh chị đi trước trồng tặng trường. Mỗi cây đều có một kỉ niệm riêng với lớp. Nhưng to nhất, đẹp nhất là cây phượng vĩ trồng ở giữa trường.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu học sinh tự làm</li> <li>- Yêu cầu 3 học sinh làm vào giấy khổ to dán lên bảng, đọc bài, yêu cầu cả lớp cùng nhận xét, sửa chữa.</li> <li>- Nhận xét, ghi điểm những đoạn văn học sinh viết tốt</li> </ul>	
<p>Bài 3:</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu học sinh hoạt động nhóm. Mỗi nhóm 4 học sinh ghi nhanh 4 câu hỏi lên bảng</li> <li>- Yêu cầu HS giới thiệu về cây mình chọn</li> <li>- Nhận xét</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện</li> <li>- Thực hiện</li> </ul>
<p>Bài 4:</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu học sinh đọc bài tập</li> <li>- Yêu cầu học sinh làm bài</li> <li>- Gọi 3 học sinh làm bài vào khổ giấy to dán bài lên bảng và đọc bài.</li> <li>- Yêu cầu học sinh cả lớp nhận xét</li> <li>- Gọi học sinh dưới lớp đọc đoạn mở bài của mình</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu</li> <li>- Nhận xét</li> <li>- Đọc</li> <li>- Thực hiện</li> </ul>
<p>3. Củng cố, dặn dò</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét tiết học</li> <li>- Dặn dò HS về chuẩn bị bài mới</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét</li> <li>- Đọc</li> </ul>

## PHỤ LỤC 6

### Phiếu kiểm tra thực nghiệm 1

Trường Tiểu học: .....

Họ và tên học sinh:.....

Lớp: 4/...

-----\*\*\*-----

Câu 1: Hương vị của sầu riêng có gì đặc biệt?

- A. Mùi thơm đậm, bay rất xa, lâu tan trong không khí.
- B. Hương thơm đậm và rất ngon.
- C. Mùi thơm đậm, bay rất xa.
- D. Mùi thơm đậm, lâu tan trong không khí.

Câu 2: Hoa sầu riêng có cấu tạo như thế nào và có màu gì?

- A. Hoa đậu từng chùm, màu trắng bạch
- B. Hoa đậu riêng lẻ, màu trắng ngà.
- C. Hoa đậu từng chùm, màu trắng ngà.
- D. Hoa riêng lẻ, màu trắng bạch

Câu 3: Tác giả so sánh trái sầu riêng lủng lẳng trên cành giống như tổ gì?

- A. Tổ kiến
- B. Tổ ong
- C. Tổ chim
- D. Tổ mối

Câu 4: Thứ tự miêu tả của tác giả trong bài “Sầu riêng” là gì?

- A. Hoa, quả, dáng cây, hương vị.
- B. Hương vị, hoa, quả, dáng cây.
- C. Hoa, quả, hương vị, dáng cây.

Câu 4: Đặt câu với các từ

- đỏ chót

- nở rộ

### Phiếu kiểm tra thực nghiệm 2

Trường Tiểu học: .....

Họ và tên học sinh:.....

Lớp: 4/...

Đọc đoạn văn sau:

#### Hoa xanh

Cây na ra hoa thứ hoa đặc biệt mang màu xanh của lá non.

Hoa lẫn trong lá cành, thả vào vườn hương thơm dịu ngọt âm cúng.

Cây na mảnh dẻ, phóng khoáng. Lá không lớn, cành chẳng um tùm lấm lấm nhưng toàn thân nó toát ra một không khí mát dịu, êm à khiến ta chìm ngợp giữa một điệu ru thấp thoáng mơ hồ

Và từ màu hoa xanh ẩn náu đó, những quả na nhỏ bé, tròn vo, trong không khí thanh bạch của vườn cứ mỗi ngày mỗi lớn.

Quả na mở biết bao nhiêu là mắt để ngắm nhìn mảnh đất sinh trưởng để thấy hết họ hàng, để nhận biết nắng từng chùm lấp lánh treo từ ngọn cây rơi xuống mặt đất.

Phạm Đức

( Trích Hương đồng cỏ nội)

- Trong đoạn văn trên tác giả đã miêu tả những bộ phận nào của cây?
- Ghi lại những từ ngữ tác giả đã dùng để miêu tả các bộ phận ấy.
- Tìm những biện pháp nghệ thuật tác giả đã sử dụng trong bài và tác dụng của chúng.

### Phiếu kiểm tra thực nghiệm 3

Trường Tiểu học: .....

Họ và tên học sinh:.....

Lớp: 4/...

-----\*\*\*-----

Câu 1: Đọc dàn ý bài văn tả cây dừa dưới đây

- Giới thiệu cây dừa
- Tả bao quát cây dừa
- Tả các bộ phận của cây dừa (tàu lá, quả dừa, vỏ dừa, nước dừa...)
- Nêu ích lợi của cây dừa.

Dựa vào dàn ý trên bạn Bảo An dự kiến viết bốn đoạn văn nhưng chưa đoạn nào hoàn chỉnh. Em hãy giúp bạn viết hoàn chỉnh bốn đoạn văn này (viết vào chỗ dấu)

Đoạn 1:[...] Nhưng em thích nhất là được ngồi dưới bóng mát rượi của những cây dừa.

Đoạn 2: Từ xa nhìn lại, em thấy những cây dừa cao to, trồng rất thẳng hàng. Thân cây được bao bọc bên ngoài bằng lớp vỏ cứng sần sùi màu nâu đen.[...]

Đoạn 3: Vào ngày giỗ, tết, trái dừa cũng có mặt trên mâm ngũ quả của mọi nhà.[...]

Đoạn 4: [...] Cây dừa tô điểm cho miền Nam một vẻ đẹp đáng yêu.



Câu 2: Viết một đoạn văn miêu tả cây cối có sử dụng các biện pháp tu từ đã học, có câu mở đầu:

“ Mỗi khi mùa xuân về...”

#### Phiếu kiểm tra thực nghiệm 4

Trường Tiểu học: .....

Họ và tên học sinh: .....

Lớp: 4/...

-----\*\*\*-----

Hãy viết một đoạn mở bài gián tiếp theo các đề bài sau:

- Tả một cây có nhiều kỉ niệm với em
- Tả một loài hoa mà em yêu thích
- Tả một loại quả mà em có dịp thưởng thức.

#### PHỤ LỤC 7

##### Hướng dẫn sử dụng các biện pháp trong dạy học văn miêu tả lớp 4

#### 1. Biện pháp rèn các kĩ năng làm viết văn miêu tả cho HS

Đối với các biện pháp này được áp dụng hầu hết trong các tiết lên lớp của từng kiểu bài văn miêu tả được học trong chương trình văn miêu tả lớp 4. Được thể hiện trong các bài tập mà bài học đưa ra như:

##### \* *Bài tập về quan sát vật cần miêu tả:*

Gồm các loại bài:

- Quan sát qua việc khảo sát văn bản:

+ Đặc điểm: Cho một văn bản. Dựa vào những câu hỏi bên dưới, HS tìm hiểu cách quan sát.

Ví dụ: *Đọc lại ba bài văn miêu tả cây cối mới học (sầu riêng, bãi ngô, cây gạo) và nhận xét:*

a. *Tác giả mỗi bài văn quan sát cây theo trình tự nào?*

b. *Chỉ ra những hình ảnh nhân hoá và so sánh mà em thích. Theo em các hình ảnh so sánh và nhân hoá có tác dụng gì?*

c. *Trong ba bài văn trên, bài văn nào miêu tả một loại cây, bài nào miêu tả một cây cụ thể?*

(TV4, tập 2, trang 39)

+ Mục đích: Giúp HS biết quan sát theo một trình tự hợp lí bằng nhiều giác quan (mắt nhìn, tai nghe, tay sờ...) nhằm phát hiện ra những đặc điểm riêng biệt của nó.

- Quan sát thông qua thực tế:

+ Đặc điểm: Đề bài thường yêu cầu HS quan sát những vật gần gũi với cuộc sống của các em.

Ví dụ: *Quan sát và miêu tả các đặc điểm ngoại hình con mèo (con chó) của nhà em hoặc nhà hàng xóm.*

(TV4, tập 2, trang 20)

+ Mục đích: Luyện tập cách quan sát, vận dụng những cái đã biết vào để quan sát trong thực tế.

**\* Lập dàn ý trong bài văn miêu tả:**

- Đặc điểm: Đề bài thường yêu cầu HS lập dàn ý miêu tả đồ vật nào đó theo gợi ý cho sẵn.

Ví dụ: Lập dàn ý miêu tả một cây ăn quả quen thuộc theo một trong hai cách sau:

- Tả lần lượt từng bộ phận của cây.

- Tả lần lượt từng thời kỳ phát triển của cây.

Hay ví dụ: Lập dàn ý chi tiết tả một con vật nuôi trong nhà (chim, chó, mèo...).

+ Mục đích: Rèn luyện kỹ năng lập dàn ý cho HS để chuẩn bị cho việc viết bài.

**\* Bài tập luyện tập xây dựng đoạn văn:**

Gồm các loại bài:

- Xác định đoạn văn trong một bài văn:

+ Đặc điểm: Cho một bài văn. Tìm các đoạn văn và các nội dung của các đoạn văn đó thông qua việc trả lời các câu hỏi bên dưới.

Ví dụ: *Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:*

### **Cây bút máy**

*Hỏi lớp hai em thường ao ước có một cây bút máy nhưng bố bảo: "Bao giờ lên lớp bốn hãy dùng con ạ!" Rồi ngày khai giảng lớp bốn đến, bố mẹ mua cho con một cây bút máy bằng nhựa. Cây bút dài gần một gang tay. Thân bút tròn nhỏ nhắn bằng ngón tay nhỏ. Chất nhựa bút vẫn còn thơm, nom nhẵn bóng. Nắp bút màu hồng có cái cài bằng sắt mạ bóng loáng.*

*Mở nắp ra em thấy ngòi bút sáng loáng hình lá tre, nhìn không rõ. Mỗi khi lấy mực, một nửa ngòi đẫm màu mực tím. Em viết lên trang giấy, nét bút trơn tạo nên những dòng chữ đều đặn, mềm mại. Khi viết xong, em lấy giẻ lau nhẹ cho mực khỏi kết vào. Rồi em tra nắp bút cho ngòi khỏi bị toè trước khi cất vào cặp.*

*Đã mấy tháng rồi mà cây bút vẫn còn mới. Bút cùng em làm việc chăm chỉ ngày ngày như chiếc cày của bác nông dân cày trên đồng ruộng.*

a. Bài văn gồm mấy đoạn?

b. Tìm đoạn văn tả hình dáng bên ngoài của cây bút máy.

c. Tìm đoạn văn tả cái ngòi bút.

d. Hãy tìm câu mở đoạn và kết đoạn của đoạn văn thứ ba. Theo em, đoạn văn này nói về cái gì?

(TV4, tập 1, trang 145)

+ Mục đích: Giúp HS hiểu được cấu tạo cơ bản và hình thức thể hiện của đoạn văn trong bài văn miêu tả để nhận biết mỗi đoạn văn.

- Sắp xếp câu văn thành đoạn văn:

+ Đặc điểm: Cho các câu văn bị xáo trộn trật tự. Yêu cầu HS sắp xếp sao cho logic.

Ví dụ: Sắp xếp các câu sau thành một đoạn văn:

a. Đôi mắt nâu trầm ngơ ngác nhìn xa, cái bụng mịn mượt cổ yếm quàng chiếc tạp dề công nhân đầy hạt cườm lấp lánh biêng biếc.

b. Con chim gáy hiền lành béo nục.

c. Chàng chim gáy nào giọng càng dài thì quang cổ càng được đeo vòng cườm đẹp.

(TV4, tập 2, trang 130)

+ Mục đích: Giúp các em biết trình tự của một đoạn văn miêu tả.

- Viết đoạn văn theo yêu cầu:

+ Đặc điểm: Đề bài yêu cầu viết một đoạn văn theo nội dung đã cho.

Ví dụ: Quan sát ngoại hình của một con vật mà em yêu thích và viết một đoạn văn miêu tả ngoại hình của con vật đó.

(TV4, tập 2, trang 140)

+ Mục đích: Rèn cách viết một đoạn văn đầy đủ ba phần mở đầu, diễn biến, kết thúc.

**\* Bài tập luyện cách viết mở bài, kết bài trong văn tả:**

Gồm các loại bài tương tự trong văn kể chuyện:

- Nhận diện các mở bài, kết bài:

+ Đặc điểm: Cho một số mở bài (kết bài) của cùng một đề văn. Yêu cầu HS xác định xem những mở bài (kết bài) đó được viết theo cách nào.

Ví dụ: Dưới đây là một số đoạn mở bài cho bài văn miêu tả cái cặp sách. Các đoạn ấy có gì giống và khác nhau.

a. Vào ngày khai trường, bố mua cho em một chiếc cặp sách rất đẹp.

b. Ai là học sinh mà chẳng có cặp sách. Thế mà suốt mấy năm nay em chỉ có chiếc túi vải đơn sơ mang đến trường.

c. Chủ Nhật vừa qua mưa nặng hạt, em không đi thăm bà ngoại được. Ba bảo em giúp ba sắp xếp lại cái tủ ở trong buồng. Giữa đống đồ đạc cũ ba dỡ từ trên nóc tủ xuống, chợt em gặp lại chiếc cặp nhỏ đã theo em đi học suốt hai năm lớp một và lớp hai.

(TV4, tập 2, trang 10)

+ Mục đích: Giúp các em nhận biết các cách mở bài và kết bài trong bài văn miêu tả.

- Xác định mở bài, kết bài trong văn bản:

+ Đặc điểm: Cho một bài văn miêu tả hoàn chỉnh. Yêu cầu học sinh xác định mở bài và kết bài trong bài văn đó, cho biết chúng thuộc cách nào?

Ví dụ: Bài tập 1/T141- SGK II có bài văn "Chim công mùa". HS đọc và trả lời câu hỏi:

a. Tìm đoạn mở bài, kết bài.

b. Các đoạn trên giống cách mở bài, kết bài nào đã học.

c. Em có thể chọn những câu nào trong bài để:

- Mở bài theo cách trực tiếp.

- Kết bài theo cách không mở rộng.

+ Mục đích: Giúp HS nhận biết được mở bài, kết bài trong một bài văn miêu tả.

- Viết mở bài, kết bài theo gợi ý cho sẵn:

Ví dụ 1: Dựa vào gợi ý dưới đây hãy viết đoạn mở bài (Theo cách trực tiếp hoặc gián tiếp) cho bài văn tả cây mai, cây phượng, cây dừa.

a. Cây phượng vĩ trồng giữa sân nhà em.

b. Trước sân nhà em, bố em trồng một cây hoa mai.

c. Đầu xóm có một cây dừa.

(TV4, tập 2, trang 142)

Ví dụ 2: Viết đoạn kết bài cho bài văn miêu tả con vật em vừa làm ở tiết học trước theo cách kết bài mở rộng.

+ Mục đích: Rèn luyện viết kết bài, mở bài theo những cách đã được học.

- Phân biệt đoạn văn mở bài, kết bài với những đoạn văn khác.

+ Đặc điểm: Cho một số câu văn, xác định chúng có thể dùng làm kết bài được không?

Ví dụ: *Có thể dùng các câu sau làm kết bài được không?*

a. *Rồi đây đến ngày rời xa mái trường thân yêu, em sẽ mang theo nhiều kỉ niệm của một thời thơ ấu bên gốc bàng thân thiết của em. (Đề bài: Tả cây bàng ở sân trường em.)*

b. *Em rất thích cây phượng vĩ, phượng chẳng những có bóng mát để vui chơi mà còn tăng thêm vẻ đẹp của trường em. (Đề bài: Tả cây phượng trường em.)*

(TV4, tập 2, trang 82)

+ Mục đích: Giúp học sinh thấy rõ sự khác biệt căn bản của đoạn văn mở bài, kết bài với những đoạn văn khác. Mở bài có nhiệm vụ giới thiệu chung về vật định tả và dẫn dắt người đọc. Kết bài khép lại toàn bộ bài văn và có cảm xúc của người viết nếu có thể.

## 2. Biện pháp tích hợp trong các phân môn học khác

Biện pháp này thường được áp dụng vào bài học trong các phân môn Tiếng Việt như Tập đọc, Luyện từ và câu và phân môn Chính tả. Cụ thể:

### \* *Phân môn Tập đọc*

Phân tích cách dùng từ hình ảnh, các biện pháp nghệ thuật miêu tả đẹp của tác giả trong các bài Tập đọc

- Bài: “Cánh diều tuổi thơ”: Cánh diều mềm mại như cánh bướm (biện pháp so sánh)

- Bài: Sầu riêng: Sầu riêng thơm mùi thơm của mít chín quyện với hương bưởi, béo cái béo của trứng gà, ngọt cái vị ngọt của mật ong già hạn (Cách quan sát bằng các giác quan)

- Bài: Hoa học trò: Phượng không phải một đóa, không phải vài cành; phượng đây là cả một loạt, cả một vùng, cả một góc trời đỏ rực. (cách dùng từ ngữ của tác giả)

- Bài: Con chuồn chuồn nước: Ôi chao! Chú chuồn chuồn nước mới đẹp làm sao! Màu vàng trên lưng chú lấp lánh. Bốn cái cánh mỏng như giấy bóng. Cái đầu tròn và hai con mắt long lanh như thủy tinh. Thân chú nhỏ và thon vàng như màu vàng của nắng mùa thu. (Cách dùng từ và sử dụng các biện pháp nghệ thuật của tác giả)

### \* *Phân môn Luyện từ và câu:*

- Trong bài: Câu kể Ai thế nào (TV4, tập 2, trang 23)

Bài 1: Đọc đoạn văn sau:

Bên đường, cây cối xanh um. Nhà cửa thưa thớt dần. Đàn voi bước đi chậm rãi. Chúng thật hiền lành. Người quản tượng ngồi vắt vẻo trên chú voi đi đầu. Anh trẻ và thật khỏe mạnh. Thỉnh thoảng anh lại cúi xuống như nói điều gì với chú voi.

Bài 2: Tìm những từ ngữ chỉ đặc điểm, tính chất hoặc trạng thái của sự vật trong câu văn ở đoạn văn trên.

- Trong bài: Mở rộng vốn từ : Cái đẹp (TV4, tập 2, trang 52)

Bài 3: Tìm các từ ngữ miêu tả mức độ cao của cái đẹp

**\* Phân môn Chính tả**

- Trong bài: Nghe viết: Cánh diều tuổi thơ

Bài 2: Tìm tên các đồ chơi hoặc trò chơi:

a, Chứa tiếng bắt đầu bằng tr hoặc ch

b, Chứa tiếng có thanh hỏi hoặc thanh ngã

- Trong bài: Nghe viết: Cha đẻ của chiếc lốp xe đạp (TV4, tập 2, trang 14)

Bài 2: Điền vào chỗ trống:

a) ch hay tr

...uyên ...ong vòm lá

...im gì có vui

Mà nghe riu rít

Như ...ế reo cười.

Nguyễn Bao

**3. Hệ thống bài tập**

- Thường áp dụng tích hợp trong các bài TLV hoặc Luyện từ và câu và phân lớn được sử dụng trong các tiết ôn luyện Tiếng Việt buổi chiều hoặc các tiết trả bài.